

B. PHẨM KẾT HỢP CHUNG **(YUGANADDHAVAGGA)**

I. GIẢNG VỀ SỰ KẾT HỢP CHUNG **(YUGANADDHAKATHĀ)**

Tôi đã được nghe như vậy:

Một thời, Đại đức Ānanda ngụ tại Kosambī, tu viện Ghosita. Chính ở tại nơi ấy, Đại đức Ānanda đã bảo các vị Tỳ-khuru rằng:

- Nay các Đại đức Tỳ-khuru.
- Thưa Đại đức.

Các vị Tỳ-khuru ấy đã đáp lại Đại đức Ānanda. Đại đức Ānanda đã nói điều này:

– Nay các Đại đức, bất cứ vị Tỳ-khuru hoặc Tỳ-khuru-ni nào tuyên bố về phẩm vị A-la-hán ở sự hiện diện của tôi, tất cả đều do bốn đạo lộ hoặc do một đạo lộ nào đó của bốn đạo lộ này. Do bốn [đạo lộ] gì?

Này các Đại đức, ở đây, vị Tỳ-khuru tu tập minh sát có chỉ tịnh đi trước. Trong khi vị ấy tu tập minh sát có chỉ tịnh đi trước, đạo lộ được hình thành [cho vị ấy]. Vị ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn đạo lộ ấy. Trong khi vị ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn đạo lộ ấy, các sự ràng buộc được dứt bỏ, các ngũ ngầm được chấm dứt [đối với vị ấy].

Này các Đại đức, còn có điều khác nữa là vị Tỳ-khuru tu tập chỉ tịnh có minh sát đi trước. Trong khi vị ấy tu tập chỉ tịnh có minh sát đi trước, đạo lộ được hình thành [cho vị ấy]. Vị ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn đạo lộ ấy. Trong khi vị ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn đạo lộ ấy, các sự ràng buộc được dứt bỏ, các ngũ ngầm được chấm dứt [đối với vị ấy].

Này các Đại đức, còn có điều khác nữa là vị Tỳ-khuru tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung. Trong khi vị ấy tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung, đạo lộ được hình thành [cho vị ấy]. Vị ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn đạo lộ ấy. Trong khi vị ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn đạo lộ ấy, các sự ràng buộc được dứt bỏ, các ngũ ngầm được chấm dứt [đối với vị ấy].

Này các Đại đức, còn có điều khác nữa là [trường hợp] tâm của vị Tỳ-khuru bị khuấy động bởi sự phóng dật đối với các pháp. Nay các Đại đức, lúc tâm ấy trụ lại, tập trung lại, được chuyên nhất, được định ở chính nội phần, lúc ấy

là thời điểm đạo lộ được hình thành cho vị ấy. Vị ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn đạo lộ ấy. Trong khi vị ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn đạo lộ ấy, các sự ràng buộc được dứt bỏ, các ngũ ngâm được chấm dứt [đối với vị ấy].

Này các Đại đức, bất cứ vị Tỳ-khuru hoặc Tỳ-khuru-ni nào tuyên bố về phẩm vị A-la-hán ở sự hiện diện của tôi, tất cả đều do bốn đạo lộ này hoặc do một đạo lộ nào đó của bốn đạo lộ này.

Tu tập minh sát có chỉ tịnh đi trước là [có ý nghĩa] thế nào? Do tác động của sự thoát ly, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định. Về các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy, theo ý nghĩa của sự quán xét là vô thường là minh sát, theo ý nghĩa của sự quán xét là khổ não là minh sát, theo ý nghĩa của sự quán xét là vô ngã là minh sát. Như thế là chỉ tịnh trước, minh sát sau. Vì thế được nói rằng: “Tu tập minh sát có chỉ tịnh đi trước.”

Tu tập: Có bốn sự tu tập: Là sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy, là sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị đối với các quyền, là sự tu tập theo ý nghĩa khởi động tinh tấn [thích hợp] nhằm đạt đến giải thoát Niết-bàn, là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện.

Đạo lộ được hình thành: Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] thế nào? Chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức là đạo lộ được hình thành, chánh tư duy theo ý nghĩa gắn chặt [tâm vào cảnh] là đạo lộ được hình thành, chánh ngữ theo ý nghĩa gìn giữ là đạo lộ được hình thành, chánh nghiệp theo ý nghĩa nguồn sanh khởi là đạo lộ được hình thành, chánh mạng theo ý nghĩa trong sạch là đạo lộ được hình thành, chánh tinh tấn theo ý nghĩa ra sức là đạo lộ được hình thành, chánh niệm theo ý nghĩa thiết lập là đạo lộ được hình thành, chánh định theo ý nghĩa không tán mạn là đạo lộ được hình thành. Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] như thế.

“Vị ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn đạo lộ ấy.” **Rèn luyện:** Rèn luyện là [có ý nghĩa] thế nào? Trong khi hướng tâm vị ấy rèn luyện, trong khi nhận biết vị ấy rèn luyện, trong khi nhận thấy vị ấy rèn luyện, trong khi quán xét lại vị ấy rèn luyện, trong khi khẳng định tâm vị ấy rèn luyện, trong khi hướng đến đức tin vị ấy rèn luyện, trong khi ra sức tinh tấn vị ấy rèn luyện, trong khi thiết lập niệm vị ấy rèn luyện, trong khi tập trung tâm vị ấy rèn luyện, trong khi nhận biết bởi tuệ vị ấy rèn luyện, trong khi biết rõ điều cần được biết rõ vị ấy rèn luyện, trong khi biết toàn diện điều cần được biết toàn diện vị ấy rèn luyện, trong khi dứt bỏ điều cần được dứt bỏ vị ấy rèn luyện, trong khi tác chứng điều cần được tác chứng vị ấy rèn luyện. Rèn luyện là [có ý nghĩa] như thế.

Tu tập: Tu tập là [có ý nghĩa] thế nào? Trong khi hướng tâm vị ấy tu tập, trong khi nhận biết vị ấy tu tập, trong khi nhận thấy vị ấy tu tập, trong khi quán xét lại vị ấy tu tập, trong khi khẳng định tâm vị ấy tu tập, trong khi hướng đến đức tin vị ấy tu tập, trong khi ra sức tinh tấn vị ấy tu tập, trong khi thiết lập niệm vị ấy tu tập, trong khi tập trung tâm vị ấy tu tập, trong khi nhận biết bởi tuệ vị ấy tu tập, trong khi biết rõ điều cần được biết rõ vị ấy tu tập, trong khi biết toàn

diện điều cần được biết toàn diện vị ấy tu tập, trong khi dứt bỏ điều cần được dứt bỏ vị ấy tu tập, trong khi tu tập điều cần được tu tập vị ấy tu tập, trong khi tác chứng điều cần được tác chứng vị ấy tu tập. Tu tập là [có ý nghĩa] như thế.

Làm cho sung mãn: Làm cho sung mãn là [có ý nghĩa] thế nào? Trong khi hướng tâm vị ấy làm cho sung mãn, trong khi nhận biết vị ấy làm cho sung mãn, trong khi nhận thấy vị ấy làm cho sung mãn, trong khi quán xét lại vị ấy làm cho sung mãn, trong khi khẳng định tâm vị ấy làm cho sung mãn, trong khi hướng đến đức tin vị ấy làm cho sung mãn, trong khi ra sức tinh tấn vị ấy làm cho sung mãn, trong khi thiết lập niệm vị ấy làm cho sung mãn, trong khi tập trung tâm vị ấy làm cho sung mãn, trong khi nhận biết bởi tuệ vị ấy làm cho sung mãn, trong khi biết rõ điều cần được biết rõ vị ấy làm cho sung mãn, trong khi biết toàn diện điều cần được biết toàn diện vị ấy làm cho sung mãn, trong khi dứt bỏ điều cần được dứt bỏ vị ấy làm cho sung mãn, trong khi tu tập điều cần được tu tập vị ấy làm cho sung mãn, trong khi tác chứng điều cần được tác chứng vị ấy làm cho sung mãn. Làm cho sung mãn là [có ý nghĩa] như thế.

Trong khi vị ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn đạo lộ ấy, các ràng buộc được dứt bỏ, các ngũ ngảm được chấm dứt [đối với vị ấy]. Các ràng buộc được dứt bỏ, các ngũ ngảm được chấm dứt là [có ý nghĩa] thế nào? Do đạo Nhập lưu, ba sự ràng buộc này được dứt bỏ là thân kiến, hoài nghi, sự cố chấp vào giới và nghi thức; hai ngũ ngảm này được chấm dứt là kiến ngũ ngảm, hoài nghi ngũ ngảm. Do đạo Nhất lai, hai sự ràng buộc này được dứt bỏ là ràng buộc của ái dục và ràng buộc của bất bình có tính chất thô thiển; hai ngũ ngảm này được chấm dứt là ái dục ngũ ngảm và bất bình ngũ ngảm có tính chất thô thiển. Do đạo Bất lai, hai sự ràng buộc này được dứt bỏ là ràng buộc của ái dục và ràng buộc của bất bình có tính chất vi tế; hai ngũ ngảm này được chấm dứt là ái dục ngũ ngảm và bất bình ngũ ngảm có tính chất vi tế. Do đạo A-la-hán, năm sự ràng buộc này được dứt bỏ là ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật, vô minh; ba ngũ ngảm này được chấm dứt là ngã mạn ngũ ngảm, ái hữu ngũ ngảm, vô minh ngũ ngảm. Các sự ràng buộc được dứt bỏ, các ngũ ngảm được chấm dứt là [có ý nghĩa] như thế.

Do tác động của sự không sân độc, trạng thái chuyên nhất không tán mạn của tâm là định... (nt)... Do tác động của sự nghĩ tưởng về ánh sáng, trạng thái chuyên nhất không tán mạn của tâm là định... (nt)... Có sự quán xét về từ bỏ do tác động của hơi thở vào, có sự quán xét về từ bỏ do tác động của hơi thở ra, trạng thái chuyên nhất không tán mạn của tâm là định. Về các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy, theo ý nghĩa của sự quán xét là vô thường là minh sát; theo ý nghĩa của sự quán xét là khổ não là minh sát; theo ý nghĩa của sự quán xét là vô ngã là minh sát. Như thế là chỉ tịnh trước, minh sát sau. Vì thế được nói rằng: “Tu tập minh sát có chỉ tịnh đi trước.”

Tu tập: Có bốn sự tu tập: Là sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy, là sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị

đối với các quyền, là sự tu tập theo ý nghĩa khởi động tinh tấn [thích hợp] nhằm đạt đến giải thoát Niết-bàn, là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện.

Đạo lộ được hình thành: Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] thế nào? Chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức là đạo lộ được hình thành, chánh tư duy theo ý nghĩa gắn chặt [tâm vào cảnh] là đạo lộ được hình thành,... (nt)... chánh định theo ý nghĩa không tán mạn là đạo lộ được hình thành. Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] như thế.

“Vị ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn đạo lộ ấy.” **Rèn luyện:** Rèn luyện là [có ý nghĩa] thế nào? Trong khi hướng tâm vị ấy rèn luyện, trong khi nhận biết... (nt)... trong khi tác chứng điều cần được tác chứng vị ấy rèn luyện. Rèn luyện là [có ý nghĩa] như thế.

Tu tập: Tu tập là [có ý nghĩa] thế nào? Trong khi hướng tâm vị ấy tu tập, trong khi nhận biết vị ấy tu tập... (nt)... trong khi tác chứng điều cần được tác chứng vị ấy tu tập. Tu tập là [có ý nghĩa] như thế.

Làm cho sung mãn: Làm cho sung mãn là [có ý nghĩa] thế nào? Trong khi hướng tâm vị ấy làm cho sung mãn, trong khi nhận biết... (nt)... trong khi tác chứng điều cần được tác chứng vị ấy làm cho sung mãn. Làm cho sung mãn là [có ý nghĩa] như thế.

Trong khi vị ấy rèn luyện, tu tập, làm cho sung mãn đạo lộ ấy, các ràng buộc được dứt bỏ, các ngũ ngàm được chấm dứt [đối với vị ấy]: Các ràng buộc được dứt bỏ, các ngũ ngàm được chấm dứt là [có ý nghĩa] thế nào? Do đạo Nhập lưu, ba sự ràng buộc này được dứt bỏ là thân kiến, hoài nghi, sự cố chấp vào giới và nghi thức; hai ngũ ngàm này được chấm dứt là kiến ngũ ngàm, hoài nghi ngũ ngàm. Do đạo Nhất lai, hai sự ràng buộc này được dứt bỏ là ràng buộc của ái dục và ràng buộc của bất bình có tính chất thô thiển; hai ngũ ngàm này được chấm dứt là ái dục ngũ ngàm và bất bình ngũ ngàm có tính chất thô thiển. Do đạo Bất lai, hai sự ràng buộc này được dứt bỏ là ràng buộc của ái dục và ràng buộc của bất bình có tính chất vi tế; hai ngũ ngàm này được chấm dứt là ái dục ngũ ngàm và bất bình ngũ ngàm có tính chất vi tế. Do đạo A-la-hán, năm sự ràng buộc này được dứt bỏ là ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật, vô minh; ba ngũ ngàm này được chấm dứt là ngã mạn ngũ ngàm, ái hữu ngũ ngàm, vô minh ngũ ngàm. Các ràng buộc được dứt bỏ, các ngũ ngàm được chấm dứt là [có ý nghĩa] như thế.

Tu tập minh sát có chỉ tịnh đi trước là [có ý nghĩa] như thế.

Tu tập chỉ tịnh có minh sát đi trước là [có ý nghĩa] thế nào? Với ý nghĩa của sự quán xét là vô thường là minh sát; với ý nghĩa của sự quán xét là khổ não là minh sát; với ý nghĩa của sự quán xét là vô ngã là minh sát. Do xả ly là đối tượng của các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định. Như thế là minh sát trước, chỉ tịnh sau. Vì thế được nói rằng: “Tu tập chỉ tịnh có minh sát đi trước.”

Tu tập: Có bốn sự tu tập: ... (nt)... là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. **Đạo lộ được hình thành:** Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] thế nào? ... (nt)... Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] như thế. ... (nt)... Các ràng buộc được dứt bỏ, các ngũ ngầm được chấm dứt là [có ý nghĩa] như thế.

Với ý nghĩa của sự quán xét sắc là vô thường là minh sát; với ý nghĩa của sự quán xét sắc là khổ não là minh sát; với ý nghĩa của sự quán xét sắc là vô ngã là minh sát. Do xả ly là đối tượng của các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định. Như thế là minh sát trước, chỉ tịnh sau. Vì thế được nói rằng: “Tu tập chỉ tịnh có minh sát đi trước.”

Tu tập: Có bốn sự tu tập: ... (nt)... là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. **Đạo lộ được hình thành:** Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] thế nào? ... (nt)... Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] như thế. ... (nt)... Các sự ràng buộc được dứt bỏ, các ngũ ngầm được chấm dứt là [có ý nghĩa] như thế.

Với ý nghĩa của sự quán xét thọ... tưởng... các hành... thức... mắt... lão tử là vô thường là minh sát... (nt)... lão tử là khổ não... (nt)... lão tử là vô ngã là minh sát. Do xả ly là đối tượng của các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định. Như thế là minh sát trước, chỉ tịnh sau. Vì thế được nói rằng: “Tu tập chỉ tịnh có minh sát đi trước.”

Tu tập: Có bốn sự tu tập: ... (nt)... là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. **Đạo lộ được hình thành:** Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] thế nào? ... (nt)... Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] như thế. ... (nt)... Các ràng buộc được dứt bỏ, các ngũ ngầm được chấm dứt là [có ý nghĩa] như thế.

Tu tập chỉ tịnh có minh sát đi trước là [có ý nghĩa] như thế.

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung là [có ý nghĩa] thế nào? Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo mười sáu biểu hiện: Theo ý nghĩa đối tượng, theo ý nghĩa hành xử, theo ý nghĩa dứt bỏ, theo ý nghĩa buông bỏ, theo ý nghĩa thoát ra, theo ý nghĩa ly khai, theo ý nghĩa an tịnh, theo ý nghĩa cao quý, theo ý nghĩa được giải thoát, theo ý nghĩa vô lậu, theo ý nghĩa vượt qua, theo ý nghĩa vô tướng, theo ý nghĩa vô nguyện, theo ý nghĩa không tánh, theo ý nghĩa nhất vị, theo ý nghĩa không vượt trội, theo ý nghĩa kết hợp chung.

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa đối tượng là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với vị đang dứt bỏ phóng dật, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định, có sự diệt tận là đối tượng. Đối với vị đang dứt bỏ vô minh, minh sát theo ý nghĩa quán xét có sự diệt tận là đối tượng. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa đối tượng là có nhất vị, được kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: “Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa của cảnh [đối tượng].”

Tu tập: Có bốn sự tu tập: ... (nt)... là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện. **Đạo lộ được hình thành:** Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] thế nào? ... (nt)... Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] như thế. ... (nt)... Các ràng buộc được dứt bỏ,

các ngũ ngầm được chấm dứt là [có ý nghĩa] như thế. Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa của cảnh [đối tượng] là [có ý nghĩa] như thế.

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa hành xứ là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với vị đang dứt bỏ phóng dật, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định có sự diệt tận là hành xứ. Đối với vị đang dứt bỏ vô minh, minh sát theo ý nghĩa quán xét có sự diệt tận là hành xứ. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa hành xứ là có nhất vị, được kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: “Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa hành xứ.”

Tu tập: ... (nt)...

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa dứt bỏ là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với vị đang dứt bỏ các phiền não đi cùng với phóng dật và [đang dứt bỏ] các uẩn, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định có sự diệt tận là hành xứ. Đối với vị đang dứt bỏ các phiền não đi cùng với vô minh và [đang dứt bỏ] các uẩn, minh sát theo ý nghĩa quán xét có sự diệt tận là hành xứ. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa dứt bỏ là có nhất vị, được kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: “Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa dứt bỏ.” ... (nt)...

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa buông bỏ là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với vị đang buông bỏ các phiền não đi cùng với phóng dật và [buông bỏ] các uẩn, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định có sự diệt tận là hành xứ. Đối với vị đang buông bỏ các phiền não đi cùng với vô minh và [buông bỏ] các uẩn, minh sát theo ý nghĩa quán xét có sự diệt tận là hành xứ. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa buông bỏ là có nhất vị, được kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: “Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa buông bỏ.” ... (nt)...

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa thoát ra là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với vị đang thoát ra khỏi các phiền não đi cùng với phóng dật và [thoát ra khỏi] các uẩn, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định có sự diệt tận là hành xứ. Đối với vị đang thoát ra khỏi các phiền não đi cùng với vô minh và [thoát ra khỏi] các uẩn, minh sát theo ý nghĩa quán xét có sự diệt tận là hành xứ. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa thoát ra là có nhất vị, được kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: “Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa thoát ra.” ... (nt)...

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa ly khai là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với vị đang ly khai các phiền não đi cùng với phóng dật và [ly khai] các uẩn, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định có sự diệt tận là hành xứ. Đối với vị đang ly khai các phiền não đi cùng với vô minh và [ly khai] các uẩn, minh sát theo ý nghĩa quán xét có sự diệt tận là hành xứ. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa ly khai là có nhất vị, được kết hợp chung, không

vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: “Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa ly khai.” ... (nt)...

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa an tịnh là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với vị đang dứt bỏ phóng dật, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định, là an tịnh, có sự diệt tận là hành xứ. Đối với vị đang dứt bỏ vô minh, minh sát theo ý nghĩa quán xét là an tịnh có sự diệt tận là hành xứ. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa an tịnh là có nhất vị, được kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: “Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa an tịnh.” ... (nt)...

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa cao quý là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với vị đang dứt bỏ phóng dật, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định, là cao quý, có sự diệt tận là hành xứ. Đối với vị đang dứt bỏ vô minh, minh sát theo ý nghĩa quán xét là cao quý có sự diệt tận là hành xứ. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa cao quý là có nhất vị, được kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: “Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa cao quý.” ... (nt)...

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa được giải thoát là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với vị đang dứt bỏ phóng dật, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định, là được giải thoát khỏi dục lậu, có sự diệt tận là hành xứ. Đối với vị đang dứt bỏ vô minh, minh sát theo ý nghĩa quán xét là được giải thoát khỏi các vô minh lậu, có sự diệt tận là hành xứ. Như thế, sự ly tham ái khỏi các tham ái là sự giải thoát của tâm, sự ly tham ái khỏi vô minh là sự giải thoát của tuệ. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa được giải thoát là có nhất vị, được kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: “Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa được giải thoát.” ... (nt)...

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa vô lậu là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với vị đang dứt bỏ phóng dật, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định, là vô lậu đối với dục lậu, có sự diệt tận là hành xứ. Đối với vị đang dứt bỏ vô minh, minh sát theo ý nghĩa quán xét là vô lậu đối với vô minh lậu, có sự diệt tận là hành xứ. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa vô lậu là có nhất vị, được kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: “Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa vô lậu.” ... (nt)...

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa vượt qua là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với vị đang vượt qua các phiền não đi cùng với phóng dật và [vượt qua] các uẩn, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định có sự diệt tận là hành xứ. Đối với vị đang vượt qua các phiền não đi cùng với vô minh và [vượt qua] các uẩn, minh sát theo ý nghĩa quán xét có sự diệt tận là hành xứ. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa vượt qua là có nhất vị, được

kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: “Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa vượt qua.” ... (nt)...

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa vô tướng là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với vị đang dứt bỏ phóng dật, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định, là vô tướng đối với tất cả các hiện tướng, có sự diệt tận là hành xử. Đối với vị đang dứt bỏ vô minh, minh sát theo ý nghĩa quán xét là vô tướng đối với tất cả các hiện tướng, có sự diệt tận là hành xử. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa vô tướng là có nhất vị, được kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: “Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa vô tướng.” ... (nt)...

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa vô nguyên là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với vị đang dứt bỏ phóng dật, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định, là vô nguyên đối với tất cả các nguyên ước, có sự diệt tận là hành xử. Đối với vị đang dứt bỏ vô minh, minh sát theo ý nghĩa quán xét là vô nguyên đối với tất cả các nguyên ước, có sự diệt tận là hành xử. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa vô nguyên là có nhất vị, được kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: “Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa vô nguyên.” ... (nt)...

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa không tánh là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với vị đang dứt bỏ phóng dật, trạng thái chuyên nhất không tán loạn của tâm là định, là không đối với tất cả các cố chấp, có sự diệt tận là hành xử. Đối với vị đang dứt bỏ vô minh, minh sát theo ý nghĩa quán xét là không đối với tất cả các cố chấp, có sự diệt tận là hành xử. Như thế, chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa không tánh là có nhất vị, được kết hợp chung, không vượt trội lẫn nhau. Vì thế, được nói rằng: “Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa không tánh.” ... (nt)...

Tu tập: Có bốn sự tu tập: Là sự tu tập theo ý nghĩa không vượt trội đối với các pháp đã được sanh lên trong trường hợp ấy, là sự tu tập theo ý nghĩa nhất vị đối với các quyền, là sự tu tập theo ý nghĩa khởi động tinh tấn [thích hợp] nhằm đạt đến giải thoát Niết-bàn, là sự tu tập theo ý nghĩa rèn luyện.

Đạo lộ được hình thành: Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] thế nào? ... (nt)... Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] như thế. ... (nt)... Các sự ràng buộc được dứt bỏ, các ngũ ngầm được chấm dứt là [có ý nghĩa] như thế.

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo ý nghĩa không tánh là [có ý nghĩa] như thế.

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung theo mười sáu biểu hiện là [có ý nghĩa] như thế.

Tu tập chỉ tịnh và minh sát kết hợp chung là [có ý nghĩa] như thế.

Tâm của vị Tỳ-khưu bị khuấy động bởi sự phóng dật đối với các pháp là [có ý nghĩa] thế nào? Đối với vị đang tác ý vô thường, có ánh sáng sanh lên. [Hành

giả] hướng tâm đến ánh sáng rằng: “Ánh sáng là pháp”; sự tán mạn do việc ấy là phóng dật. Do sự phóng dật ấy, [hành giả] có tâm bị khuấy động, không nhận biết đúng theo thực thể về sự thiết lập là vô thường, không nhận biết đúng theo thực thể về sự thiết lập là khổ não, không nhận biết đúng theo thực thể về sự thiết lập là vô ngã. Vì thế, được nói rằng: *“Tâm bị khuấy động bởi sự phóng dật đối với các pháp. Lúc ấy là thời điểm, là lúc tâm ấy trụ lại, tập trung lại, được chuyên nhất, được định ngay ở nội phần.”*

Đạo lộ được hình thành cho vị ấy: Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] thế nào? ... (nt)... Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] như thế. ... (nt)... Các sự ràng buộc được dứt bỏ, các ngũ ngầm được chấm dứt là [có ý nghĩa] như thế.

Đối với vị đang tác ý vô thường, có trí sanh lên... có hỷ sanh lên... có tịnh sanh lên... có lạc sanh lên... có sự cương quyết sanh lên... có sự ra sức sanh lên... có sự thiết lập sanh lên... có xả sanh lên... có ao ước sanh lên. [Hành giả] hướng tâm đến sự ao ước rằng: “Ao ước là pháp”; sự tán mạn do việc ấy là phóng dật. Do sự phóng dật ấy, [hành giả] có tâm bị khuấy động, không nhận biết đúng theo thực thể về sự thiết lập là vô thường, không nhận biết đúng theo thực thể về sự thiết lập là khổ não, không nhận biết đúng theo thực thể về sự thiết lập là vô ngã. Vì thế, được nói rằng: *“Tâm bị khuấy động bởi sự phóng dật đối với các pháp. Lúc tâm ấy trụ lại, tập trung lại, được chuyên nhất, được định ở chính nội phần, lúc ấy là thời điểm.”* **Đạo lộ được hình thành cho vị ấy:** Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] thế nào? ... (nt)... Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] như thế. ... (nt)... Các sự ràng buộc được dứt bỏ, các ngũ ngầm được chấm dứt là [có ý nghĩa] như thế.

Đối với vị đang tác ý khổ não... (nt)... Đối với vị đang tác ý vô ngã, có ánh sáng sanh lên... có trí sanh lên... có hỷ sanh lên... có tịnh sanh lên... có lạc sanh lên... có sự cương quyết sanh lên... có sự ra sức sanh lên... có sự thiết lập sanh lên... có xả sanh lên... có ao ước sanh lên. [Hành giả] hướng tâm đến sự ao ước rằng: “Ao ước là pháp”; sự tán mạn do việc ấy là phóng dật. Do sự phóng dật ấy, [hành giả] có tâm bị khuấy động, không nhận biết đúng theo thực thể về sự thiết lập là vô ngã, về sự thiết lập là vô thường, về sự thiết lập là khổ não. Vì thế, được nói rằng: *“Tâm bị khuấy động bởi sự phóng dật đối với các pháp...”* (nt)... Các sự ràng buộc được dứt bỏ, các ngũ ngầm được chấm dứt là [có ý nghĩa] như thế.

Đối với vị đang tác ý sắc là vô thường... (nt)... Đối với vị đang tác ý sắc là khổ não... (nt)... Đối với vị đang tác ý sắc là vô ngã... (nt)... Đối với vị đang tác ý thọ... tưởng... các hành... thức... mắt... lão tử là vô thường... (nt)... Đối với vị đang tác ý lão tử là khổ não... (nt)... Đối với vị đang tác ý lão tử là vô ngã, có ánh sáng sanh lên... có trí sanh lên... có hỷ sanh lên... có tịnh sanh lên... có lạc sanh lên... có sự cương quyết sanh lên... có sự ra sức sanh lên... có sự thiết lập sanh lên... có xả sanh lên... có ao ước sanh lên. [Hành giả] hướng tâm đến sự ao ước rằng: “Ao ước là pháp”; sự tán mạn do việc ấy là phóng dật. Do sự phóng

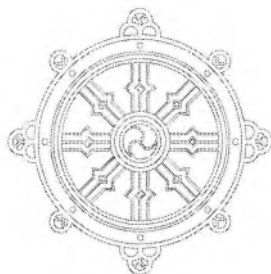
dật ấy, [hành giả] có tâm bị khuấy động, không nhận biết đúng theo thực thể về lão tử có sự thiết lập là vô ngã, không nhận biết đúng theo thực thể về lão tử có sự thiết lập là vô thường, không nhận biết đúng theo thực thể về lão tử có sự thiết lập là khô não. Vì thế, được nói rằng: “*Tâm bị khuấy động bởi sự phóng dật đối với các pháp. Lúc ấy là thời điểm, là lúc tâm ấy trụ lại, tập trung lại, được chuyên nhất, được định ngay ở nội phần.*”

Đạo lộ được hình thành cho vị ấy: Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] thế nào? ... (nt)... Đạo lộ được hình thành là [có ý nghĩa] như thế. ... (nt)... Các sự ràng buộc được dứt bỏ, các ngũ ngầm được chấm dứt là [có ý nghĩa] như thế.

Tâm bị khuấy động bởi sự phóng dật đối với các pháp là [có ý nghĩa] như thế.

- | | |
|--|---|
| (1) Rung động về ánh sáng,
Về tịnh và về lạc, | Về tuệ và về hỷ,
Bởi chúng tâm xao động, |
| (2) Rung động về cương quyết,
Do hướng tâm đến xả, | Ra sức và thiết lập,
Và ao ước về xả. |
| (3) Vị nào huân tập tuệ
Biết phóng dật do pháp, | Về mười trường hợp này,
Không sa vào lầm lẫn. |
| (4) Bị tán mạn, ô nhiễm,
Tán mạn, không ô nhiễm, | Tu tập tâm đình chỉ;
Tu tập bị thối thất. |
| (5) Tán mạn, không ô nhiễm,
Không tán, tâm vô nhiễm | Tu tập không thối thất,
Tu tâm không đình chỉ. |
| (6) Với bốn trường hợp này,
Thâu hẹp và khuấy động | Hiểu rõ mười trường hợp
Vì tán mạn của tâm. |

Phản giảng về “Sự kết hợp chung” được đầy đủ.



II. GIẢNG VỀ CHÂN LÝ (SACCAKATHĀ)

Đầy đủ phân duyên khởi: Nay các Tỳ-khuru, đây là bốn thực thể, là không ngoài thực thể, không phải là dị thể. Bốn là gì? Nay các Tỳ-khuru, “đây là khổ”, điều này là thực thể, điều này là không ngoài thực thể, điều này không phải là dị thể; “đây là nhân sanh khổ”, điều này là thực thể, điều này là không ngoài thực thể, điều này không phải là dị thể; “đây là sự diệt tận khổ”, điều này là thực thể, điều này là không ngoài thực thể, điều này không phải là dị thể; “đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ”, điều này là thực thể, điều này là không ngoài thực thể, điều này không phải là dị thể. Nay các Tỳ-khuru, đây là bốn thực thể, là không ngoài thực thể, không phải là dị thể.

Khổ là chân lý theo ý nghĩa của thực thể là [có ý nghĩa] thể nào? Bốn ý nghĩa về khổ của khổ là thực thể, là không ngoài thực thể, không phải là dị thể: Ý nghĩa áp bức, ý nghĩa tạo tác, ý nghĩa nóng nảy, ý nghĩa chuyển biến của khổ; bốn ý nghĩa này về khổ của khổ là thực thể, là không ngoài thực thể, không phải là dị thể. Khổ là chân lý theo ý nghĩa của thực thể là [có ý nghĩa] như thế.

Nhân sanh [khổ] là chân lý theo ý nghĩa của thực thể là [có ý nghĩa] thể nào? Bốn ý nghĩa về nhân sanh của nhân sanh [khổ] là thực thể, là không ngoài thực thể, không phải là dị thể: Ý nghĩa tích lũy [nghiệp], ý nghĩa căn nguyên, ý nghĩa ràng buộc, ý nghĩa vương bận của nhân sanh [khổ]; bốn ý nghĩa này về nhân sanh của nhân sanh [khổ] là thực thể, là không ngoài thực thể, không phải là dị thể. Nhân sanh [khổ] là chân lý theo ý nghĩa của thực thể là [có ý nghĩa] như thế.

Sự diệt tận [khổ] là chân lý theo ý nghĩa của thực thể là [có ý nghĩa] thể nào? Bốn ý nghĩa về diệt tận của sự diệt tận [khổ] là thực thể, là không ngoài thực thể, không phải là dị thể: Ý nghĩa xuất ly, ý nghĩa viễn ly, ý nghĩa không tạo tác, ý nghĩa bất tử của sự diệt tận [khổ]; bốn ý nghĩa này về diệt tận của sự diệt tận [khổ] là thực thể, là không ngoài thực thể, không phải là dị thể. Sự diệt tận [khổ] là chân lý theo ý nghĩa của thực thể là [có ý nghĩa] như thế.

Đạo là chân lý theo ý nghĩa của thực thể là [có ý nghĩa] thể nào? Bốn ý nghĩa về đạo của đạo là thực thể, là không ngoài thực thể, không phải là dị thể: Ý nghĩa dẫn xuất, ý nghĩa nguyên nhân, ý nghĩa nhận thức, ý nghĩa pháp chủ đạo của đạo; bốn ý nghĩa này về đạo của đạo là thực thể, là không ngoài thực thể, không phải là dị thể. Đạo là chân lý theo ý nghĩa của thực thể là [có ý nghĩa] như thế.

Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt là với bao nhiêu biểu hiện? Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt là với bốn biểu hiện: Theo ý nghĩa thực thể, theo ý nghĩa vô ngã, theo ý nghĩa chân lý, theo ý nghĩa thấu triệt; bốn chân lý được tổng hợp chung lại là với bốn biểu hiện này. Điều nào được tổng hợp chung lại, điều ấy là nhất thể. Nhất thể được thấu triệt bởi một trí, như thế bốn chân lý là có chung một sự thấu triệt.

Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa thực thể là [có ý nghĩa] thế nào? Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa thực thể là với bốn biểu hiện: Ý nghĩa về khổ của khổ là ý nghĩa về thực thể, ý nghĩa về nhân sanh của nhân sanh [khổ] là ý nghĩa về thực thể, ý nghĩa về diệt tận của sự diệt tận [khổ] là ý nghĩa về thực thể, ý nghĩa về đạo của đạo là ý nghĩa về thực thể; bốn chân lý được tổng hợp chung lại theo ý nghĩa thực thể là với bốn biểu hiện này. Điều nào được tổng hợp chung lại, điều ấy là nhất thể. Nhất thể được thấu triệt bởi một trí, như thế bốn chân lý là có chung một sự thấu triệt.

Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa vô ngã là [có ý nghĩa] thế nào? Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa vô ngã là với bốn biểu hiện: Ý nghĩa về khổ của khổ là ý nghĩa về vô ngã, ý nghĩa về nhân sanh của nhân sanh [khổ] là ý nghĩa về vô ngã, ý nghĩa về diệt tận của sự diệt tận [khổ] là ý nghĩa về vô ngã, ý nghĩa về đạo của đạo là ý nghĩa về vô ngã; bốn chân lý được tổng hợp chung lại theo ý nghĩa vô ngã là với bốn biểu hiện này. Điều nào được tổng hợp chung lại, điều ấy là nhất thể. Nhất thể được thấu triệt bởi một trí, như thế bốn chân lý là có chung một sự thấu triệt.

Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa chân lý là [có ý nghĩa] thế nào? Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa chân lý là với bốn biểu hiện: Ý nghĩa về khổ của khổ là ý nghĩa về chân lý, ý nghĩa về nhân sanh của nhân sanh [khổ] là ý nghĩa về chân lý, ý nghĩa diệt tận của sự diệt tận [khổ] là ý nghĩa về chân lý, ý nghĩa về đạo của đạo là ý nghĩa về chân lý; bốn chân lý được tổng hợp chung lại theo ý nghĩa chân lý là với bốn biểu hiện này. Điều nào được tổng hợp chung lại, điều ấy là nhất thể. Nhất thể được thấu triệt bởi một trí, như thế bốn chân lý là có chung một sự thấu triệt.

Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa thấu triệt là [có ý nghĩa] thế nào? Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa thấu triệt là với bốn biểu hiện: Ý nghĩa về khổ của khổ là ý nghĩa về thấu triệt, ý nghĩa về nhân sanh của nhân sanh [khổ] là ý nghĩa về thấu triệt, ý nghĩa diệt tận của sự diệt tận [khổ] là ý nghĩa về thấu triệt, ý nghĩa về đạo của đạo là ý nghĩa về thấu triệt; bốn chân lý được tổng hợp chung lại theo ý nghĩa thấu triệt là với bốn biểu hiện này. Điều nào được tổng hợp chung lại, điều ấy là nhất thể. Nhất thể được thấu triệt bởi một trí, như thế bốn chân lý là có chung một sự thấu triệt.

Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt là [có ý nghĩa] thế nào? Điều gì là vô thường, điều ấy là khổ não; điều gì là khổ não, điều ấy là vô thường. Điều gì là vô thường và khổ não, điều ấy là vô ngã. Điều gì là vô thường, khổ não và

vô ngã, điều ấy là thực thể. Điều gì là vô thường, khổ não, vô ngã và thực thể, điều ấy là chân lý. Điều gì là vô thường, khổ não, vô ngã, thực thể và chân lý, điều ấy là được tổng hợp chung lại. Điều gì được tổng hợp chung lại, điều ấy là nhất thể. Nhất thể được thấu triệt bởi một trí, như thế bốn chân lý là có chung một sự thấu triệt.

Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt là với bao nhiêu biểu hiện? Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt là với chín biểu hiện: Theo ý nghĩa thực thể, theo ý nghĩa vô ngã, theo ý nghĩa chân lý, theo ý nghĩa thấu triệt, theo ý nghĩa biết rõ, theo ý nghĩa biết toàn diện, theo ý nghĩa từ bỏ, theo ý nghĩa tu tập, theo ý nghĩa tác chứng; bốn chân lý có chung một sự thấu triệt là với chín biểu hiện này. Điều gì được tổng hợp chung lại, điều ấy là nhất thể. Nhất thể được thấu triệt bởi một trí, như thế bốn chân lý là có chung một sự thấu triệt.

Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa thực thể là [có ý nghĩa] thể nào? Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa thực thể là với chín biểu hiện: Ý nghĩa về khổ của khổ là ý nghĩa về thực thể, ý nghĩa về nhân sanh của nhân sanh [khổ] là ý nghĩa về thực thể, ý nghĩa về diệt tận của sự diệt tận [khổ] là ý nghĩa về thực thể, ý nghĩa về đạo của đạo là ý nghĩa về thực thể, ý nghĩa về biết rõ của thắng trí là ý nghĩa về thực thể, ý nghĩa về biết toàn diện của toàn trí là ý nghĩa về thực thể, ý nghĩa về từ bỏ của sự từ bỏ là ý nghĩa về thực thể, ý nghĩa về tu tập của sự tu tập là ý nghĩa về thực thể, ý nghĩa về tác chứng của sự tác chứng là ý nghĩa về thực thể; bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa thực thể là với chín biểu hiện này. Điều gì được tổng hợp chung lại, điều ấy là nhất thể. Nhất thể được thấu triệt bởi một trí, như thế bốn chân lý là có chung một sự thấu triệt.

Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa vô ngã... theo ý nghĩa chân lý... theo ý nghĩa thấu triệt là [có ý nghĩa] thể nào? Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa thấu triệt là với chín biểu hiện: Ý nghĩa về khổ của khổ là ý nghĩa về thấu triệt, ý nghĩa về nhân sanh của nhân sanh [khổ] là ý nghĩa về thấu triệt, ý nghĩa về diệt tận của sự diệt tận [khổ] là ý nghĩa về thấu triệt, ý nghĩa về đạo của đạo là ý nghĩa về thấu triệt, ý nghĩa về biết rõ của thắng trí là ý nghĩa về thấu triệt, ý nghĩa về biết toàn diện của toàn trí là ý nghĩa về thấu triệt, ý nghĩa về từ bỏ của sự từ bỏ là ý nghĩa về thấu triệt, ý nghĩa về tu tập của sự tu tập là ý nghĩa về thấu triệt, ý nghĩa về tác chứng của sự tác chứng là ý nghĩa về thấu triệt; bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa thấu triệt là với chín biểu hiện này. Điều gì được tổng hợp chung lại, điều ấy là nhất thể. Nhất thể được thấu triệt bởi một trí, như thế bốn chân lý là có chung một sự thấu triệt.

Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt là với bao nhiêu biểu hiện? Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt là với mười hai biểu hiện: Theo ý nghĩa thực thể, theo ý nghĩa vô ngã, theo ý nghĩa chân lý, theo ý nghĩa thấu triệt, theo ý nghĩa biết rõ, theo ý nghĩa biết toàn diện, theo ý nghĩa hiện tượng, theo ý nghĩa sự

kiện, theo ý nghĩa điều đã được biết, theo ý nghĩa tác chứng, theo ý nghĩa chạm đến, theo ý nghĩa lãnh hội; bốn chân lý có chung một sự thấu triệt là với mười hai biểu hiện này. Điều gì được tổng hợp chung lại, điều ấy là nhất thể. Nhất thể được thấu triệt bởi một trí, như thế bốn chân lý là có chung một sự thấu triệt.

Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa thực thể là [có ý nghĩa] thể nào? Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa thực thể là với mười sáu biểu hiện: Ý nghĩa áp bức, ý nghĩa tạo tác, ý nghĩa nóng nảy, ý nghĩa chuyển biến của khổ là ý nghĩa về thực thể; ý nghĩa tích lũy [nghiệp], ý nghĩa căn nguyên, ý nghĩa ràng buộc, ý nghĩa vương bận của nhân sanh [khổ] là ý nghĩa về thực thể; ý nghĩa xuất ly, ý nghĩa viễn ly, ý nghĩa không tạo tác, ý nghĩa bất tử của sự diệt tận [khổ] là ý nghĩa về thực thể; ý nghĩa dẫn xuất, ý nghĩa nguyên nhân, ý nghĩa nhận thức, ý nghĩa pháp chủ đạo của đạo là ý nghĩa về thực thể; bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa thực thể là với mười sáu biểu hiện này. Điều gì được tổng hợp chung lại, điều ấy là nhất thể. Nhất thể được thấu triệt bởi một trí, như thế bốn chân lý là có chung một sự thấu triệt.

Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa vô ngã... theo ý nghĩa chân lý... theo ý nghĩa thấu triệt... theo ý nghĩa biết rõ... theo ý nghĩa biết toàn diện... theo ý nghĩa hiện tượng... theo ý nghĩa sự kiện... theo ý nghĩa điều đã được biết... theo ý nghĩa tác chứng... theo ý nghĩa chạm đến... theo ý nghĩa lãnh hội là [có ý nghĩa] thể nào? Bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa lãnh hội là với mười sáu biểu hiện: Ý nghĩa áp bức, ý nghĩa tạo tác, ý nghĩa nóng nảy, ý nghĩa chuyển biến của khổ là ý nghĩa về lãnh hội; ý nghĩa tích lũy [nghiệp], ý nghĩa căn nguyên, ý nghĩa ràng buộc, ý nghĩa vương bận của nhân sanh [khổ] là ý nghĩa về lãnh hội; ý nghĩa xuất ly, ý nghĩa viễn ly, ý nghĩa không tạo tác, ý nghĩa bất tử của sự diệt tận [khổ] là ý nghĩa về lãnh hội; ý nghĩa dẫn xuất, ý nghĩa nguyên nhân, ý nghĩa nhận thức, ý nghĩa pháp chủ đạo của đạo là ý nghĩa về lãnh hội; bốn chân lý có chung một sự thấu triệt theo ý nghĩa lãnh hội là với mười sáu biểu hiện này. Điều gì được tổng hợp chung lại, điều ấy là nhất thể. Nhất thể được thấu triệt bởi một trí, như thế bốn chân lý là có chung một sự thấu triệt.

Có bao nhiêu tướng trạng của chân lý? Có hai tướng trạng của chân lý: Tướng trạng hữu vi và tướng trạng vô vi; đây là hai tướng trạng của chân lý.

Có bao nhiêu tướng trạng của chân lý? Có sáu tướng trạng của chân lý: Đối với các chân lý hữu vi, sự sanh khởi được nhận biết, sự hoại diệt được nhận biết, khi chúng tồn tại trạng thái biến đổi được nhận biết; đối với chân lý vô vi, sự sanh khởi không được nhận biết, sự hoại diệt không được nhận biết, khi tồn tại trạng thái biến đổi không được nhận biết; đây là sáu tướng trạng của chân lý.

Có bao nhiêu tướng trạng của chân lý? Có mười hai tướng trạng của chân lý: Đối với chân lý về khổ, sự sanh khởi được nhận biết, sự hoại diệt được nhận biết, khi tồn tại trạng thái biến đổi được nhận biết; đối với chân lý về nhân sanh [khổ], sự sanh khởi được nhận biết, sự hoại diệt được nhận biết, khi tồn tại trạng

thái biến đổi được nhận biết; đối với chân lý về đạo, sự sanh khởi được nhận biết, sự hoại diệt được nhận biết, khi tồn tại trạng thái biến đổi được nhận biết; đối với chân lý về sự diệt tận [khô], không sự sanh khởi được nhận biết, không sự hoại diệt được nhận biết, khi tồn tại không trạng thái biến đổi được nhận biết; đây là mười hai tướng trạng của chân lý.

Thuộc về bốn chân lý, có bao nhiêu là thiện, có bao nhiêu là bất thiện, có bao nhiêu là vô ký? Chân lý về nhân sanh [khô] là bất thiện; chân lý về đạo là thiện; chân lý về sự diệt tận là vô ký; chân lý về khô có thể là thiện, có thể là bất thiện, có thể là vô ký.

Có thể ba chân lý được tổng hợp với một chân lý, một chân lý được tổng hợp với ba chân lý về phương diện nền tảng theo thứ lớp?

Có thể: Có thể là [có ý nghĩa] thế nào? [Nếu] chân lý về khô là bất thiện và chân lý về nhân sanh [khô] là bất thiện; như vậy theo ý nghĩa của bất thiện, hai chân lý được tổng hợp với một chân lý, một chân lý được tổng hợp với hai chân lý. [Nếu] chân lý về khô là thiện và chân lý về đạo là thiện; như vậy theo ý nghĩa của thiện, hai chân lý được tổng hợp với một chân lý, một chân lý được tổng hợp với hai chân lý. [Nếu] chân lý về khô là vô ký và chân lý về sự diệt tận [khô] là vô ký; như vậy theo ý nghĩa của vô ký, hai chân lý được tổng hợp với một chân lý, một chân lý được tổng hợp với hai chân lý. Như vậy, có thể ba chân lý được tổng hợp với một chân lý, một chân lý được tổng hợp với ba chân lý về phương diện nền tảng theo thứ lớp.

[Duyên khởi ở Sāvatthi]

Này các Tỳ-khuru, trước lúc Toàn giác, khi hãy còn là Bồ-tát chưa thành Chánh đẳng giác, điều này đã khởi đến Ta: Đối với sắc, điều gì là khoái lạc, điều gì là tai hại, điều gì là xuất ly? Đối với thọ, điều gì là khoái lạc, điều gì là tai hại, điều gì là xuất ly? Đối với tưởng, điều gì là khoái lạc, điều gì là tai hại, điều gì là xuất ly? Đối với các hành, điều gì là khoái lạc, điều gì là tai hại, điều gì là xuất ly? Đối với thức, điều gì là khoái lạc, điều gì là tai hại, điều gì là xuất ly?

Này các Tỳ-khuru, điều này đã khởi đến Ta đây: Tùy thuận vào sắc, lạc và hỷ tâm sanh lên; điều này là khoái lạc của sắc. Sắc là vô thường, là khổ não, có hiện tượng chuyển biến; điều này là tai hại của sắc. Sự loại bỏ ước muốn và tham ái ở sắc, sự từ bỏ ước muốn và tham ái ở sắc; điều này là xuất ly khỏi sắc. Tùy thuận vào thọ... Tùy thuận vào tưởng... Tùy thuận vào các hành... Tùy thuận vào thức, lạc và hỷ tâm sanh lên; điều này là khoái lạc của thức. Thức là vô thường, là khổ não, có hiện tượng chuyển biến; điều này là tai hại của thức. Sự loại bỏ ước muốn và tham ái ở thức, sự từ bỏ ước muốn và tham ái ở thức; điều này là xuất ly khỏi thức.

Này các Tỳ-khuru, cho đến khi nào Ta chưa biết rõ đúng theo thực thể khoái lạc là khoái lạc, tai hại là tai hại, xuất ly là xuất ly đối với năm thủ uẩn này là như vậy, này các Tỳ-khuru, cho đến khi ấy Ta chưa công bố là “đã hoàn toàn

giác ngộ quả Vô thượng Chánh đẳng giác” ở thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người. Nay các Tỳ-khưu, và đến khi Ta đã biết rõ đúng theo thực thể khoái lạc là khoái lạc, tai hại là tai hại, xuất ly là xuất ly đối với năm thủ uẩn này là như vậy, nay các Tỳ-khưu, khi ấy Ta đã công bố là “đã hoàn toàn giác ngộ quả Vô thượng Chánh đẳng giác” ở thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người. Hơn nữa, sự biết và thấy đã sanh khởi đến Ta rằng: “Sự giải thoát của Ta là không thể thay đổi. Đây là lần sanh cuối cùng, giờ không còn tái sanh nữa.”

“Tùy thuộc vào sắc, lạc và tâm sanh lên; điều này là sự khoái lạc của sắc”, như thế sự thấu triệt do dứt bỏ là chân lý về nhân sanh [khô]. “Sắc là vô thường, là khổ não, có hiện tượng chuyển biến; điều này là tai hại của sắc”, như thế sự thấu triệt do biết toàn diện là chân lý về khổ. “Sự loại bỏ ước muốn và tham ái, sự từ bỏ ước muốn và tham ái ở sắc; điều này là xuất ly khỏi sắc”, như thế sự thấu triệt do tác chứng là chân lý về sự diệt tận [khô]. “Liên quan ba sự kiện này, có sự nhận thức, suy nghĩ, lời nói, hành động, sự nuôi mạng, sự tinh tấn, niệm, định”,¹ như thế sự thấu triệt do tu tập là chân lý về đạo.

“Tùy thuộc vào thọ,... (nt)... Tùy thuộc vào tưởng,... (nt)... Tùy thuộc vào các hành,... (nt)... Tùy thuộc vào thức, lạc và hỷ tâm sanh lên; điều này là sự khoái lạc của thức”, như thế sự thấu triệt do dứt bỏ là chân lý về nhân sanh [khô]. “Thức là vô thường, là khổ não, có hiện tượng chuyển biến; điều này là tai hại của thức”, như thế sự thấu triệt do biết toàn diện là chân lý về khổ. “Sự loại bỏ ước muốn và tham ái ở thức, sự từ bỏ ước muốn và tham ái ở thức; điều này là xuất ly khỏi thức”, như thế sự thấu triệt do tác chứng là chân lý về sự diệt tận [khô]. “Liên quan ba sự kiện này, có sự nhận thức, suy nghĩ, lời nói, hành động, sự nuôi mạng, sự tinh tấn, niệm, định”, như thế sự thấu triệt do tu tập là chân lý về đạo.

Chân lý: Chân lý là theo bao nhiêu biểu hiện? Là theo ý nghĩa tầm cầu, theo ý nghĩa nắm giữ, theo ý nghĩa thấu triệt.

Chân lý theo ý nghĩa tầm cầu là [có ý nghĩa] thế nào? Lão tử có điều gì là căn nguyên, có điều gì là nhân sanh, có điều gì là sanh chủng, có điều gì là nguồn phát khởi? Chân lý theo ý nghĩa tầm cầu là [có ý nghĩa] như thế.

Lão tử có sanh là căn nguyên, có sanh là nhân sanh, có sanh là sanh chủng, có sanh là nguồn phát khởi; chân lý theo ý nghĩa nắm giữ là [có ý nghĩa] như thế. Nhận biết lão tử, nhận biết nhân sanh của lão tử, nhận biết sự diệt tận của lão tử, nhận biết sự thực hành đưa đến sự diệt tận của lão tử; chân lý theo ý nghĩa thấu triệt là [có ý nghĩa] như thế.

¹ “Liên quan ba trường hợp này, có sự nhận thức, suy nghĩ, lời nói, hành động, sự nuôi mạng, sự tinh tấn, niệm, định” là nói về việc vận hành do tác động của sự thấu triệt về nhân sanh [khô], về khổ và về sự diệt tận [khô] (*PsA*. III. 598).

Sanh có điều gì là căn nguyên, có điều gì là nhân sanh, có điều gì là sanh chung, có điều gì là nguồn phát khởi? Chân lý theo ý nghĩa tầm câu là [có ý nghĩa] như thế. Sanh có hữu là căn nguyên, có hữu là nhân sanh, có hữu là sanh chung, có hữu là nguồn phát khởi; chân lý theo ý nghĩa nắm giữ là [có ý nghĩa] như thế. Nhận biết sanh, nhận biết nhân sanh của sanh, nhận biết sự diệt tận của sanh, nhận biết sự thực hành đưa đến sự diệt tận của sanh; chân lý theo ý nghĩa thấu triệt là [có ý nghĩa] như thế.

Hữu có điều gì là căn nguyên, có điều gì là nhân sanh, có điều gì là sanh chung, có điều gì là nguồn phát khởi? Chân lý theo ý nghĩa tầm câu là [có ý nghĩa] như thế. Hữu có thủ là căn nguyên, có thủ là nhân sanh, có thủ là sanh chung, có thủ là nguồn phát khởi; chân lý theo ý nghĩa nắm giữ là [có ý nghĩa] như thế. Nhận biết hữu, nhận biết nhân sanh của hữu, nhận biết sự diệt tận của hữu, nhận biết sự thực hành đưa đến sự diệt tận của hữu; chân lý theo ý nghĩa thấu triệt là [có ý nghĩa] như thế.

Thủ có điều gì là căn nguyên, có điều gì là nhân sanh, có điều gì là sanh chung, có điều gì là nguồn phát khởi? Chân lý theo ý nghĩa tầm câu là [có ý nghĩa] như thế. Thủ có ái là căn nguyên, có ái là nhân sanh, có ái là sanh chung, có ái là nguồn phát khởi; chân lý theo ý nghĩa nắm giữ là [có ý nghĩa] như thế. Nhận biết thủ, nhận biết nhân sanh của thủ, nhận biết sự diệt tận của thủ, nhận biết sự thực hành đưa đến sự diệt tận của thủ; chân lý theo ý nghĩa thấu triệt là [có ý nghĩa] như thế.

Ái có điều gì là căn nguyên, có điều gì là nhân sanh, có điều gì là sanh chung, có điều gì là nguồn phát khởi? Chân lý theo ý nghĩa tầm câu là [có ý nghĩa] như thế. Ái có thọ là căn nguyên, có thọ là nhân sanh, có thọ là sanh chung, có thọ là nguồn phát khởi; chân lý theo ý nghĩa nắm giữ là [có ý nghĩa] như thế. Nhận biết ái, nhận biết nhân sanh của ái, nhận biết sự diệt tận của ái, nhận biết sự thực hành đưa đến sự diệt tận của ái; chân lý theo ý nghĩa thấu triệt là [có ý nghĩa] như thế.

Thọ có điều gì là căn nguyên, có điều gì là nhân sanh, có điều gì là sanh chung, có điều gì là nguồn phát khởi? Chân lý theo ý nghĩa tầm câu là [có ý nghĩa] như thế. Thọ có xúc là căn nguyên, có xúc là nhân sanh, có xúc là sanh chung, có xúc là nguồn phát khởi; chân lý theo ý nghĩa nắm giữ là [có ý nghĩa] như thế. Nhận biết thọ, nhận biết nhân sanh của thọ, nhận biết sự diệt tận của thọ, nhận biết sự thực hành đưa đến sự diệt tận của thọ; chân lý theo ý nghĩa thấu triệt là [có ý nghĩa] như thế.

Xúc có điều gì là căn nguyên, có điều gì là nhân sanh, có điều gì là sanh chung, có điều gì là nguồn phát khởi? Chân lý theo ý nghĩa tầm câu là [có ý nghĩa] như thế. Xúc có sáu xứ là căn nguyên, có sáu xứ là nhân sanh, có sáu xứ là sanh chung, có sáu xứ là nguồn phát khởi; chân lý theo ý nghĩa nắm giữ là [có ý nghĩa] như thế. Nhận biết xúc, nhận biết nhân sanh của xúc, nhận biết sự diệt tận của xúc, nhận biết sự thực hành đưa đến sự diệt tận của xúc; chân lý theo ý nghĩa thấu triệt là [có ý nghĩa] như thế.

Sáu xứ có điều gì là căn nguyên, có điều gì là nhân sanh, có điều gì là sanh chủng, có điều gì là nguồn phát khởi? Chân lý theo ý nghĩa tầm cầu là [có ý nghĩa] như thế. Sáu xứ có danh sắc là căn nguyên, có danh sắc là nhân sanh, có danh sắc là sanh chủng, có danh sắc là nguồn phát khởi; chân lý theo ý nghĩa nắm giữ là [có ý nghĩa] như thế. Nhận biết sáu xứ, nhận biết nhân sanh của sáu xứ, nhận biết sự diệt tận của sáu xứ, nhận biết sự thực hành đưa đến sự diệt tận của sáu xứ; chân lý theo ý nghĩa thấu triệt là [có ý nghĩa] như thế.

Danh sắc có điều gì là căn nguyên, có điều gì là nhân sanh, có điều gì là sanh chủng, có điều gì là nguồn phát khởi? Chân lý theo ý nghĩa tầm cầu là [có ý nghĩa] như thế. Danh sắc có thức là căn nguyên, có thức là nhân sanh, có thức là sanh chủng, có thức là nguồn phát khởi; chân lý theo ý nghĩa nắm giữ là [có ý nghĩa] như thế. Nhận biết danh sắc, nhận biết nhân sanh của danh sắc, nhận biết sự diệt tận của danh sắc, nhận biết sự thực hành đưa đến sự diệt tận của danh sắc; chân lý theo ý nghĩa thấu triệt là [có ý nghĩa] như thế.

Thức có điều gì là căn nguyên, có điều gì là nhân sanh, có điều gì là sanh chủng, có điều gì là nguồn phát khởi? Chân lý theo ý nghĩa tầm cầu là [có ý nghĩa] như thế. Thức có các hành là căn nguyên, có các hành là nhân sanh, có các hành là sanh chủng, có các hành là nguồn phát khởi; chân lý theo ý nghĩa nắm giữ là [có ý nghĩa] như thế. Nhận biết thức, nhận biết nhân sanh của thức, nhận biết sự diệt tận của thức, nhận biết sự thực hành đưa đến sự diệt tận của thức; chân lý theo ý nghĩa thấu triệt là [có ý nghĩa] như thế.

Các hành có điều gì là căn nguyên, có điều gì là nhân sanh, có điều gì là sanh chủng, có điều gì là nguồn phát khởi? Chân lý theo ý nghĩa tầm cầu là [có ý nghĩa] như thế. Các hành có vô minh là căn nguyên, có vô minh là nhân sanh, có vô minh là sanh chủng, có vô minh là nguồn phát khởi; chân lý theo ý nghĩa nắm giữ là [có ý nghĩa] như thế. Nhận biết các hành, nhận biết nhân sanh của các hành, nhận biết sự diệt tận của các hành, nhận biết sự thực hành đưa đến sự diệt tận của các hành; chân lý theo ý nghĩa thấu triệt là [có ý nghĩa] như thế.

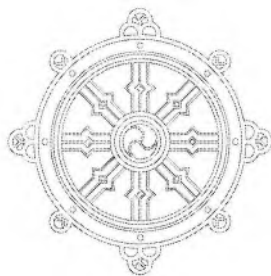
Lão tử là chân lý về khổ, sanh là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của đạo. Sanh là chân lý về khổ, hữu là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của đạo. Hữu là chân lý về khổ, thủ là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của đạo. Thủ là chân lý về khổ, ái là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của đạo. Ái là chân lý về khổ, thọ là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của đạo. Thọ là chân lý về khổ, xúc là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của đạo. Xúc là chân lý về khổ, sáu xứ là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của đạo. Sáu xứ là chân lý về khổ, danh sắc là chân lý về nhân sanh, sự xuất

ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của đạo. Danh sắc là chân lý về khổ, thức là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của đạo. Thức là chân lý về khổ, các hành là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của đạo. Các hành là chân lý về khổ, vô minh là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của đạo.

Lão tử là chân lý về khổ, sanh có thể là chân lý về khổ, có thể là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của đạo. Sanh là chân lý về khổ, hữu có thể là chân lý về khổ, có thể là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của đạo... (nt)... Các hành là chân lý về khổ, vô minh có thể là chân lý về khổ, có thể là chân lý về nhân sanh, sự xuất ly cả hai là chân lý về sự diệt tận, nhận biết về sự diệt tận là chân lý của đạo.

Phần giảng về “Chân lý” được đầy đủ.

Dứt tọng phẩm.



III. GIẢNG VỀ GIÁC CHI (*BOJJHAṄGAKATHĀ*)

(Duyên khởi ở Sāvatti)

Này các Tỳ-khuru, có bảy giác chi. Bảy là gì? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, cần giác chi, hỷ giác chi, tịnh giác chi, định giác chi, xả giác chi. Này các Tỳ-khuru, đây là bảy giác chi.

Các giác chi: Các giác chi là với ý nghĩa gì? “Đưa đến giác ngộ” là các giác chi. “Được giác ngộ [Sơ đạo]” là các giác chi. “Được giác ngộ [Nhị đạo]” là các giác chi. “Được giác ngộ [Tam đạo]” là các giác chi. “Được giác ngộ [Tứ đạo]” là các giác chi.²

Với ý nghĩa được giác ngộ [Sơ đạo] là các giác chi. Với ý nghĩa được giác ngộ [Nhị đạo] là các giác chi. Với ý nghĩa được giác ngộ [Tam đạo] là các giác chi. Với ý nghĩa được giác ngộ [Tứ đạo] là các giác chi.

“Làm cho giác ngộ [Sơ đạo]” là các giác chi. “Làm cho giác ngộ [Nhị đạo]” là các giác chi. “Làm cho giác ngộ [Tam đạo]” là các giác chi. “Làm cho giác ngộ [Tứ đạo]” là các giác chi.

Với ý nghĩa làm cho giác ngộ [Sơ đạo] là các giác chi. Với ý nghĩa làm cho giác ngộ [Nhị đạo] là các giác chi. Với ý nghĩa làm cho giác ngộ [Tam đạo] là các giác chi. Với ý nghĩa làm cho giác ngộ [Tứ đạo] là các giác chi.

Với ý nghĩa góp phần vào việc làm cho giác ngộ [Sơ đạo] là các giác chi. Với ý nghĩa góp phần vào việc làm cho giác ngộ [Nhị đạo] là các giác chi. Với ý nghĩa góp phần vào việc làm cho giác ngộ [Tam đạo] là các giác chi. Với ý nghĩa góp phần vào việc làm cho giác ngộ [Tứ đạo] là các giác chi.

Với ý nghĩa nhận lãnh tánh giác là các giác chi. Với ý nghĩa tiếp nhận tánh giác là các giác chi. Với ý nghĩa tạo lập tánh giác là các giác chi. Với ý nghĩa thành lập tánh giác là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn thành tánh giác là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn thiện tánh giác là các giác chi.

Với ý nghĩa của nguồn gốc là các giác chi. Với ý nghĩa hành vi của nguồn gốc là các giác chi. Với ý nghĩa nắm giữ về nguồn gốc là các giác chi. Với ý

² *Bujjhati*: Được giác ngộ (Sơ đạo, đạo Nhập lưu). *Anubujjhati*: Được giác ngộ (Nhị đạo, đạo Nhất lai). *Paṭibujjhati*: Được giác ngộ (Tam đạo, đạo Bất lai). *Sambujjhati*: Được giác ngộ (Tứ đạo, đạo A-la-hán). Bốn từ giác ngộ theo thứ bậc này đều có chung từ gốc *√budh + ya + ti* có nghĩa thụ động là “được giác ngộ” áp dụng cho trường hợp chứng ngộ đạo đầu tiên. Ba trường hợp sau có thêm các tiếp đầu ngữ *anu* (theo sau, kế tiếp), *paṭi* (hướng về, hướng đến), *sam* (hoàn toàn). Do không chọn được từ dịch thích hợp nên ghi đầy đủ nghĩa như vậy. (ND)

nghĩa phụ trợ của nguồn gốc là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn bị của nguồn gốc là các giác chi. Với ý nghĩa chín muồi của nguồn gốc là các giác chi. Với ý nghĩa phân tích về nguồn gốc là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn thành việc phân tích về nguồn gốc là các giác chi. Với ý nghĩa bản chất quyền lực ở việc phân tích về nguồn gốc là các giác chi. Với ý nghĩa đạt đến bản chất quyền lực ở việc phân tích về nguồn gốc là các giác chi.

Với ý nghĩa chủng tử là các giác chi. Với ý nghĩa hành vi của chủng tử là các giác chi. Với ý nghĩa nắm giữ về chủng tử là các giác chi. Với ý nghĩa phụ trợ của chủng tử là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn bị của chủng tử là các giác chi. Với ý nghĩa chín muồi của chủng tử là các giác chi. Với ý nghĩa phân tích về chủng tử là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn thành việc phân tích về chủng tử là các giác chi. Với ý nghĩa bản chất quyền lực ở việc phân tích về chủng tử là các giác chi. Với ý nghĩa đạt đến bản chất quyền lực ở việc phân tích về chủng tử là các giác chi.

Với ý nghĩa của duyên là các giác chi. Với ý nghĩa hành vi của duyên là các giác chi. Với ý nghĩa nắm giữ về duyên là các giác chi. Với ý nghĩa phụ trợ của duyên là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn bị của duyên là các giác chi. Với ý nghĩa chín muồi của duyên là các giác chi. Với ý nghĩa phân tích về duyên là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn thành việc phân tích về duyên là các giác chi. Với ý nghĩa bản chất quyền lực ở việc phân tích về duyên là các giác chi. Với ý nghĩa đạt đến bản chất quyền lực ở việc phân tích về duyên là các giác chi.

Với ý nghĩa của sự thanh tịnh là các giác chi. Với ý nghĩa hành vi của sự thanh tịnh là các giác chi. Với ý nghĩa nắm giữ về sự thanh tịnh là các giác chi. Với ý nghĩa phụ trợ của sự thanh tịnh là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn bị của sự thanh tịnh là các giác chi. Với ý nghĩa chín muồi của sự thanh tịnh là các giác chi. Với ý nghĩa phân tích về sự thanh tịnh là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn thành việc phân tích về sự thanh tịnh là các giác chi. Với ý nghĩa bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự thanh tịnh là các giác chi. Với ý nghĩa đạt đến bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự thanh tịnh là các giác chi.

Với ý nghĩa của sự không sai trái là các giác chi. Với ý nghĩa hành vi của sự không sai trái là các giác chi. Với ý nghĩa nắm giữ về sự không sai trái là các giác chi. Với ý nghĩa phụ trợ của sự không sai trái là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn bị của sự không sai trái là các giác chi. Với ý nghĩa chín muồi của sự không sai trái là các giác chi. Với ý nghĩa phân tích về sự không sai trái là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn thành việc phân tích về sự không sai trái là các giác chi. Với ý nghĩa bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự không sai trái là các giác chi. Với ý nghĩa đạt đến bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự không sai trái là các giác chi.

Với ý nghĩa của sự thoát ly là các giác chi. Với ý nghĩa hành vi của sự thoát ly là các giác chi. Với ý nghĩa nắm giữ về sự thoát ly là các giác chi. Với ý nghĩa phụ trợ của sự thoát ly là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn bị của sự thoát ly là các

giác chi. Với ý nghĩa chín muồi của sự thoát ly là các giác chi. Với ý nghĩa phân tích về sự thoát ly là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn thành việc phân tích về sự thoát ly là các giác chi. Với ý nghĩa bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự thoát ly là các giác chi. Với ý nghĩa đạt đến bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự thoát ly là các giác chi.

Với ý nghĩa của sự giải thoát là các giác chi. Với ý nghĩa hành vi của sự giải thoát là các giác chi. Với ý nghĩa nắm giữ về sự giải thoát là các giác chi. Với ý nghĩa phụ trợ của sự giải thoát là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn bị của sự giải thoát là các giác chi. Với ý nghĩa chín muồi của sự giải thoát là các giác chi. Với ý nghĩa phân tích về sự giải thoát là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn thành việc phân tích về sự giải thoát là các giác chi. Với ý nghĩa bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự giải thoát là các giác chi. Với ý nghĩa đạt đến bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự giải thoát là các giác chi.

Với ý nghĩa vô lậu là các giác chi. Với ý nghĩa hành vi của vô lậu là các giác chi. Với ý nghĩa nắm giữ về vô lậu là các giác chi. Với ý nghĩa phụ trợ của vô lậu là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn bị của vô lậu là các giác chi. Với ý nghĩa chín muồi của vô lậu là các giác chi. Với ý nghĩa phân tích về vô lậu là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn thành việc phân tích về vô lậu là các giác chi. Với ý nghĩa bản chất quyền lực ở việc phân tích về vô lậu là các giác chi. Với ý nghĩa đạt đến bản chất quyền lực ở việc phân tích về vô lậu là các giác chi.

Với ý nghĩa của sự viễn ly là các giác chi. Với ý nghĩa hành vi của sự viễn ly là các giác chi. Với ý nghĩa nắm giữ về sự viễn ly là các giác chi. Với ý nghĩa phụ trợ của sự viễn ly là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn bị của sự viễn ly là các giác chi. Với ý nghĩa chín muồi của sự viễn ly là các giác chi. Với ý nghĩa phân tích về sự viễn ly là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn thành việc phân tích về sự viễn ly là các giác chi. Với ý nghĩa bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự viễn ly là các giác chi. Với ý nghĩa đạt đến bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự viễn ly là các giác chi.

Với ý nghĩa của sự xả ly là các giác chi. Với ý nghĩa hành vi của sự xả ly là các giác chi. Với ý nghĩa nắm giữ về sự xả ly là các giác chi. Với ý nghĩa phụ trợ của sự xả ly là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn bị của sự xả ly là các giác chi. Với ý nghĩa chín muồi của sự xả ly là các giác chi. Với ý nghĩa phân tích về sự xả ly là các giác chi. Với ý nghĩa hoàn thành việc phân tích về sự xả ly là các giác chi. Với ý nghĩa bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự xả ly là các giác chi. Với ý nghĩa đạt đến bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự xả ly là các giác chi.

“Được giác ngộ ý nghĩa của nguồn gốc” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của chủng tử” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của duyên” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của sự thanh tịnh” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của sự không sai trái” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của sự thoát ly” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của sự giải thoát” là các

giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của vô lậu” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của sự viễn ly” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của sự xả ly” là các giác chi.

“Được giác ngộ ý nghĩa hành vi của nguồn gốc” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa hành vi của chủng tử” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa hành vi của duyên” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa hành vi của sự thanh tịnh” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa hành vi của sự không sai trái” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa hành vi của sự thoát ly” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa hành vi của sự giải thoát” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa hành vi của vô lậu” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa hành vi của sự viễn ly” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa hành vi của sự xả ly” là các giác chi.

“Được giác ngộ ý nghĩa nắm giữ về nguồn gốc” là các giác chi. ... (nt)... “Được giác ngộ ý nghĩa nắm giữ về sự xả ly” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa phụ trợ của nguồn gốc” là các giác chi. ... (nt)... “Được giác ngộ ý nghĩa phụ trợ của sự xả ly” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa hoàn bị của nguồn gốc” là các giác chi. ... (nt)... “Được giác ngộ ý nghĩa hoàn bị của sự xả ly” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa chín muồi của nguồn gốc” là các giác chi. ... (nt)... “Được giác ngộ ý nghĩa chín muồi của sự xả ly” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa phân tích về nguồn gốc” là các giác chi. ... (nt)... “Được giác ngộ ý nghĩa phân tích về sự xả ly” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa hoàn thành việc phân tích về nguồn gốc” là các giác chi. ... (nt)... “Được giác ngộ ý nghĩa hoàn thành việc phân tích về sự xả ly” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa bản chất quyền lực ở việc phân tích về nguồn gốc” là các giác chi. ... (nt)... “Được giác ngộ ý nghĩa bản chất quyền lực ở việc phân tích về sự xả ly” là các giác chi.

“Được giác ngộ ý nghĩa của sự nắm giữ” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của sự phụ trợ” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của sự hoàn bị”... “Được giác ngộ ý nghĩa của sự chuyên nhất”... “Được giác ngộ ý nghĩa của sự không tán mạn”... “Được giác ngộ ý nghĩa của sự ra sức”... “Được giác ngộ ý nghĩa của sự không tán loạn”... “Được giác ngộ ý nghĩa của sự không xao động”... “Được giác ngộ ý nghĩa của sự không loạn động”... “Được giác ngộ ý nghĩa của sự trụ tâm do thiết lập tính nhất thể”... “Được giác ngộ ý nghĩa của đôi tượng [cảnh]”... “Được giác ngộ ý nghĩa của hành xử”... “Được giác ngộ ý nghĩa của sự dứt bỏ”... “Được giác ngộ ý nghĩa của sự buông bỏ”... “Được giác ngộ ý nghĩa của sự thoát ra”... “Được giác ngộ ý nghĩa của sự ly khai”... “Được giác ngộ ý nghĩa của tịnh”... “Được giác ngộ ý nghĩa của sự cao quý”... “Được giác ngộ ý nghĩa của giải thoát”... “Được giác ngộ ý nghĩa của vô lậu”... “Được giác ngộ ý nghĩa của sự vượt qua”... “Được giác ngộ ý nghĩa của vô tướng”... “Được giác ngộ ý nghĩa của vô nguyện”... “Được giác ngộ ý nghĩa của không tánh”... “Được giác ngộ ý nghĩa của nhất vị”... “Được giác ngộ ý nghĩa của sự không vượt quá”... “Được giác ngộ ý nghĩa của sự kết hợp chung”... “Được

giác ngộ ý nghĩa của sự dẫn xuất"... "Được giác ngộ ý nghĩa của chủng tử"... "Được giác ngộ ý nghĩa của sự nhận thức" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của pháp chủ đạo" là các giác chi.

"Được giác ngộ ý nghĩa không tán mạn của chỉ tịnh" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa quán xét của minh sát" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa nhất vị của chỉ tịnh và minh sát" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa không vượt quá của sự kết hợp chung" là các giác chi.

"Được giác ngộ ý nghĩa thọ trì của việc học tập" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa hành xử của đối tượng" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa ra sức đối với tâm bị trì trệ"... "Được giác ngộ ý nghĩa kiềm chế đối với tâm bị phóng dật"... "Được giác ngộ ý nghĩa dừng dừng [có trạng thái xả] đối với hai trạng thái [trì trệ và phóng dật] đã được trong sạch"... "Được giác ngộ ý nghĩa của sự chứng đắc thù thắng"... "Được giác ngộ ý nghĩa của sự thấu triệt bậc trên"... "Được giác ngộ ý nghĩa của sự lãnh hội chân lý" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự an lập Niết-bàn" là các giác chi.

"Được giác ngộ ý nghĩa cương quyết của tín quyền" là các giác chi. ... (nt)... "Được giác ngộ ý nghĩa nhận thức của tuệ quyền" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của tính chất không dao động ở sự không có đức tin của tín lực" là các giác chi. ... (nt)... "Được giác ngộ ý nghĩa của tính chất không dao động ở vô minh của tuệ lực" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa thiết lập của niệm giác chi" là các giác chi. ... (nt)... "Được giác ngộ ý nghĩa phân biệt rõ của xả giác chi" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa nhận thức của chánh kiến" là các giác chi. ... (nt)... "Được giác ngộ ý nghĩa không tán mạn của chánh định" là các giác chi.

"Được giác ngộ ý nghĩa chủ đạo của các quyền" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa không thể bị lay chuyển của các lực" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa dẫn xuất [ra khỏi luân hồi]" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa chủng tử của đạo" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa thiết lập của sự thiết lập niệm" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa nỗ lực của các chánh cần" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa thành tựu của các nền tảng của thần thông" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa thực thể của các chân lý" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa tịnh lặng của các việc thực hành [Thánh đạo]" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa tác chứng của các quả" là các giác chi.

"Được giác ngộ ý nghĩa đưa tâm [đến đối tượng] của tầm" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa khắng khít [vào đối tượng] của tứ" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa lan tỏa của hỷ" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa tràn ngập của lạc" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa chuyên nhất của tâm [định]" là các giác chi.

"Được giác ngộ ý nghĩa của sự hướng tâm" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự nhận biết [của thức]" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự nhận biết [của tuệ]" là các giác chi. "Được giác ngộ ý nghĩa của sự nhận

biết [của tướng]” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của sự độc nhất” là các giác chi.

“Được giác ngộ ý nghĩa đã được biết của sự biết rõ” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa quyết đoán của sự biết toàn diện” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa buông bỏ của sự dứt bỏ”... “Được giác ngộ ý nghĩa nhất vị của sự tu tập”... “Được giác ngộ ý nghĩa chạm đến của sự tác chứng”... “Được giác ngộ ý nghĩa tập hợp của các uẩn”... “Được giác ngộ ý nghĩa bản thể của các giới”... “Được giác ngộ ý nghĩa vị thể của các xứ”... “Được giác ngộ ý nghĩa tạo tác của các pháp hữu vi” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa không tạo tác của Niết-bàn” là các giác chi.

“Được giác ngộ ý nghĩa của tâm” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa liên tục của tâm” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa thoát ra của tâm”... “Được giác ngộ ý nghĩa ly khai của tâm”... “Được giác ngộ ý nghĩa về chủng tử của tâm”... “Được giác ngộ ý nghĩa về duyên của tâm”... “Được giác ngộ ý nghĩa về vật nương của tâm”... “Được giác ngộ ý nghĩa về lãnh vực của tâm”... “Được giác ngộ ý nghĩa về cảnh [đối tượng] của tâm”... “Được giác ngộ ý nghĩa về hành xứ của tâm”... “Được giác ngộ ý nghĩa về hành vi của tâm”... “Được giác ngộ ý nghĩa về cảnh [đã đạt đến] của tâm”... “Được giác ngộ ý nghĩa về sự quyết định của tâm”... “Được giác ngộ ý nghĩa về sự dẫn xuất [ra khỏi cảnh] của tâm” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa về sự xuất ly của tâm” là các giác chi.

“Được giác ngộ ý nghĩa về sự hướng tâm ở nhất thể” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa về sự nhận biết [của thức] ở nhất thể” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa về sự nhận biết [của tuệ] ở nhất thể”... “Được giác ngộ ý nghĩa về sự nhận biết [của tướng] ở nhất thể”... “Được giác ngộ ý nghĩa độc nhất ở nhất thể”... “Được giác ngộ ý nghĩa về sự bám vào nhất thể”... “Được giác ngộ ý nghĩa về sự tiến vào nhất thể [đối với sơ thiên]”... “Được giác ngộ ý nghĩa về sự hoan hỷ ở nhất thể [đối với nhị thiên]”... “Được giác ngộ ý nghĩa về sự an trụ ở nhất thể [đối với tam thiên]”... “Được giác ngộ ý nghĩa về sự giải thoát ở nhất thể [đối với tứ thiên]”... “Được giác ngộ ý nghĩa về sự nhận thức ‘Đây là tịnh’ ở nhất thể”... “Được giác ngộ ý nghĩa về việc đã được tạo thành phương tiện ở nhất thể”... “Được giác ngộ ý nghĩa về việc đã được tạo thành nền tảng ở nhất thể”... “Được giác ngộ ý nghĩa về việc đã được thiết lập ở nhất thể”... “Được giác ngộ ý nghĩa về việc đã được tích lũy ở nhất thể”... “Được giác ngộ ý nghĩa về việc đã được khởi đầu tốt đẹp và tĩnh lặng ở nhất thể”... “Được giác ngộ ý nghĩa về sự nắm giữ ở nhất thể”... “Được giác ngộ ý nghĩa về sự phụ trợ ở nhất thể”... “Được giác ngộ ý nghĩa về sự hoàn bị ở nhất thể”... “Được giác ngộ ý nghĩa về sự liên kết ở nhất thể”... “Được giác ngộ ý nghĩa về sự khẳng định ở nhất thể”... “Được giác ngộ ý nghĩa về sự rèn luyện ở nhất thể”... “Được giác ngộ ý nghĩa về sự tu tập ở nhất thể”... “Được giác ngộ ý nghĩa về sự làm cho sung mãn ở nhất thể”... “Được giác ngộ ý nghĩa của sự khéo được hiện khởi ở

nhất thể” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của sự khéo được giải thoát ở nhất thể” là các giác chi.

“Được giác ngộ ý nghĩa của sự được giác ngộ [Sơ đạo] ở nhất thể” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của sự được giác ngộ [Nhị đạo] ở nhất thể” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của sự được giác ngộ [Tam đạo] ở nhất thể” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của sự được giác ngộ [Tứ đạo] ở nhất thể” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của sự làm cho giác ngộ [Sơ đạo] ở nhất thể” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của sự làm cho giác ngộ [Nhị đạo] ở nhất thể” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của sự làm cho giác ngộ [Tam đạo] ở nhất thể” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của sự làm cho giác ngộ [Tứ đạo] ở nhất thể” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của sự dự phần làm cho giác ngộ [Sơ đạo] ở nhất thể” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của sự dự phần làm cho giác ngộ [Nhị đạo] ở nhất thể” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của sự dự phần làm cho giác ngộ [Tam đạo] ở nhất thể” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của sự dự phần làm cho giác ngộ [Tứ đạo] ở nhất thể” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của sự phát quang [Sơ đạo] ở nhất thể” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của sự phát quang [Nhị đạo] ở nhất thể” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của sự phát quang [Tam đạo] ở nhất thể” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của sự phát quang [Tứ đạo] ở nhất thể” là các giác chi.

“Được giác ngộ ý nghĩa của sự làm sáng tỏ” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của sự chói sáng” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa thiêu đốt các phiền não” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa không như bản” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa tách rời như bản” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa hết như bản” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của tĩnh lặng” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của thời điểm” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của tách ly” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của hạnh tách ly” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của ly dục” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của hạnh ly dục” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của diệt tận” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của hạnh diệt tận” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của xả ly” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của hạnh xả ly” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của giải thoát” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của hạnh giải thoát” là các giác chi.

“Được giác ngộ ý nghĩa của ước muốn” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa nguồn gốc của ước muốn” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa cơ sở của ước muốn” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa nỗ lực của ước muốn” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa thành tựu của ước muốn” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa cương quyết của ước muốn” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa ra sức của ước muốn” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa thiết lập của ước muốn” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa không tàn mạn của ước muốn” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa nhận thức của ước muốn” là các giác chi.

“Được giác ngộ ý nghĩa của tinh tấn” là các giác chi... (nt)... “Được giác ngộ ý nghĩa của tâm” là các giác chi... (nt)... “Được giác ngộ ý nghĩa của thẩm xét” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa nguồn cội của thẩm xét” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa cơ sở của thẩm xét” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa nỗ lực của thẩm xét” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa thành tựu của thẩm xét” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa cương quyết của thẩm xét” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa ra sức của thẩm xét” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa thiết lập của thẩm xét” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa không tán mạn của thẩm xét” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa nhận thức của thẩm xét” là các giác chi.

“Được giác ngộ ý nghĩa áp bức của khổ” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa tạo tác của khổ” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa nóng nẩy của khổ” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa chuyển biên của khổ” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của nhân sanh [khổ]”... (nt)... ý nghĩa tích lũy [nghiệp]... (nt)... ý nghĩa căn nguyên... (nt)... ý nghĩa ràng buộc... (nt)... ý nghĩa vương bận của nhân sanh [khổ]” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của sự diệt tận [khổ]”... (nt)... ý nghĩa xuất ly... (nt)... ý nghĩa viễn ly... (nt)... ý nghĩa không tạo tác... (nt)... ý nghĩa bất tử của sự diệt tận [khổ]” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của đạo”... (nt)... ý nghĩa dẫn xuất... (nt)... ý nghĩa chủng tử... (nt)... ý nghĩa nhận thức... (nt)... ý nghĩa pháp chủ đạo của đạo” là các giác chi.

“Được giác ngộ ý nghĩa của thực thể” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của vô ngã” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của chân lý” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của thấu triệt” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của biết rõ” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của biết toàn diện” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của hiện tượng” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của bản thể” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của điều đã được biết” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của tác chứng” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của chạm đến” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa của lãnh hội” là các giác chi.

“Được giác ngộ về sự thoát ly” là các giác chi. “Được giác ngộ về sự không sân độc” là các giác chi. “Được giác ngộ về sự nghĩ tưởng đến ánh sáng” là các giác chi. “Được giác ngộ về sự không tán mạn” là các giác chi. “Được giác ngộ về sự xác định pháp” là các giác chi. “Được giác ngộ về trí [đối kháng vô minh]” là các giác chi. “Được giác ngộ về sự hân hoan” là các giác chi.

“Được giác ngộ về sơ thiền” là các giác chi... (nt)... “Được giác ngộ sự chứng đạt về Phi tướng phi phi tướng xứ” là các giác chi. “Được giác ngộ sự quán xét về vô thường” là các giác chi... (nt)... “Được giác ngộ đạo Nhập lưu” là các giác chi... (nt)... “Được giác ngộ đạo A-la-hán” là các giác chi. “Được giác ngộ sự chứng đạt quả A-la-hán” là các giác chi.

“Được giác ngộ tín quyền theo ý nghĩa cương quyết” là các giác chi. ...

(nt)... “Được giác ngộ tuệ quyền theo ý nghĩa nhận thức” là các giác chi. “Được giác ngộ tín lực theo ý nghĩa không dao động ở sự không có đức tin” là các giác chi. ... (nt)... “Được giác ngộ tuệ lực theo ý nghĩa không dao động ở vô minh” là các giác chi. “Được giác ngộ niệm giác chi theo ý nghĩa thiết lập” là các giác chi. ... (nt)... “Được giác ngộ xả giác chi theo ý nghĩa phân biệt rõ” là các giác chi. “Được giác ngộ chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức” là các giác chi. ... (nt)... “Được giác ngộ chánh định theo ý nghĩa không tán mạn” là các giác chi.

“Được giác ngộ các quyền theo pháp chủ đạo” là các giác chi. “Được giác ngộ các lực theo ý nghĩa không thể bị lay chuyển” là các giác chi. “Được giác ngộ các giác chi theo ý nghĩa dẫn xuất [ra khỏi luân hồi]” là các giác chi. “Được giác ngộ đạo theo ý nghĩa chủng tử” là các giác chi. “Được giác ngộ các sự thiết lập niệm theo ý nghĩa thiết lập” là các giác chi. “Được giác ngộ ý nghĩa các chánh căn theo ý nghĩa nỗ lực” là các giác chi. “Được giác ngộ các nền tảng của thần thông theo ý nghĩa thành tựu” là các giác chi. “Được giác ngộ chân lý theo ý nghĩa thực thể” là các giác chi.

“Được giác ngộ chỉ tịnh theo ý nghĩa không tán mạn” là các giác chi. “Được giác ngộ minh sát theo ý nghĩa quán xét” là các giác chi. “Được giác ngộ chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa nhất vị” là các giác chi. “Được giác ngộ sự kết hợp chung theo ý nghĩa không vượt quá” là các giác chi.

“Được giác ngộ giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc” là các giác chi. “Được giác ngộ tâm thanh tịnh theo ý nghĩa không tán mạn” là các giác chi. “Được giác ngộ kiến thanh tịnh theo ý nghĩa nhận thức” là các giác chi. “Được giác ngộ sự giải thoát theo ý nghĩa thoát khỏi” là các giác chi. “Được giác ngộ về mình theo ý nghĩa thấu triệt” là các giác chi. “Được giác ngộ sự giải thoát theo ý nghĩa buông bỏ” là các giác chi. “Được giác ngộ trí về sự đoạn tận theo ý nghĩa đoạn trừ” là các giác chi. “Được giác ngộ trí về sự vô sanh theo ý nghĩa tĩnh lặng” là các giác chi.

“Được giác ngộ về sự ước muốn theo ý nghĩa nguồn cội” là các giác chi. “Được giác ngộ về sự tác ý theo ý nghĩa nguồn sanh khởi” là các giác chi. “Được giác ngộ về xúc theo ý nghĩa liên kết” là các giác chi. “Được giác ngộ về thọ theo ý nghĩa hội tụ” là các giác chi. “Được giác ngộ về định theo ý nghĩa dẫn đầu” là các giác chi. “Được giác ngộ về niệm theo ý nghĩa pháp chủ đạo” là các giác chi. “Được giác ngộ về tuệ theo ý nghĩa của sự cao thượng trong các pháp thiện” là các giác chi. “Được giác ngộ về giải thoát theo ý nghĩa cốt lõi” là các giác chi. “Được giác ngộ về Niết-bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc” là các giác chi.

(Duyên khởi ở Sāvatthi)

Tại nơi ấy, Đại đức Sāriputta đã bảo các vị Tỳ-khưu rằng:

– Này các Đại đức Tỳ-khưu.

– Thừa Đại đức.

Các vị Tỳ-khưu ấy đã trả lời Đại đức Sāriputta. Đại đức Sāriputta đã nói điều này:

– Này các Đại đức, đây là bảy giác chi. Bảy là gì? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi... (nt)... xả giác chi. Này các Đại đức, đây là bảy giác chi.

Này các Đại đức, trong số bảy giác chi này, [nếu] tôi đây mong muốn an trú vào buổi sáng với bất cứ giác chi nào thì tôi an trú vào buổi sáng với chính giác chi ấy. [Nếu] tôi đây mong muốn an trú vào giữa trưa... (nt)... vào buổi chiều với bất cứ giác chi nào thì tôi an trú vào buổi chiều với chính giác chi ấy. Này các Đại đức, nếu [điều gọi là] “niệm giác chi” hiện hữu ở tôi, là “vô lượng” ở tôi, là “khởi đầu thật tĩnh lặng” ở tôi, và tôi nhận biết về điều ấy đang tồn tại là “nó tồn tại.” Nếu điều ấy biến mất ở tôi, tôi nhận biết rằng: “Nó biến mất ở tôi do duyên ấy.” Nếu [điều gọi là] “trạch pháp giác chi”... (nt)... “xả giác chi” hiện hữu ở tôi, là “vô lượng” ở tôi, là “khởi đầu thật tĩnh lặng” ở tôi, và tôi nhận biết về điều ấy đang tồn tại là “nó tồn tại.” Nếu điều ấy biến mất ở tôi, tôi nhận biết rằng: “Nó biến mất ở tôi do duyên ấy.”

Này các Đại đức, cũng giống như trường hợp đức vua hoặc vị quan đại thần của đức vua có chiếc rương đầy các loại vải nhiều màu sắc khác nhau. Nếu vị ấy mong muốn choàng lên vào buổi sáng một cặp vải nào đó thì có thể choàng lên vào buổi sáng chính cặp vải ấy. Nếu vị ấy mong muốn choàng lên vào giữa trưa... (nt)... vào buổi chiều một cặp vải nào đó thì có thể choàng lên vào buổi chiều chính cặp vải ấy. Này các Đại đức, tương tự y như thế trong số bảy giác chi này, [nếu] tôi mong muốn an trú vào buổi sáng với bất cứ giác chi nào thì tôi an trú vào buổi sáng với chính giác chi ấy. [Nếu] tôi mong muốn an trú vào giữa trưa... (nt)... vào buổi chiều với bất cứ giác chi nào thì tôi an trú vào buổi chiều với chính giác chi ấy. Này các Đại đức, nếu [điều gọi là] “niệm giác chi” hiện hữu ở tôi, là “vô lượng” ở tôi, là “khởi đầu thật tĩnh lặng” ở tôi, và tôi nhận biết về điều ấy đang tồn tại là “nó tồn tại.” Nếu điều ấy biến mất ở tôi, tôi nhận biết rằng: “Nó biến mất ở tôi do duyên ấy.” Nếu [điều gọi là] “trạch pháp giác chi”... (nt)... “xả giác chi” hiện hữu ở tôi, là “vô lượng” ở tôi, là “khởi đầu thật tĩnh lặng” ở tôi, và tôi nhận biết về điều ấy đang tồn tại là “nó tồn tại.” Nếu điều ấy biến mất ở tôi, tôi nhận biết rằng: “Nó biến mất ở tôi do duyên ấy.”

Có giác chi như vậy: “Nếu [điều gọi là] ‘niệm giác chi’ hiện hữu” là [có ý nghĩa] thế nào? Cho đến khi nào sự diệt tận còn được thiết lập thì cho đến khi ấy còn có giác chi như vậy: “Nếu [điều gọi là] ‘niệm giác chi’ hiện hữu.” Cũng giống như đối với cây đèn dầu đang được đốt cháy, cho đến khi nào còn có ngọn lửa thì cho đến khi ấy còn có ánh sáng, cho đến khi nào còn có ánh sáng thì cho đến khi ấy còn có ngọn lửa. Tương tự y như thế, cho đến khi nào sự diệt tận còn được thiết lập thì cho đến khi ấy còn có giác chi như vậy: “Nếu [điều gọi là] ‘niệm giác chi’ hiện hữu.”

Có giác chi như vậy: “Nếu [niệm giác chi] là ‘vô lượng’” là [có ý nghĩa] thế nào? Các phiền não, toàn bộ các pháp đã xâm nhập, và các hành đưa đến tái

sanh là có tính chất hạn lượng; sự diệt tận theo ý nghĩa không thể bị lay chuyển, theo ý nghĩa không tạo tác là vô hạn lượng. Cho đến khi nào sự diệt tận còn được thiết lập thì cho đến khi ấy còn có giác chi như vậy: “Nếu [niệm giác chi] là ‘vô lượng’.”

Có giác chi như vậy: “Nếu [niệm giác chi] là ‘khởi đầu tốt đẹp và tĩnh lặng’” là [có ý nghĩa] thế nào? Các phiền não, toàn bộ các pháp đã xâm nhập, và các hành đưa đến tái sanh là không tĩnh lặng; sự diệt tận theo ý nghĩa thanh tịnh, theo ý nghĩa cao quý là pháp tĩnh lặng. Cho đến khi nào sự diệt tận còn được thiết lập thì cho đến khi ấy còn có giác chi như vậy: “Nếu [niệm giác chi] là ‘khởi đầu tốt đẹp và tĩnh lặng’.”

“Và tôi nhận biết về điều ấy đang tồn tại là ‘nó tồn tại’. Nếu điều ấy biến mất, tôi nhận biết rằng: ‘Nó biến mất ở tôi do duyên ấy’” là [có ý nghĩa] thế nào? Niệm giác chi tồn tại với bao nhiêu biểu hiện? Niệm giác chi biến mất với bao nhiêu biểu hiện?

Niệm giác chi tồn tại với tám biểu hiện. Niệm giác chi biến mất với tám biểu hiện.

Niệm giác chi tồn tại với tám biểu hiện gì? Do hướng tâm đến sự không sanh khởi, niệm giác chi tồn tại; do không hướng tâm đến sự sanh khởi, niệm giác chi tồn tại; do hướng tâm đến sự không vận hành, niệm giác chi tồn tại; do không hướng tâm đến sự vận hành, niệm giác chi tồn tại; do hướng tâm đến vô tướng, niệm giác chi tồn tại; do không hướng tâm đến hiện tướng, niệm giác chi tồn tại; do hướng tâm đến sự diệt tận, niệm giác chi tồn tại; do không hướng tâm đến các hành, niệm giác chi tồn tại; niệm giác chi tồn tại với tám biểu hiện này.

Niệm giác chi biến mất với tám biểu hiện gì? Do hướng tâm đến sự sanh khởi, niệm giác chi biến mất; do không hướng tâm đến sự không sanh khởi, niệm giác chi biến mất; do hướng tâm đến sự vận hành, niệm giác chi biến mất; do không hướng tâm đến sự không vận hành, niệm giác chi biến mất; do hướng tâm đến hiện tướng, niệm giác chi biến mất; do không hướng tâm đến vô tướng, niệm giác chi biến mất; do hướng tâm đến các hành, niệm giác chi biến mất; do không hướng tâm đến sự diệt tận, niệm giác chi biến mất; niệm giác chi biến mất với tám biểu hiện này.

“Và tôi nhận biết về điều ấy đang tồn tại là ‘nó tồn tại’. Nếu điều ấy biến mất, tôi nhận biết rằng: ‘Nó biến mất ở tôi do duyên ấy’” là [có ý nghĩa] như thế.

Có giác chi như vậy: “Nếu [điều gọi là] ‘trạch pháp giác chi’ hiện hữu” là [có ý nghĩa] thế nào? ... (nt)... Có giác chi như vậy: “Nếu [điều gọi là] ‘xả giác chi’ hiện hữu” là [có ý nghĩa] thế nào? Cho đến khi nào sự diệt tận còn được thiết lập thì cho đến khi ấy còn hiện hữu giác chi như vậy: “Nếu [điều gọi là] ‘xả giác chi’ hiện hữu.” Cũng giống như đôi với cây đèn dầu đang được đốt cháy, cho đến khi nào còn có ngọn lửa thì cho đến khi ấy còn có ánh sáng, cho đến khi nào còn có ánh sáng thì cho đến khi ấy còn có ngọn lửa. Tương tự y như thế,

cho đến khi nào sự diệt tận còn được thiết lập thì cho đến khi ấy còn có giác chi như vậy: “Nếu [điều gọi là] ‘xả giác chi’ hiện hữu.”

Có giác chi như vậy: “Nếu [xả giác chi] là ‘vô lượng’” là [có ý nghĩa] thế nào? Các phiền não, toàn bộ các pháp đã xâm nhập, và các hành đưa đến tái sanh là có tính chất hạn lượng; sự diệt tận theo ý nghĩa không thể bị lay chuyển, theo ý nghĩa không tạo tác là vô hạn lượng. Cho đến khi nào sự diệt tận còn được thiết lập thì cho đến khi ấy còn có giác chi như vậy: “Nếu [xả giác chi] là ‘vô lượng’.”

Có giác chi như vậy: “Nếu [xả giác chi] là ‘khởi đầu tốt đẹp và tĩnh lặng’” là [có ý nghĩa] thế nào? Các phiền não, toàn bộ các pháp đã xâm nhập, và các hành đưa đến tái sanh là không tĩnh lặng; sự diệt tận theo ý nghĩa thanh tịnh, theo ý nghĩa cao quý là pháp tĩnh lặng. Cho đến khi nào sự diệt tận còn được thiết lập thì cho đến khi ấy còn có giác chi như vậy: “Nếu [xả giác chi] là ‘khởi đầu tốt đẹp và tĩnh lặng’.”

“Và tôi nhận biết về điều ấy đang tồn tại là ‘nó tồn tại’. Nếu điều ấy biến mất, tôi nhận biết rằng: ‘Nó biến mất ở tôi do duyên ấy’” là [có ý nghĩa] thế nào? Xả giác chi tồn tại với bao nhiêu biểu hiện? Xả giác chi biến mất với bao nhiêu biểu hiện?

Xả giác chi tồn tại với tám biểu hiện. Xả giác chi biến mất với tám biểu hiện.

Xả giác chi tồn tại với tám biểu hiện gì? Do hướng tâm đến sự không sanh khởi, xả giác chi tồn tại; do không hướng tâm đến sự sanh khởi, xả giác chi tồn tại; do hướng tâm đến sự không vận hành, xả giác chi tồn tại; do không hướng tâm đến sự vận hành, xả giác chi tồn tại; do hướng tâm đến vô tướng, xả giác chi tồn tại; do không hướng tâm đến hiện tướng, xả giác chi tồn tại; do hướng tâm đến sự diệt tận, xả giác chi tồn tại; do không hướng tâm đến các hành, xả giác chi tồn tại. Xả giác chi tồn tại với tám biểu hiện này.

Xả giác chi biến mất với tám biểu hiện gì? Do hướng tâm đến sự sanh khởi, xả giác chi biến mất; do không hướng tâm đến sự không sanh khởi, xả giác chi biến mất; do hướng tâm đến sự vận hành, xả giác chi biến mất; do không hướng tâm đến sự không vận hành, xả giác chi biến mất; do hướng tâm đến hiện tướng, xả giác chi biến mất; do không hướng tâm đến vô tướng, xả giác chi biến mất; do hướng tâm đến các hành, xả giác chi biến mất; do không hướng tâm đến sự diệt tận, xả giác chi biến mất. Xả giác chi biến mất với tám biểu hiện này.

“Và tôi nhận biết về điều ấy đang tồn tại là ‘nó tồn tại’. Nếu điều ấy biến mất, tôi nhận biết rằng: ‘Nó biến mất ở tôi do duyên ấy’” là [có ý nghĩa] như thế.

Phản giảng về “Giác chi” được đầy đủ.

IV. GIẢNG VỀ TỪ ÁI (*METTĀKATHĀ*)

(Duyên khởi ở Sāvatti)

“Này các Tỳ-khuru, khi từ tâm giải thoát³ là được rèn luyện, được tu tập, được làm cho sung mãn, được tạo thành phương tiện, được tạo thành nền tảng, được thiết lập, được tích lũy, được khởi đầu tốt đẹp và tĩnh lặng, mười một điều lợi ích là có thể mong mỏi. Mười một là gì? [Vị ấy] ngủ an lạc, thức dậy an lạc, không nhìn thấy mộng mị xấu xa, được loài người thương mến, được phi nhân thương mến, chư thiên hộ trì, lửa hoặc thuốc độc hoặc đao gươm không hại được vị ấy, tâm được định nhanh chóng, sắc mặt trầm tĩnh, từ trần không mê mờ, [nếu] chưa thấu triệt pháp tối thượng thì được sanh về thế giới Phạm thiên. Này các Tỳ-khuru, khi từ tâm giải thoát là được rèn luyện, được tu tập, được làm cho sung mãn, được tạo thành phương tiện, được tạo thành nền tảng, được thiết lập, được tích lũy, được khởi đầu tốt đẹp và tĩnh lặng, mười một điều lợi ích này là có thể mong mỏi.

Có [loại] từ tâm giải thoát có sự lan tỏa không giới hạn, có [loại] từ tâm giải thoát có sự lan tỏa giới hạn, có [loại] từ tâm giải thoát có sự lan tỏa khắp các phương.

Từ tâm giải thoát có sự lan tỏa không giới hạn là với bao nhiêu biểu hiện? Từ tâm giải thoát có sự lan tỏa giới hạn là với bao nhiêu biểu hiện? Từ tâm giải thoát có sự lan tỏa khắp các phương là với bao nhiêu biểu hiện?

Từ tâm giải thoát có sự lan tỏa không giới hạn là với năm biểu hiện. Từ tâm giải thoát có sự lan tỏa giới hạn là với bảy biểu hiện. Từ tâm giải thoát có sự lan tỏa khắp các phương là với mười biểu hiện.

Từ tâm giải thoát có sự lan tỏa không giới hạn là với năm biểu hiện gì? “Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, không độc hại, không khổ sở, hãy sống được an lạc cho bản thân. Tất cả các sinh mạng... (nt)... Tất cả các hiện hữu... (nt)... Tất cả các cá nhân... (nt)... Tất cả các hạng có bản ngã hãy là không thù nghịch, không độc hại, không khổ sở, hãy sống được an lạc cho bản thân.” Từ tâm giải thoát có sự lan tỏa không giới hạn là với năm biểu hiện này.

Từ tâm giải thoát có sự lan tỏa giới hạn là với bảy biểu hiện gì? “Tất cả nữ nhân hãy là không thù nghịch, không độc hại, không khổ sở, hãy sống được an lạc cho bản thân. Tất cả nam nhân... Tất cả Thánh nhân... Tất cả phạm nhân...

³ Từ tâm giải thoát (*mettāceto vimutti*) được giải thích ở bên dưới gồm có ba yếu tố: Từ ái, tâm và giải thoát (*mettā ca ceto ca vimutti cāti mettāceto vimutti*). (ND)

Tất cả chư thiên ... Tất cả loài người... Tất cả hàng đọa xứ hãy là không thù nghịch, không độc hại, không khổ sở, hãy sống được an lạc cho bản thân.” Từ tâm giải thoát có sự lan tỏa giới hạn là với bảy biểu hiện này.

Từ tâm giải thoát có sự lan tỏa khắp các hướng là với mười biểu hiện gì? “Tất cả chúng sanh ở hướng Đông hãy là không thù nghịch, không độc hại, không khổ sở, hãy sống được an lạc cho bản thân. Tất cả chúng sanh ở hướng Tây... Tất cả chúng sanh ở hướng Bắc... Tất cả chúng sanh ở hướng Nam... Tất cả chúng sanh ở hướng Đông Nam... Tất cả chúng sanh ở hướng Tây Bắc... Tất cả chúng sanh ở hướng Đông Bắc... Tất cả chúng sanh ở hướng Tây Nam... Tất cả chúng sanh ở hướng dưới... Tất cả chúng sanh ở hướng trên, hãy là không thù nghịch, không độc hại, không khổ sở, hãy sống được an lạc cho bản thân.” “Tất cả các sinh mạng ở hướng Đông... các hiện hữu... các cá nhân... các hạng có bản ngã... Tất cả nữ nhân... Tất cả nam nhân... Tất cả Thánh nhân... Tất cả phàm nhân... Tất cả chư thiên... Tất cả loài người... Tất cả hàng đọa xứ ở hướng Đông... Tất cả hàng đọa xứ ở hướng Tây... Tất cả hàng đọa xứ ở hướng Bắc... Tất cả hàng đọa xứ ở hướng Nam... Tất cả hàng đọa xứ ở hướng Đông Nam... Tất cả hàng đọa xứ ở hướng Tây Bắc... Tất cả hàng đọa xứ ở hướng Đông Bắc... Tất cả hàng đọa xứ ở hướng Tây Nam... Tất cả hàng đọa xứ ở hướng dưới... (nt)... Tất cả hàng đọa xứ ở hướng trên hãy là không thù nghịch, không độc hại, không khổ sở, hãy sống được an lạc cho bản thân.” Từ tâm giải thoát có sự lan tỏa khắp các hướng là với mười biểu hiện này.

Đối với tất cả chúng sanh, xua đi sự áp bức bằng sự không áp bức, xua đi sự hãm hại bằng sự không hãm hại, xua đi sự bức bối bằng sự không bức bối, xua đi sự hủy hoại bằng sự không hủy hoại, xua đi sự quấy rối bằng sự không quấy rối rằng: “Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch chớ có thù nghịch, hãy được an lạc chớ bị khổ đau, bản thân hãy được an lạc bản thân chớ bị khổ đau.” “Thể hiện từ ái đến tất cả chúng sanh với tám biểu hiện này” là từ ái. “Suy xét về pháp ấy” là tâm. “Được giải thoát khỏi sự xâm nhập của tất cả các độc hại” là giải thoát. “Từ ái, tâm và giải thoát” là từ tâm giải thoát.

Cương quyết với đức tin rằng: “Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc”; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tín quyền.

Ra sức tinh tấn rằng: “Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc”; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tấn quyền.

Thiết lập niệm rằng: “Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc”; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi niệm quyền.

Tập trung tâm rằng: “Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc”; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi định quyền.

Nhận biết bằng tuệ rằng: “Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc”; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tuệ quyền.

Năm quyền này là sự rèn luyện của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được rèn luyện nhờ vào năm quyền này. Năm quyền này là sự tu tập của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được tu tập nhờ vào năm quyền này. Năm quyền này là được làm cho sung mãn nhờ vào từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được làm cho sung mãn nhờ vào năm quyền này. Năm quyền này là sự tô điểm của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được tô điểm khéo léo nhờ vào năm quyền này. Năm quyền này là sự bảo trì của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được bảo trì tốt đẹp nhờ vào năm quyền này. Năm quyền này là sự phụ trợ của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được phụ trợ tốt đẹp nhờ vào năm quyền này.

Đối với từ tâm giải thoát, năm quyền này là sự rèn luyện, là sự tu tập, là được làm cho sung mãn, là sự tô điểm, là sự bảo trì, là sự phụ trợ, là có sự toàn vẹn, là đồng hành, là đồng sanh, là đã được nối liền, là đã được liên kết, là sự tiến vào, là sự tạo niềm tin, là sự an trụ, là sự giải thoát, là sự chạm đến “điều này là an tịnh”, là đã được tạo thành phương tiện, là đã được tạo thành nền tảng, là đã được thiết lập, là đã được tích lũy, là đã được khởi đầu tốt đẹp và tĩnh lặng, là đã được tu tập tốt đẹp, là đã được khẳng định tốt đẹp, là đã được hiện khởi tốt đẹp, là đã được giải thoát tốt đẹp; chúng làm cho sanh trưởng, làm cho sáng tỏ, làm cho rạng rỡ.

[Khi tác ý] rằng: “Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc”, như thế [vị ấy] không rung động bởi sự không có đức tin; từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tín lực.

[Khi tác ý] rằng: “Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc”, như thế [vị ấy] không rung động bởi sự biếng nhác; từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tấn lực.

[Khi tác ý] rằng: “Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc”, như thế [vị ấy] không rung động bởi sự buông lung; từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi niệm lực.

[Khi tác ý] rằng: “Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc”, như thế [vị ấy] không rung động bởi sự phóng dật; từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi định lực.

[Khi tác ý] rằng: “Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc”, như thế [vị ấy] không rung động bởi vô minh; từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tuệ lực.

Năm lực này là sự rèn luyện của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được rèn luyện nhờ vào năm lực này. Năm lực này là sự tu tập của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được tu tập nhờ vào năm lực này. Năm lực này là được làm cho sung mãn nhờ vào từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được làm cho sung mãn nhờ vào năm lực này. Năm lực này là sự tô điểm của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được tô điểm khéo léo nhờ vào năm lực này. Năm lực này là sự bảo trì của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được bảo trì tốt đẹp nhờ vào năm lực

này. Năm lực này là sự phụ trợ của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được phụ trợ tốt đẹp nhờ vào năm lực này.

Đối với từ tâm giải thoát, năm quyền này là sự rèn luyện, là sự tu tập, đã được làm cho sung mãn, là sự tô điểm, là sự bảo trì, là sự phụ trợ, là có sự toàn vẹn, là đồng hành, là đồng sanh, là đã được nối liền, là đã được liên kết, là sự tiến vào, là sự tạo niềm tin, là sự an trụ, là sự giải thoát, là sự chạm đến “điều này là an tịnh”, là đã được tạo thành phương tiện, là đã được tạo thành nền tảng, là đã được thiết lập, là đã được tích lũy, là đã được khởi đầu tốt đẹp và tĩnh lặng, là đã được tu tập tốt đẹp, là đã được khẳng định tốt đẹp, là đã được hiện khởi tốt đẹp, là đã được giải thoát tốt đẹp; chúng làm cho sanh trưởng, làm cho sáng tỏ, làm cho rạng rỡ.

Thiết lập niệm rằng: “Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc”; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi niệm giác chi.

Suy xét bằng tuệ rằng: “Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc”; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi trạch pháp giác chi.

Ra sức tinh tấn rằng: “Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc”; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi cần giác chi.

Làm an tịnh sự bức bối rằng: “Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc”; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi hỷ giác chi.

Làm an tịnh sự thô xấu rằng: “Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc”; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tịnh giác chi.

Tập trung tâm rằng: “Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc”; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi định giác chi.

Phân biệt rõ các phiền não bằng trí rằng: “Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc”; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi xả giác chi.

Bảy giác chi này là sự rèn luyện của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được rèn luyện nhờ vào bảy giác chi này.

Bảy giác chi này là sự tu tập của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được tu tập nhờ vào bảy giác chi này.

Bảy giác chi này là được làm cho sung mãn nhờ vào từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được làm cho sung mãn nhờ vào bảy giác chi này.

Bảy giác chi này là sự tô điểm của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được tô điểm khéo léo nhờ vào bảy giác chi này.

Bảy giác chi này là sự bảo trì của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được bảo trì tốt đẹp nhờ vào bảy giác chi này.

Bảy giác chi này là sự phụ trợ của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được phụ trợ tốt đẹp nhờ vào bảy giác chi này.

Đối với từ tâm giải thoát, bảy giác chi này là sự rèn luyện, là sự tu tập, đã được làm cho sung mãn, là sự tô điểm, là sự bảo trì, là sự phụ trợ, có sự toàn vẹn, là đồng hành, là đồng sanh, là đã được nối liền, là đã được liên kết, là sự tiến vào, là sự tạo niềm tin, là sự an trụ, là sự giải thoát, là sự chạm đến “điều này là an tịnh”, là đã được tạo thành phương tiện, là đã được tạo thành nền tảng, là đã được thiết lập, là đã được tích lũy, là đã được khởi đầu tốt đẹp và tĩnh lặng, là đã được tu tập tốt đẹp, là đã được khẳng định tốt đẹp, là đã được hiện khởi tốt đẹp, là đã được giải thoát tốt đẹp; chúng làm cho sanh trưởng, làm cho sáng tỏ, làm cho rạng rỡ.

Nhận thức đúng đắn rằng: “Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc”; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh kiến.

Gắn chặt đúng đắn [tâm vào cảnh] rằng: “Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc”; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh tư duy.

Gìn giữ đúng đắn rằng: “Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc”; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh ngữ.

Làm cho sanh khởi đúng đắn rằng: “Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc”; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh nghiệp.

Làm cho trong sạch rằng: “Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc”; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh mạng.

Ra sức đúng đắn rằng: “Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc”; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh tinh tấn.

Thiết lập đúng đắn rằng: “Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc”; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh niệm.

Tập trung [tâm] đúng đắn rằng: “Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc”; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh định.

Tám chi đạo này là sự rèn luyện của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được rèn luyện nhờ vào tám chi đạo này. Tám chi đạo này là sự tu tập của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được tu tập nhờ vào tám chi đạo này. Tám chi đạo này là được làm cho sung mãn nhờ vào từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được làm cho sung mãn nhờ vào tám chi đạo này. Tám chi đạo này là sự tô điểm của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được tô điểm khéo léo nhờ vào tám chi đạo

này. Tám chi đạo này là sự bảo trì của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được bảo trì tốt đẹp nhờ vào tám chi đạo này. Tám chi đạo này là sự phụ trợ của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được phụ trợ tốt đẹp nhờ vào tám chi đạo này.

Đối với từ tâm giải thoát, tám chi đạo này là sự rèn luyện, là sự tu tập, đã được làm cho sung mãn, là sự tô điểm, là sự bảo trì, là sự phụ trợ, có sự toàn vẹn, là đồng hành, là đồng sanh, là đã được nối liền, là đã được liên kết, là sự tiến vào, là sự tạo niềm tin, là sự an trụ, là sự giải thoát, là sự chạm đến “điều này là an tịnh”, là đã được tạo thành phương tiện, là đã được tạo thành nền tảng, là đã được thiết lập, là đã được tích lũy, là đã được khởi đầu tốt đẹp và tĩnh lặng, là đã được tu tập tốt đẹp, là đã được khẳng định tốt đẹp, là đã được hiện khởi tốt đẹp, là đã được giải thoát tốt đẹp; chúng làm cho sanh trưởng, làm cho sáng tỏ, làm cho rạng rỡ.

Đối với tất cả các sinh mạng... Đối với tất cả các hiện hữu... Đối với tất cả các cá nhân... Đối với tất cả các hạng có bản ngã... Đối với tất cả nữ nhân... Đối với tất cả nam nhân... Đối với tất cả Thánh nhân... Đối với tất cả phàm nhân... Đối với tất cả chư thiên... Đối với tất cả loài người... Đối với tất cả hàng đọa xứ, xua đi sự áp bức bằng sự không áp bức, xua đi sự hãm hại bằng sự không hãm hại, xua đi sự bức bối bằng sự không bức bối, xua đi sự hủy hoại bằng sự không hủy hoại, xua đi sự quấy rối bằng sự không quấy rối rằng: “Tất cả chúng sanh hãy là không thù nghịch chớ có thù nghịch, hãy được an lạc chớ bị khổ đau, bản thân hãy được an lạc, bản thân chớ bị khổ đau.” “Thể hiện từ ái đến tất cả hàng đọa xứ với tám biểu hiện này” là từ ái. “Suy xét về pháp ấy” là tâm. “Được giải thoát khỏi sự xâm nhập của tất cả các độc hại” là giải thoát. “Từ ái, tâm và giải thoát” là từ tâm giải thoát.

Cương quyết với đức tin rằng: “Tất cả hàng đọa xứ hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc”; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tín quyền... (nt)...; chúng làm cho sanh trưởng, làm cho sáng tỏ, làm cho rạng rỡ.

Đối với tất cả chúng sanh ở hướng Đông... Đối với tất cả chúng sanh ở hướng Tây... Đối với tất cả chúng sanh ở hướng Bắc... Đối với tất cả chúng sanh ở hướng Nam... Đối với tất cả chúng sanh ở hướng Đông Nam... Đối với tất cả chúng sanh ở hướng Tây Bắc... Đối với tất cả chúng sanh ở hướng Đông Bắc... Đối với tất cả chúng sanh ở hướng Tây Nam... Đối với tất cả chúng sanh ở hướng dưới... Đối với tất cả chúng sanh ở hướng trên, xua đi sự áp bức bằng sự không áp bức, xua đi sự hãm hại bằng sự không hãm hại, xua đi sự bức bối bằng sự không bức bối, xua đi sự hủy hoại bằng sự không hủy hoại, xua đi sự quấy rối bằng sự không quấy rối rằng: “Tất cả chúng sanh ở hướng trên hãy là không thù nghịch chớ có thù nghịch, hãy được an lạc chớ bị khổ đau, bản thân hãy được an lạc, bản thân chớ bị khổ đau.” “Thể hiện từ ái đến tất cả hàng đọa xứ với tám biểu hiện này” là từ ái. “Suy xét về pháp ấy” là tâm. “Được giải thoát khỏi sự xâm nhập của tất cả các độc hại” là giải thoát. “Từ ái, tâm và giải thoát” là từ tâm giải thoát.

Cương quyết với đức tin rằng: “Tất cả hàng đọa xứ ở hướng trên hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc”; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tín quyền... (nt)...; chúng làm cho sanh trưởng, làm cho sáng tỏ, làm cho rạng rỡ.

Đối với tất cả các sinh mạng ở hướng Đông... Đối với tất cả các hiện hữu... Đối với tất cả các cá nhân... Đối với tất cả các hạng có bản ngã... Đối với tất cả nữ nhân... Đối với tất cả nam nhân... Đối với tất cả Thánh nhân... Đối với tất cả phàm nhân... Đối với tất cả chư thiên... Đối với tất cả loài người... Đối với tất cả hàng đọa xứ... Đối với tất cả hàng đọa xứ ở hướng Tây... Đối với tất cả hàng đọa xứ ở hướng Bắc... Đối với tất cả hàng đọa xứ ở hướng Nam... Đối với tất cả hàng đọa xứ ở hướng Đông Nam... Đối với tất cả hàng đọa xứ ở hướng Tây Bắc... Đối với tất cả hàng đọa xứ ở hướng Đông Bắc... Đối với tất cả hàng đọa xứ ở hướng Tây Nam... Đối với tất cả hàng đọa xứ ở hướng dưới... Đối với tất cả hàng đọa xứ ở hướng trên, xua đi sự áp bức bằng sự không áp bức, xua đi sự hãm hại bằng sự không hãm hại, xua đi sự bức bối bằng sự không bức bối, xua đi sự hủy hoại bằng sự không hủy hoại, xua đi sự quấy rối bằng sự không quấy rối rằng: “Tất cả hàng đọa xứ ở hướng trên hãy là không thù nghịch chớ có thù nghịch, hãy được an lạc chớ bị khổ đau, bản thân hãy được an lạc, bản thân chớ bị khổ đau.” “Thể hiện từ ái đến tất cả hàng đọa xứ với tám biểu hiện này” là từ ái. “Suy xét về pháp ấy” là tâm. “Được giải thoát khỏi sự xâm nhập của tất cả các độc hại” là giải thoát. “Từ ái, tâm và giải thoát” là từ tâm giải thoát.

Cương quyết với đức tin rằng: “Tất cả hàng đọa xứ ở hướng trên hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc”; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tín quyền. Ra sức tinh tấn rằng: “Tất cả hàng đọa xứ ở hướng trên hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc”; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tín quyền. Thiết lập niệm rằng: ... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi niệm quyền. Tập trung tâm rằng: ... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi định quyền. Nhận biết bằng tuệ rằng: ... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tuệ quyền.

Năm quyền này là sự rèn luyện của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được rèn luyện nhờ vào năm quyền này. ... (nt)...; chúng làm cho sanh trưởng, làm cho sáng tỏ, làm cho rạng rỡ.

Không dao động ở sự không có đức tin rằng: “Tất cả hàng đọa xứ ở hướng trên hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc”; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tín quyền. Không dao động ở sự biếng nhác rằng: ... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tấn lực. Không dao động ở sự buông lung rằng: ... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi niệm lực. Không dao động ở sự phóng dật rằng: ... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi định lực. Không dao động ở vô minh rằng: ... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tuệ lực.

Năm lực này là sự rèn luyện của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được

rèn luyện nhờ vào năm quyền này. ... (nt)...; chúng làm cho sanh trưởng, làm cho sáng tỏ, làm cho rạng rỡ.

Thiết lập niệm rằng: “Tất cả hàng đọa xứ ở hướng trên hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc”; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi niệm giác chi. Suy xét bằng tuệ rằng: ... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi trạch pháp giác chi. Ra sức tinh tấn rằng: ... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi cần giác chi. Làm an tịnh sự bức bối rằng: ... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi hỷ giác chi. Làm an tịnh sự thô xấu rằng: ... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi tịnh giác chi. Tập trung tâm rằng: ... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi định giác chi. Phân biệt rõ các phiền não bằng trí rằng: ... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi xả giác chi.

Bảy giác chi này là sự rèn luyện của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được rèn luyện nhờ bảy giác chi này. ... (nt)...; chúng làm cho sanh trưởng, làm cho sáng tỏ, làm cho rạng rỡ.

Nhận thức đúng đắn rằng: “Tất cả hàng đọa xứ ở hướng trên hãy là không thù nghịch, được yên ổn, được an lạc”; như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh kiến. Gắn chặt đúng đắn [tâm vào cảnh] rằng: ... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh tư duy. Gìn giữ đúng đắn rằng: ... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh ngữ. Làm cho sanh khởi đúng đắn rằng: ... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh nghiệp. Làm cho trong sạch rằng: ... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh mạng. Ra sức đúng đắn rằng: ... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh tinh tấn. Thiết lập đúng đắn rằng: ... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh niệm. Tập trung [tâm] đúng đắn rằng: ... (nt)... như thế từ tâm giải thoát là được tăng cường bởi chánh định.

Tám chi đạo này là sự rèn luyện của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được rèn luyện nhờ vào tám chi đạo này... (nt)... Tám chi đạo này là sự phụ trợ của từ tâm giải thoát, từ tâm giải thoát được phụ trợ tốt đẹp nhờ vào tám chi đạo này.

Đối với từ tâm giải thoát, tám chi đạo này là sự rèn luyện, là sự tu tập, đã được làm cho sung mãn, là sự tô điểm, là sự bảo trì, là sự phụ trợ, có sự toàn vẹn, là đồng hành, là đồng sanh, là đã được nối liền, là đã được liên kết, là sự tiến vào, là sự tạo niềm tin, là sự an trụ, là sự giải thoát, là sự chạm đến “điều này là an tịnh”, là đã được tạo thành phương tiện, là đã được tạo thành nền tảng, là đã được thiết lập, là đã được tích lũy, là đã được khởi đầu tốt đẹp và tĩnh lặng, là đã được tu tập tốt đẹp, là đã được khẳng định tốt đẹp, là đã được hiện khởi tốt đẹp, là đã được giải thoát tốt đẹp; chúng làm cho sanh trưởng, làm cho sáng tỏ, làm cho rạng rỡ.

Phản giảng về “Từ ái” được đầy đủ.

V. GIẢNG VỀ LY THAM ÁI (*VIRĀGAKATHĀ*)

Ly tham ái là đạo, sự giải thoát là quả.

Ly tham ái là đạo, là [có ý nghĩa] thế nào? Vào sát-na đạo Nhập lưu, chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức, loại bỏ tà kiến, loại bỏ các phiền não xu hướng theo điều ấy và các uẩn, loại bỏ tất cả các hiện tượng ở ngoại phần.

Ly tham ái có đối tượng là ly tham ái, có hành xử là ly tham ái, được hiện khởi ở ly tham ái, được tồn tại ở ly tham ái, được thiết lập ở ly tham ái.⁴

Ly tham ái: Có hai ly tham ái: Niết-bàn là ly tham ái, và tất cả các pháp sanh lên từ đối tượng Niết-bàn đều là ly tham ái. “Bảy chi phần đồng sanh đi đến ly tham ái”,⁵ như thế ly tham ái là đạo lộ. “Bằng đạo lộ ấy, chư Phật và các Thánh văn đi đến Niết-bàn là hướng chưa đi”, như thế là đạo lộ có tám chi phần. “Cho đến các đạo lộ của các học thuyết khác của số đông Sa-môn và Bà-la-môn, chính Thánh đạo tám chi phần này là tột đỉnh, hạng nhất, dẫn đầu, tối thượng và ưu tú”; như thế trong số các đạo lộ, tám chi phần là hạng nhất.

Chánh tư duy theo ý nghĩa gắn chặt [tâm vào cảnh], loại bỏ tà tư duy. ... (nt)... Chánh ngữ theo ý nghĩa gìn giữ, loại bỏ tà ngữ. ... (nt)... Chánh nghiệp theo ý nghĩa nguồn sanh khởi, loại bỏ tà nghiệp. ... (nt)... Chánh mạng theo ý nghĩa trong sạch, loại bỏ tà mạng. ... (nt)... Chánh tinh tấn theo ý nghĩa ra sức, loại bỏ tà tinh tấn. ... (nt)... Chánh niệm theo ý nghĩa thiết lập, loại bỏ tà niệm. ... (nt)... Chánh định theo ý nghĩa không tán mạn, loại bỏ tà định, loại bỏ các phiền não xu hướng theo điều ấy và các uẩn, loại bỏ tất cả các hiện tượng ở ngoại phần. Ly tham ái có đối tượng là ly tham ái, có hành xử là ly tham ái, được hiện khởi ở ly tham ái, được tồn tại ở ly tham ái, được thiết lập ở ly tham ái.

Ly tham ái: Có hai ly tham ái: Niết-bàn là ly tham ái, và tất cả các pháp sanh lên từ đối tượng Niết-bàn đều là ly tham ái. “Bảy chi phần đồng sanh đi đến ly tham ái”, như thế ly tham ái là đạo lộ. “Bằng đạo lộ ấy, chư Phật và các Thánh văn đi đến Niết-bàn là hướng chưa đi”, như thế là đạo lộ có tám chi phần. “Cho đến các đạo lộ của các học thuyết khác, của số đông Sa-môn và Bà-la-môn, chính Thánh đạo tám chi phần này là tột đỉnh, hạng nhất, dẫn đầu, tối thượng và ưu tú”; như thế trong số các đạo lộ, tám chi phần là hạng nhất.

⁴ Đoạn này nếu dịch theo *Chú giải* sẽ là: Ly tham ái có đối tượng là Niết-bàn, có hành xử là Niết-bàn, được hiện khởi ở Niết-bàn, được tồn tại ở Niết-bàn, được thiết lập ở Niết-bàn (*PsA*. III. 608).

⁵ Là bảy chi phần còn lại của Thánh đạo tám chi phần, trừ bớt đi chánh kiến (*PsA*. III. 608).

Vào sát-na đạo Nhất lai, chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức... (nt)... Chánh định theo ý nghĩa không tán mạn, loại bỏ sự ràng buộc của ái dục, sự ràng buộc của bất bình có tính chất thô thiển, ái dục ngủ ngầm và bất bình ngủ ngầm có tính chất thô thiển, loại bỏ các phiền não xu hướng theo điều ấy và các uẩn, loại bỏ tất cả các hiện tượng ở ngoại phần. Ly tham ái có đối tượng là ly tham ái, có hành xử là ly tham ái, được hiện khởi ở ly tham ái, được tồn tại ở ly tham ái, được thiết lập ở ly tham ái.

Ly tham ái: Có hai ly tham ái: Niết-bàn là ly tham ái, và tất cả các pháp sanh lên từ đối tượng Niết-bàn đều là ly tham ái. “Bảy chi phần đồng sanh đi đến ly tham ái”, như thế ly tham ái là đạo lộ. “Bằng đạo lộ ấy, chư Phật và các Thánh vẫn đi đến Niết-bàn là hướng chưa đi”, như thế là đạo lộ có tám chi phần. “Cho đến các đạo lộ của các học thuyết khác, của số đông Sa-môn và Bà-la-môn, chính Thánh đạo tám chi phần này là tốt đỉnh, hạng nhất, dẫn đầu, tối thượng và ưu tú”; như thế trong số các đạo lộ, tám chi phần là hạng nhất.

Vào sát-na đạo Bất lai, chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức... (nt)... Chánh định theo ý nghĩa không tán mạn, loại bỏ sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất vi tế, ái dục ngủ ngầm và bất bình ngủ ngầm có tính chất vi tế, loại bỏ các phiền não xu hướng theo điều ấy và các uẩn, loại bỏ tất cả các hiện tượng ở ngoại phần. Ly tham ái có đối tượng là ly tham ái... (nt)... như thế, trong số các đạo lộ, tám chi phần là hạng nhất.

Vào sát-na đạo A-la-hán, chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức... (nt)... Chánh định theo ý nghĩa không tán mạn, loại bỏ ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật, vô minh, ngã mạn ngủ ngầm, ái hữu ngủ ngầm, vô minh ngủ ngầm, loại bỏ các phiền não xu hướng theo điều ấy và các uẩn, loại bỏ tất cả các hiện tượng ở ngoại phần. Ly tham ái có đối tượng là ly tham ái, có hành xử là ly tham ái, được hiện khởi ở ly tham ái, được tồn tại ở ly tham ái, được thiết lập ở ly tham ái.

Ly tham ái: Có hai ly tham ái: Niết-bàn là ly tham ái, và tất cả các pháp sanh lên từ đối tượng Niết-bàn đều là ly tham ái. “Bảy chi phần đồng sanh đi đến ly tham ái”, như thế ly tham ái là đạo lộ. “Bằng đạo lộ ấy, chư Phật và các Thánh vẫn đi đến Niết-bàn là hướng chưa đi”, như thế là đạo lộ có tám chi phần. “Cho đến các đạo lộ của các học thuyết khác, của số đông Sa-môn và Bà-la-môn, chính Thánh đạo tám chi phần này là tốt đỉnh, hạng nhất, dẫn đầu, tối thượng và ưu tú”; như thế, trong số các đạo lộ, tám chi phần là hạng nhất.

Ly tham ái là nhận thức, tức là chánh kiến. Ly tham ái là sự gắn chặt [tâm vào cảnh], tức là chánh tư duy. Ly tham ái là sự gìn giữ, tức là chánh ngữ. Ly tham ái là nguồn sanh khởi, tức là chánh nghiệp. Ly tham ái là sự trong sạch, tức là chánh mạng. Ly tham ái là sự ra sức, tức là chánh tinh tấn. Ly tham ái là sự thiết lập, tức là chánh niệm. Ly tham ái là sự không tán mạn, tức là chánh định.

Ly tham ái là sự thiết lập, tức là niệm giác chi. Ly tham ái là sự suy xét, tức là trạch pháp giác chi. Ly tham ái là sự ra sức, tức là cần giác chi. Ly tham ái là sự lan tỏa, tức là hỷ giác chi. Ly tham ái là sự an tịnh, tức là tịnh giác chi. Ly

tham ái là sự không tản mạn, tức là định giác chi. Ly tham ái là sự phân biệt rõ, tức là xả giác chi.

Ly tham ái là không dao động ở sự không có đức tin, tức là tín lực. Ly tham ái là không dao động ở sự biếng nhác, tức là tấn lực. Ly tham ái là không dao động ở sự buông lung, tức là niệm lực. Ly tham ái là không dao động ở sự phóng dật, tức là định lực. Ly tham ái là không dao động ở sự vô minh, tức là tuệ lực.

Ly tham ái là sự cương quyết, tức là tín quyền. Ly tham ái là sự ra sức, tức là tấn quyền. Ly tham ái là sự thiết lập, tức là niệm quyền. Ly tham ái là sự không tản mạn, tức là định quyền. Ly tham ái là sự nhận thức, tức là tuệ quyền.

Các quyền, theo ý nghĩa chủ đạo, là ly tham ái. Lực, theo ý nghĩa không thể bị lay chuyển, là ly tham ái. Các giác chi, theo ý nghĩa dẫn xuất, là ly tham ái. Đạo, theo ý nghĩa chủng tử, là ly tham ái. Sự thiết lập niệm, theo ý nghĩa thiết lập, là ly tham ái. Các chân lý, theo ý nghĩa của thực thể, là ly tham ái. Chỉ tịnh, theo ý nghĩa không tản mạn, là ly tham ái. Minh sát, theo ý nghĩa quán xét, là ly tham ái. Chỉ tịnh và minh sát, theo ý nghĩa nhất vị, là ly tham ái. Sự kết hợp chung, theo ý nghĩa không vượt quá, là ly tham ái. Giới thanh tịnh, theo ý nghĩa thu thúc, là ly tham ái. Tâm thanh tịnh, theo ý nghĩa không tản mạn, là ly tham ái. Kiến thanh tịnh, theo ý nghĩa nhận thức, là ly tham ái. Giải thoát, theo ý nghĩa thoát khỏi, là ly tham ái. Minh, theo ý nghĩa thấu triệt, là ly tham ái. Giải thoát, theo ý nghĩa buông bỏ, là ly tham ái. Trí về sự đoạn tận, theo ý nghĩa đoạn trừ, là ly tham ái. Ước muốn, theo ý nghĩa nguồn cội, là ly tham ái. Tác ý, theo ý nghĩa nguồn sanh khởi, là ly tham ái. Xúc, theo ý nghĩa liên kết, là ly tham ái. Thọ, theo ý nghĩa hội tụ, là ly tham ái. Định, theo ý nghĩa dẫn đầu, là ly tham ái. Niệm, theo ý nghĩa chủ đạo, là ly tham ái. Tuệ, theo ý nghĩa cao thượng trong các pháp thiện, là ly tham ái. Giải thoát, theo ý nghĩa của cốt lõi, là ly tham ái. Niết-bàn liên quan đến bất tử, theo ý nghĩa kết thúc, là ly tham ái.

Sự nhận thức là đạo, tức là chánh kiến. Sự gắn chặt [tâm vào cảnh] là đạo, tức là chánh tư duy... (nt)... Niết-bàn liên quan đến bất tử, theo ý nghĩa kết thúc, là đạo.

Ly tham ái là đạo, là [có ý nghĩa] như thế.

Sự giải thoát là quả, là [có ý nghĩa] thế nào? Vào sát-na đạo Nhập lưu, chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức, được giải thoát khỏi tà kiến, được giải thoát khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và khỏi các uẩn, được giải thoát khỏi tất cả các hiện tượng ở ngoại phần. Sự giải thoát có đối tượng là giải thoát, có hành xử là giải thoát, được hiện khởi ở giải thoát, được tồn tại ở giải thoát, được thiết lập ở giải thoát.

Sự giải thoát: Có hai sự giải thoát: “Niết-bàn là sự giải thoát, và tất cả các pháp sanh lên từ đối tượng Niết-bàn đều là sự giải thoát”; như thế, giải thoát là quả.

Chánh tư duy theo ý nghĩa gắn chặt [tâm vào cảnh], giải thoát khỏi tà tư

duy, giải thoát khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và các uẩn, giải thoát khỏi tất cả các hiện tượng ngoại phần. Sự giải thoát có đối tượng là giải thoát, có hành xử là giải thoát, được hiện khởi ở giải thoát, được tồn tại ở giải thoát, được thiết lập ở giải thoát.

Sự giải thoát: Có hai sự giải thoát: “Niết-bàn là sự giải thoát, và tất cả các pháp sanh lên từ đối tượng Niết-bàn đều là sự giải thoát”; như thế, giải thoát là quả.

Chánh ngữ theo ý nghĩa gìn giữ, giải thoát khỏi tà ngữ... Chánh nghiệp theo ý nghĩa nguồn sanh khởi, giải thoát khỏi tà nghiệp... Chánh mạng theo ý nghĩa trong sạch, giải thoát khỏi tà mạng... Chánh tinh tấn theo ý nghĩa ra sức, giải thoát khỏi tà tinh tấn... Chánh niệm theo ý nghĩa thiết lập, giải thoát khỏi tà niệm... Chánh định theo ý nghĩa không tản mạn, giải thoát khỏi tà định, giải thoát khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và khỏi các uẩn, giải thoát khỏi tất cả các hiện tượng ở ngoại phần. Sự giải thoát có đối tượng là giải thoát, có hành xử là giải thoát, được hiện khởi ở giải thoát, được tồn tại ở giải thoát, được thiết lập ở giải thoát.

Sự giải thoát: Có hai sự giải thoát: “Niết-bàn là sự giải thoát, và tất cả các pháp sanh lên từ đối tượng Niết-bàn đều là sự giải thoát”; như thế, sự giải thoát là quả.

Vào sát-na quả Nhất lai, chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức... (nt)... Chánh định theo ý nghĩa không tản mạn, giải thoát khỏi sự ràng buộc của ái dục, sự ràng buộc của bất bình có tính chất thô thiển, ái dục ngũ ngàm và bất bình ngũ ngàm có tính chất thô thiển, giải thoát khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và khỏi các uẩn, giải thoát khỏi tất cả các hiện tượng ở ngoại phần. Sự giải thoát có đối tượng là giải thoát, có hành xử là giải thoát, được hiện khởi ở giải thoát, được tồn tại ở giải thoát, được thiết lập ở giải thoát.

Sự giải thoát: Có hai sự giải thoát: “Niết-bàn là sự giải thoát, và tất cả các pháp sanh lên từ đối tượng Niết-bàn đều là sự giải thoát”; như thế, giải thoát là quả.

Vào sát-na quả Bất lai, chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức... (nt)... Chánh định theo ý nghĩa không tản mạn, giải thoát khỏi sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất vi tế, ái dục ngũ ngàm và bất bình ngũ ngàm có tính chất vi tế, giải thoát khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và khỏi các uẩn, giải thoát khỏi tất cả các hiện tượng ở ngoại phần. Sự giải thoát có đối tượng là giải thoát, có hành xử là giải thoát, được hiện khởi ở giải thoát, được tồn tại ở giải thoát, được thiết lập ở giải thoát.

Sự giải thoát: Có hai sự giải thoát: ... (nt)... giải thoát là quả.

Vào sát-na quả A-la-hán, chánh kiến theo ý nghĩa nhận thức... (nt)... Chánh định theo ý nghĩa không tản mạn, giải thoát khỏi ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật, vô minh, ngã mạn ngũ ngàm, ái hữu ngũ ngàm, vô minh ngũ ngàm, giải thoát khỏi các phiền não xu hướng theo điều ấy và khỏi các uẩn, giải thoát

khỏi tất cả các hiện tượng ở ngoại phần. Sự giải thoát có đối tượng là giải thoát, có hành xử là giải thoát, được tồn tại ở giải thoát, được thiết lập ở giải thoát.

Sự giải thoát: Có hai sự giải thoát: “Niết-bàn là sự giải thoát, và tất cả các pháp sanh lên từ đối tượng Niết-bàn đều là sự giải thoát”; như thế, giải thoát là quả.

Giải thoát là sự nhận thức, tức là chánh kiến.... (nt)... Giải thoát là sự không tán mạn, tức là chánh định. Giải thoát là sự thiết lập, tức là niệm giác chi.... (nt)... Giải thoát là sự phân biệt rõ, tức là xả giác chi.

Giải thoát là không dao động ở sự không có đức tin, tức là tín lực.... (nt)... Giải thoát là không dao động ở vô minh, tức là tuệ lực.

Giải thoát là sự cương quyết, tức là tín quyền... (nt)... Giải thoát là sự nhận thức, tức là tuệ quyền.

Các quyền, theo ý nghĩa chủ đạo, là sự giải thoát. Các lực, theo ý nghĩa không bị dao động, là sự giải thoát. Các giác chi, theo ý nghĩa dẫn xuất, là sự giải thoát. Đạo, theo ý nghĩa chung tử, là sự giải thoát. Sự thiết lập niệm, theo ý nghĩa thiết lập, là sự giải thoát. Chánh cần, theo ý nghĩa nỗ lực, là sự giải thoát. Các nền tảng của thân thông, theo ý nghĩa thành tựu, là sự giải thoát. Các chân lý, theo ý nghĩa thực thể, là sự giải thoát. Chỉ tịnh, theo ý nghĩa không tán mạn, là sự giải thoát. Minh sát, theo ý nghĩa quán xét, là sự giải thoát. Chỉ tịnh và minh sát, theo ý nghĩa nhất vị, là sự giải thoát. Sự kết hợp chung, theo ý nghĩa không vượt quá, là sự giải thoát. Giới thanh tịnh, theo ý nghĩa thu thúc, là sự giải thoát. Tâm thanh tịnh, theo ý nghĩa không tán mạn, là sự giải thoát. Kiến thanh tịnh, theo ý nghĩa nhận thức, là sự giải thoát. Giải thoát, theo ý nghĩa thoát khỏi, là sự giải thoát. Minh, theo ý nghĩa thấu triệt, là sự giải thoát. Giải thoát, theo ý nghĩa buông bỏ, là sự giải thoát. Trí về vô thủ, theo ý nghĩa an tịnh, là sự giải thoát. Ước muốn, theo ý nghĩa nguồn cội, là sự giải thoát. Tác ý, theo ý nghĩa nguồn sanh khởi, là sự giải thoát. Xúc, theo ý nghĩa liên kết, là sự giải thoát. Thọ, theo ý nghĩa hội tụ, là sự giải thoát. Định, theo ý nghĩa dẫn đầu, là sự giải thoát. Niệm, theo ý nghĩa chủ đạo, là sự giải thoát. Tuệ, theo ý nghĩa cao thượng trong các pháp thiện, là sự giải thoát. Giải thoát, theo ý nghĩa của cốt lõi, là sự giải thoát. Niết-bàn liên quan đến bất tử, theo ý nghĩa kết thúc, là sự giải thoát.

Sự giải thoát là quả, là [có ý nghĩa] như thế.

Ly tham ái là đạo, sự giải thoát là quả, là [có ý nghĩa] như thế.

Phản giảng về “Ly tham ái” được đầy đủ.

VI. GIẢNG VỀ SỰ PHÂN TÍCH (PAṬISAMBHIDĀKATHĀ)

Tôi đã được nghe như vậy:

Một thời, đức Thế Tôn ngự tại Bārāṇasī, Isipatana, nơi Vườn Nai. Tại đó, đức Thế Tôn đã nói với các vị Tỳ-khuru nhóm năm vị rằng:

– Nay các Tỳ-khuru, đây là hai cực đoan mà bậc xuất gia không nên thực hành. Hai là gì? Đây là sự say đắm về dục lạc trong các dục kém cỏi, thô thiển, tầm thường, không cao thượng, không đem lại lợi ích; và đây là sự gấn bó với việc hành hạ bản thân đau khổ, không cao thượng, không đem lại lợi ích. Nay các Tỳ-khuru, sau khi không tiếp cận cả hai cực đoan ấy, lỗi thực hành trung hòa đã được đức Như Lai tự mình giác ngộ khiến cho mắt được thấy, khiến cho trí được sáng, dẫn đến tịch tịnh, thắng trí, hoàn toàn giác ngộ, Niết-bàn.

Và nay các Tỳ-khuru, lỗi thực hành trung hòa đã được đức Như Lai tự mình giác ngộ khiến cho mắt được thấy, khiến cho trí được sáng, dẫn đến tịch tịnh, thắng trí, hoàn toàn giác ngộ, Niết-bàn, [lỗi thực hành trung hòa] ấy là gì? Đó chính là Thánh đạo tám chi phần, tức là: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh cần, chánh niệm, chánh định. Nay các Tỳ-khuru, lỗi thực hành trung hòa ấy đã được đức Như Lai tự mình giác ngộ khiến cho mắt được thấy, khiến cho trí được sáng, dẫn đến tịch tịnh, thắng trí, hoàn toàn giác ngộ, Niết-bàn.

Này các Tỳ-khuru, đây là chân lý cao thượng, tức là sự khổ: Sanh là khổ, già cũng là khổ, bệnh cũng là khổ, chết cũng là khổ, sự gấn bó với những gì không ưa thích cũng là khổ, sự chia lìa với những gì ưa thích cũng là khổ, không đạt được điều ước muốn cũng là khổ, một cách tóm tắt năm thủ uẩn là khổ.

Này các Tỳ-khuru, đây là chân lý cao thượng, tức là nhân sanh của khổ. Điều ấy chính là ái đưa đến tái sanh, liên kết với khoái lạc và tham ái, có sự thỏa thích ở nơi này nơi khác tức là: Dục ái, hữu ái, phi hữu ái.

Này các Tỳ-khuru, đây là chân lý cao thượng, tức là sự diệt tận khổ. Điều ấy là sự diệt tận và ly tham ái không còn dư sót, là sự buông bỏ, là sự từ bỏ, là sự giải thoát, là sự không còn chỗ nương tựa đối với chính ái ấy.

Này các Tỳ-khuru, đây là chân lý cao thượng, tức là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ. Đó chính là Thánh đạo tám chi phần, tức là: Chánh kiến... (nt)... chánh định.

Này các Tỳ-khuru, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi,

tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Đây là chân lý cao thượng, tức là sự khổ.” Nay các Tỳ-khuru, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Đây là chân lý cao thượng, tức là sự khổ cần được biết toàn diện.” ... (nt)... đã được biết toàn diện.”

Nay các Tỳ-khuru, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Đây là chân lý cao thượng, tức là nhân sanh khổ.” Nay các Tỳ-khuru, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Đây là chân lý cao thượng, tức là nhân sanh khổ cần được dứt bỏ.” ... (nt)... đã được dứt bỏ.”

Nay các Tỳ-khuru, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Đây là chân lý cao thượng, tức là sự diệt tận khổ.” Nay các Tỳ-khuru, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Đây là chân lý cao thượng, tức là sự diệt tận khổ cần được tác chứng.” ... (nt)... đã được tác chứng.”

Nay các Tỳ-khuru, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Đây là chân lý cao thượng, tức là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ.” Nay các Tỳ-khuru, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Đây là chân lý cao thượng, tức là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ cần được tu tập.” ... (nt)... đã được tu tập.”

Nay các Tỳ-khuru, cho đến khi nào sự biết và thấy đúng theo thực thể của Ta về ba luân và mười hai thể của bốn chân lý cao thượng này chưa được thực sự thanh tịnh; nay các Tỳ-khuru, cho đến khi ấy Ta chưa công bố là: “Đã hoàn toàn giác ngộ quả Vô thượng Chánh đẳng giác” ở thế gian, tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người. Và nay các Tỳ-khuru, bởi vì sự biết và thấy đúng theo thực thể của Ta về ba luân và mười hai thể trong bốn chân lý cao thượng này đã được thực sự thanh tịnh; nay các Tỳ-khuru, khi ấy Ta đã công bố là: “Đã hoàn toàn giác ngộ quả Vô thượng Chánh đẳng giác” ở thế gian, tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người. Hơn nữa, sự biết và thấy đã sanh khởi đến Ta rằng: “Sự giải thoát của Ta là không thể thay đổi. Đây là lần sanh cuối cùng, giờ không còn tái sanh nữa.”

Đức Thế Tôn đã giảng về điều ấy. Các Tỳ-khuru nhóm năm vị đã hoan hỷ

thâu nhận lời dạy của đức Thế Tôn. Và trong khi bài kinh này được thuyết giảng, Pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến Đại đức Koṇḍañña: “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.”

Khi bánh xe pháp được chuyển vận bởi đức Thế Tôn, chư thiên ở địa cầu đã đồn đãi lời rằng: “Bánh xe pháp tối thượng ấy đã được đức Thế Tôn chuyển vận tại Bārāṇasī, Isipatana, nơi Vườn Nai không thể bị chuyển vận nghịch lại bởi Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên nhân, Ma vương, Phạm thiên, hoặc bất cứ ai ở trên đời.” Sau khi nghe được tiếng đồn của chư thiên ở địa cầu, chư thiên ở cõi Tứ Đại Thiên Vương đã đồn đãi lời rằng: ... (nt)... Sau khi nghe được tiếng đồn của chư thiên ở cõi Tứ Đại Thiên Vương, chư thiên ở cõi Đạo-lợi đã đồn đãi lời rằng: ... (nt)... chư thiên ở cõi Dạ-ma... (nt)... chư thiên ở cõi Đâu-suất... (nt)... chư thiên ở cõi Hóa Lạc... (nt)... chư thiên ở cõi Tha Hóa Tự Tại... (nt)... chư thiên thuộc hàng Phạm Chúng thiên đã đồn đãi lời rằng: “Bánh xe pháp tối thượng ấy đã được đức Thế Tôn chuyển vận tại Bārāṇasī, Isipatana, nơi Vườn Nai không thể bị chuyển vận nghịch lại bởi Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên nhân, Ma vương, Phạm thiên, hoặc bất cứ ai ở trên đời.”

Vào thời khắc ấy, vào giây phút ấy, lời đồn đãi ấy đã đi đến các cõi trời Phạm thiên. Và mười ngàn thế giới này đã bị lay chuyển, rung động, chấn động. Và ánh sáng vô lượng tuyệt vời đã hiện ra ở thế gian, vượt quá hào quang siêu phàm của chư thiên.

Khi ấy, đức Thế Tôn đã thốt lên lời cảm hứng này: “Quả nhiên Koṇḍañña đã hiểu được! Quả nhiên Koṇḍañña đã hiểu được!” Do đó, Đại đức Koṇḍañña đã có tên là “*Aññākoṇḍañña*.”⁶

[Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Đây là chân lý cao thượng, tức là sự khổ.”

“[Pháp] nhãn đã sanh khởi” theo ý nghĩa gì? “Trí đã sanh khởi” theo ý nghĩa gì? “Tuệ đã sanh khởi” theo ý nghĩa gì? “Minh đã sanh khởi” theo ý nghĩa gì? “Ánh sáng đã sanh khởi” theo ý nghĩa gì? “[Pháp] nhãn đã sanh khởi” theo ý nghĩa nhận thức. “Trí đã sanh khởi” theo ý nghĩa đã được biết. “Tuệ đã sanh khởi” theo ý nghĩa nhận biết. “Minh đã sanh khởi” theo ý nghĩa thấu triệt. “Ánh sáng đã sanh khởi” theo ý nghĩa chiếu sáng.

[Pháp] nhãn là pháp, trí là pháp, tuệ là pháp, minh là pháp, ánh sáng là pháp. Năm pháp này vừa là đối tượng vừa là hành xử của sự phân tích các pháp. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xử của việc ấy, các hành xử của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: “Trí về các pháp là sự phân tích các pháp.”

⁶ Tên gọi *Aññākoṇḍañña* (*aññā* + *koṇḍañña*) của vị này có nghĩa là “Koṇḍañña, đã hiểu.” Từ *aññā* được trích từ lời nói của đức Phật là: “*Aññāsi vata bho Koṇḍañño, aññāsi vata bho Koṇḍañño*” (Quả nhiên Koṇḍañña đã hiểu được! Quả nhiên Koṇḍañña đã hiểu được!) rồi ghép vào phía trước tên Koṇḍañña của vị ấy. (ND)

Ý nghĩa của sự nhận thức là ý nghĩa, ý nghĩa của điều đã được biết là ý nghĩa, ý nghĩa của sự nhận biết là ý nghĩa, ý nghĩa của sự thấu triệt là ý nghĩa, ý nghĩa của chiếu sáng là ý nghĩa. Năm ý nghĩa này vừa là đối tượng vừa là hành xử của sự phân tích các ý nghĩa. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xử của việc ấy, các hành xử của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: “Trí về các ý nghĩa là sự phân tích các ý nghĩa.”

Nói đến văn tự và ngôn từ để chỉ rõ về năm pháp. Nói đến văn tự và ngôn từ để chỉ rõ về năm ý nghĩa. Mười ngôn từ này vừa là đối tượng vừa là hành xử của sự phân tích các ngôn từ. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xử của việc ấy, các hành xử của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: “Trí về các ngôn từ là sự phân tích các ngôn từ.”

Các trí về năm pháp, các trí về năm ý nghĩa, các trí về mười ngôn từ; hai mươi trí này vừa là đối tượng vừa là hành xử của sự phân tích các phép biện giải. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xử của việc ấy, các hành xử của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: “Trí về các phép biện giải là sự phân tích các phép biện giải.”

[Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Đây là chân lý cao thượng, tức là sự khổ cần được biết toàn diện.” ... (nt)... đã được biết toàn diện.”

“[Pháp] nhãn đã sanh khởi” theo ý nghĩa gì? “Trí đã sanh khởi” theo ý nghĩa gì? “Tuệ đã sanh khởi” theo ý nghĩa gì? “Minh đã sanh khởi” theo ý nghĩa gì? “Ánh sáng đã sanh khởi” theo ý nghĩa gì? “[Pháp] nhãn đã sanh khởi” theo ý nghĩa nhận thức. “Trí đã sanh khởi” theo ý nghĩa đã được biết. “Tuệ đã sanh khởi” theo ý nghĩa nhận biết. “Minh đã sanh khởi” theo ý nghĩa thấu triệt. “Ánh sáng đã sanh khởi” theo ý nghĩa chiếu sáng.

[Pháp] nhãn là pháp, trí là pháp, tuệ là pháp, minh là pháp, ánh sáng là pháp. Năm pháp này vừa là đối tượng vừa là hành xử của sự phân tích các pháp. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xử của việc ấy, các hành xử của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: “Trí về các pháp là sự phân tích các pháp.”

Ý nghĩa của sự nhận thức là ý nghĩa, ý nghĩa của điều đã được biết là ý nghĩa, ý nghĩa của sự nhận biết là ý nghĩa, ý nghĩa của sự thấu triệt là ý nghĩa, ý nghĩa của chiếu sáng là ý nghĩa. Năm ý nghĩa này vừa là đối tượng vừa là hành xử của sự phân tích các ý nghĩa. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xử của việc ấy, các hành xử của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: “Trí về các ý nghĩa là sự phân tích các ý nghĩa.”

Nói đến văn tự và ngôn từ để chỉ rõ về năm pháp. Nói đến văn tự và ngôn từ để chỉ rõ về năm ý nghĩa. Mười ngôn từ này vừa là đối tượng vừa là hành xử của sự phân tích các ngôn từ. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xử

của việc ấy, các hành xử của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: “Trí về các ngôn từ là sự phân tích các ngôn từ.”

Các trí về năm pháp, các trí về năm ý nghĩa, các trí về mười ngôn từ; hai mươi trí này vừa là đối tượng vừa là hành xử của sự phân tích các phép biện giải. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xử của việc ấy, các hành xử của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: “Trí về các phép biện giải là sự phân tích các phép biện giải.”

Ở chân lý cao thượng tức là sự khổ có mười lăm pháp, mười lăm ý nghĩa, ba mươi ngôn từ và sáu mươi trí.

[Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Đây là chân lý cao thượng, tức là nhân sanh khổ.” ... (nt)... [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Đây là chân lý cao thượng, tức là nhân sanh khổ cần được dứt bỏ.” ... (nt)... đã được dứt bỏ.” ... (nt)...

Ở chân lý cao thượng tức là nhân sanh khổ có mười lăm pháp, mười lăm ý nghĩa, ba mươi ngôn từ và sáu mươi trí.

[Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Đây là chân lý cao thượng tức là sự diệt tận khổ.” ... (nt)... [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Đây là chân lý cao thượng, tức là sự diệt tận khổ cần được tác chứng.” ... (nt)... đã được tác chứng.” ... (nt)...

Ở chân lý cao thượng tức là sự diệt tận khổ có mười lăm pháp, mười lăm ý nghĩa, ba mươi ngôn từ và sáu mươi trí.

[Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Đây là chân lý cao thượng tức là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ.” ... (nt)... [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Đây là chân lý cao thượng, tức là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ cần được tu tập... (nt)... đã được tu tập.” ... (nt)...

Ở chân lý cao thượng tức là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ có mười lăm pháp, mười lăm ý nghĩa, ba mươi ngôn từ và sáu mươi trí.

Ở bốn chân lý cao thượng có sáu mươi pháp, sáu mươi ý nghĩa, một trăm hai mươi ngôn từ và hai trăm bốn mươi trí.

Này các Tỳ-khuru, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Đây là sự quán xét thân trên thân.” Này các Tỳ-khuru, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Sự quán xét thân trên thân này đây cần được tu tập... (nt)... đã được tu tập.”

Này các Tỳ-khuru, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Đây là sự quán xét

thọ trên các thọ.” ... tâm trên tâm.” ... pháp trên các pháp.” Nay các Tỳ-khuru, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Sự quán xét pháp trên các pháp này đây cần được tu tập... (nt)... đã được tu tập.”

[Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Đây là sự quán xét thân trên thân.” ... (nt)... [Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Sự quán xét thân trên thân này đây cần được tu tập... (nt)... đã được tu tập.”

“[Pháp] nhãn đã sanh khởi” theo ý nghĩa gì? “Trí đã sanh khởi” theo ý nghĩa gì? “Tuệ đã sanh khởi” theo ý nghĩa gì? “Minh đã sanh khởi” theo ý nghĩa gì? “Ánh sáng đã sanh khởi” theo ý nghĩa gì? “[Pháp] nhãn đã sanh khởi” theo ý nghĩa nhận thức. “Trí đã sanh khởi” theo ý nghĩa đã được biết. “Tuệ đã sanh khởi” theo ý nghĩa nhận biết. “Minh đã sanh khởi” theo ý nghĩa thấu triệt. “Ánh sáng đã sanh khởi” theo ý nghĩa chiếu sáng.

[Pháp] nhãn là pháp, trí là pháp, tuệ là pháp, minh là pháp, ánh sáng là pháp. Năm pháp này vừa là đối tượng, vừa là hành xử của sự phân tích các pháp. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xử của việc ấy, các hành xử của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: “Trí về các pháp là sự phân tích các pháp.”

Ý nghĩa của sự nhận thức là ý nghĩa, ý nghĩa của điều đã được biết là ý nghĩa, ý nghĩa của sự nhận biết là ý nghĩa, ý nghĩa của sự thấu triệt là ý nghĩa, ý nghĩa của chiếu sáng là ý nghĩa. Năm ý nghĩa này vừa là đối tượng, vừa là hành xử của sự phân tích các ý nghĩa. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xử của việc ấy, các hành xử của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: “Trí về các ý nghĩa là sự phân tích các ý nghĩa.”

Nói đến văn tự và ngôn từ để chỉ rõ về năm pháp. Nói đến văn tự và ngôn từ để chỉ rõ về năm ý nghĩa. Mười ngôn từ này vừa là đối tượng, vừa là hành xử của sự phân tích các ngôn từ. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xử của việc ấy, các hành xử của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: “Trí về các ngôn từ là sự phân tích các ngôn từ.”

Các trí về năm pháp, các trí về năm ý nghĩa, các trí về mười ngôn từ; hai mươi trí này vừa là đối tượng, vừa là hành xử của sự phân tích các phép biện giải. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xử của việc ấy, các hành xử của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: “Trí về các phép biện giải là sự phân tích các phép biện giải.”

Ở sự thiết lập niệm về quán thân trên thân có mười lăm pháp, mười lăm ý nghĩa, ba mươi ngôn từ và sáu mươi trí.

[Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Đây là sự quán xét thọ trên các thọ.” ... tâm

trên tâm.” ... pháp trên các pháp.” ... (nt)... [Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Sự quán xét pháp trên các pháp này đây cần được tu tập... (nt)... đã được tu tập.” ... (nt)... Ở sự thiết lập niệm về quán pháp trên các pháp có mười lăm pháp, mười lăm ý nghĩa, ba mươi ngôn từ và sáu mươi trí.

Ở bốn sự thiết lập niệm có sáu mươi pháp, sáu mươi ý nghĩa, một trăm hai mươi ngôn từ và hai trăm bốn mươi trí.

Này các Tỳ-khuru, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Đây là nền tảng của thân thông hội đủ [các yếu tố] định do ước muốn và các tạo tác do nỗ lực.” Này các Tỳ-khuru, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Nền tảng của thân thông hội đủ [các yếu tố] định do ước muốn và các tạo tác do nỗ lực này đây cần được tu tập... (nt)... đã được tu tập.”

Này các Tỳ-khuru, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Đây là nền tảng của thân thông hội đủ [các yếu tố] định do tinh tấn... định do tâm... định do thâm xét và các tạo tác do nỗ lực.” Này các Tỳ-khuru, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Nền tảng của thân thông hội đủ [các yếu tố] định do thâm xét và các tạo tác do nỗ lực này đây cần được tu tập... (nt)... đã được tu tập.”

[Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Đây là nền tảng của thân thông hội đủ [các yếu tố] định do ước muốn và các tạo tác do nỗ lực.” ... (nt)... [Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Nền tảng của thân thông hội đủ [các yếu tố] định do ước muốn và các tạo tác do nỗ lực này đây cần được tu tập... (nt)... đã được tu tập.”

“[Pháp] nhãn đã sanh khởi” theo ý nghĩa gì? “Trí đã sanh khởi” theo ý nghĩa gì? “Tuệ đã sanh khởi” theo ý nghĩa gì? “Minh đã sanh khởi” theo ý nghĩa gì? “Ánh sáng đã sanh khởi” theo ý nghĩa gì? “[Pháp] nhãn đã sanh khởi” theo ý nghĩa nhận thức. “Trí đã sanh khởi” theo ý nghĩa đã được biết. “Tuệ đã sanh khởi” theo ý nghĩa nhận biết. “Minh đã sanh khởi” theo ý nghĩa thấu triệt. “Ánh sáng đã sanh khởi” theo ý nghĩa chiếu sáng.

[Pháp] nhãn là pháp, trí là pháp, tuệ là pháp, minh là pháp, ánh sáng là pháp. Năm pháp này vừa là đối tượng vừa là hành xử của sự phân tích các pháp. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xử của việc ấy, các hành xử của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: “Trí về các pháp là sự phân tích các pháp.”

Ý nghĩa của sự nhận thức là ý nghĩa, ý nghĩa của điều đã được biết là ý nghĩa, ý nghĩa của sự nhận biết là ý nghĩa, ý nghĩa của sự thấu triệt là ý nghĩa, ý nghĩa của chiếu sáng là ý nghĩa. Năm ý nghĩa này vừa là đối tượng vừa là hành xử của sự phân tích các ý nghĩa. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xử của việc ấy, các hành xử của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: “Trí về các ý nghĩa là sự phân tích các ý nghĩa.”

Nói đến văn tự và ngôn từ để chỉ rõ về năm pháp. Nói đến văn tự và ngôn từ để chỉ rõ về năm ý nghĩa. Mười ngôn từ này vừa là đối tượng vừa là hành xử của sự phân tích các ngôn từ. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xử của việc ấy, các hành xử của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: “Trí về các ngôn từ là sự phân tích các ngôn từ.”

Các trí về năm pháp, các trí về năm ý nghĩa, các trí về mười ngôn từ; hai mươi trí này vừa là đối tượng vừa là hành xử của sự phân tích các phép biện giải. Các đối tượng của việc ấy cũng là các hành xử của việc ấy, các hành xử của việc ấy cũng là các đối tượng của việc ấy. Vì thế, được nói rằng: “Trí về các phép biện giải là sự phân tích các phép biện giải.”

Ở nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do ước muốn và các tạo tác do nỗ lực có mười lăm pháp, mười lăm ý nghĩa, ba mươi ngôn từ và sáu mươi trí.

[Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Đây là nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do thâm xét và các tạo tác do nỗ lực.” ... (nt)... [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Nền tảng của thần thông hội đủ (các yếu tố) định do thâm xét và các tạo tác do nỗ lực này đây cần được tu tập... (nt)... đã được tu tập.” Ở nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do thâm xét và các tạo tác do nỗ lực có mười lăm pháp, mười lăm ý nghĩa, ba mươi ngôn từ và sáu mươi trí.

Ở bốn nền tảng của thần thông có sáu mươi pháp, sáu mươi ý nghĩa, một trăm hai mươi ngôn từ và hai trăm bốn mươi trí.

Này các Tỳ-khuru, Bồ-tát Vipassī có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Nhân sanh, nhân sanh.” Này các Tỳ-khuru, Bồ-tát Vipassī có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Sự diệt tận, sự diệt tận.” Ở lời tuyên bố của Bồ-tát Vipassī có mười pháp, mười ý nghĩa, hai mươi ngôn từ và bốn mươi trí.

Này các Tỳ-khuru, Bồ-tát Sikhī... Bồ-tát Vessabhū... Bồ-tát Kakusandha... Bồ-tát Koṇāgamana... Bồ-tát Kassapa có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Nhân sanh, nhân sanh.” Này các Tỳ-khuru, Bồ-tát Kassapa có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng

được nghe: “Sự diệt tận, sự diệt tận.” Ở lời tuyên bố của Bồ-tát Kassapa có mười pháp, mười ý nghĩa, hai mươi ngôn từ và bốn mươi trí.

Này các Tỳ-khuru, Bồ-tát Gotama có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Nhân sanh, nhân sanh.” Này các Tỳ-khuru, Bồ-tát Gotama có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Sự diệt tận, sự diệt tận.” Ở lời tuyên bố của Bồ-tát Gotama có mười pháp, mười ý nghĩa, hai mươi ngôn từ và bốn mươi trí.

Ở bảy lời tuyên bố của bảy vị Bồ-tát có bảy mươi pháp, bảy mươi ý nghĩa, một trăm bốn mươi ngôn từ và hai trăm tám mươi trí.

[Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi: “Cho đến ý nghĩa biết rõ của sự biết rõ là đã được biết, đã được thấy, đã được hiểu, đã được tác chứng, đã được chạm đến bởi tuệ. Không có ý nghĩa của sự biết rõ là không được chạm đến bởi tuệ.” Ở ý nghĩa biết rõ của sự biết rõ có hai mươi lăm pháp, hai mươi lăm ý nghĩa, năm mươi ngôn từ và một trăm trí.

[Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi: “Cho đến ý nghĩa biết toàn diện của sự biết toàn diện... (nt)... “Cho đến ý nghĩa dứt bỏ của sự dứt bỏ... (nt)... Cho đến ý nghĩa về tu tập của sự tu tập... (nt)... Cho đến ý nghĩa về tác chứng của sự tác chứng là đã được biết, đã được thấy, đã được hiểu, đã được tác chứng, đã được chạm đến bởi tuệ. Không có ý nghĩa tác chứng là không được chạm đến bởi tuệ.” Ở ý nghĩa về tác chứng của sự tác chứng có hai mươi lăm pháp, hai mươi lăm ý nghĩa, năm mươi ngôn từ và một trăm trí.

Ở ý nghĩa biết rõ của sự biết rõ, về ý nghĩa biết toàn diện của sự biết toàn diện, về ý nghĩa dứt bỏ của sự dứt bỏ, về ý nghĩa tu tập của sự tu tập, về ý nghĩa về tác chứng của sự tác chứng có một trăm hai mươi lăm pháp, một trăm hai mươi lăm ý nghĩa, hai trăm năm mươi ngôn từ và năm trăm trí.

[Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi: “Cho đến ý nghĩa về uẩn của các uẩn là đã được biết, đã được thấy, đã được hiểu, đã được tác chứng, đã được chạm đến bởi tuệ. Không có ý nghĩa về uẩn là không được chạm đến bởi tuệ.” Ở ý nghĩa về uẩn của các uẩn có hai mươi lăm pháp, hai mươi lăm ý nghĩa, năm mươi ngôn từ và một trăm trí.

[Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi: “Cho đến ý nghĩa về giới của các giới... “Cho đến ý nghĩa về xứ của các xứ... Cho đến ý nghĩa tạo tác của các tạo tác... Cho đến ý nghĩa không tạo tác của không tạo tác là đã được biết, đã được thấy, đã được hiểu, đã được tác chứng, đã được chạm đến bởi tuệ. Không có ý nghĩa của không tạo tác là không được chạm đến bởi tuệ.” Ở ý nghĩa không tạo tác của

không tạo tác có hai mươi lăm pháp, hai mươi lăm ý nghĩa, năm mươi ngôn từ và một trăm trí.

Ở ý nghĩa về uẩn của các uẩn, ở ý nghĩa về giới của các giới, ở ý nghĩa về xứ của các xứ, ở ý nghĩa tạo tác của các tạo tác, ở ý nghĩa không tạo tác của không tạo tác có một trăm hai mươi lăm pháp, một trăm hai mươi lăm ý nghĩa, hai trăm năm mươi ngôn từ và năm trăm trí.

[Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi: “Cho đến ý nghĩa về khổ của khổ là đã được biết, đã được thấy, đã được hiểu, đã được tác chứng, đã được chạm đến bởi tuệ. Không có ý nghĩa của khổ là không được chạm đến bởi tuệ.” Ở ý nghĩa về khổ của khổ có hai mươi lăm pháp, hai mươi lăm ý nghĩa, năm mươi ngôn từ và một trăm trí.

[Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi: “Cho đến ý nghĩa về nhân sanh của nhân sanh... (nt)... “Cho đến ý nghĩa về diệt tận của sự diệt tận... (nt)... “Cho đến ý nghĩa về đạo của đạo là đã được biết, đã được thấy, đã được hiểu, đã được tác chứng, đã được chạm đến bởi tuệ. Không có ý nghĩa của đạo là không được chạm đến bởi tuệ.” Ở ý nghĩa về đạo của đạo có hai mươi lăm pháp, hai mươi lăm ý nghĩa, năm mươi ngôn từ và một trăm trí.

Ở bốn chân lý cao thượng có một trăm pháp, một trăm ý nghĩa, hai trăm ngôn từ và bốn trăm trí.

[Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi: “Cho đến ý nghĩa về phân tích ý nghĩa của sự phân tích ý nghĩa là đã được biết, đã được thấy, đã được hiểu, đã được tác chứng, đã được chạm đến bởi tuệ. Không có ý nghĩa của sự phân tích ý nghĩa là không được chạm đến bởi tuệ.” Ở ý nghĩa về phân tích ý nghĩa của sự phân tích ý nghĩa có hai mươi lăm pháp, hai mươi lăm ý nghĩa, năm mươi ngôn từ và một trăm trí.

[Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi: “Cho đến ý nghĩa về phân tích pháp của sự phân tích pháp... (nt)... “Cho đến ý nghĩa về phân tích ngôn từ của sự phân tích ngôn từ... (nt)... “Cho đến ý nghĩa về phân tích phép biện giải của sự phân tích phép biện giải là đã được biết, đã được thấy, đã được hiểu, đã được tác chứng, đã được chạm đến bởi tuệ. Không có ý nghĩa của sự phân tích phép biện giải là không được chạm đến bởi tuệ.” Ở ý nghĩa về phân tích phép biện giải của sự phân tích phép biện giải có hai mươi lăm pháp, hai mươi lăm ý nghĩa, năm mươi ngôn từ và một trăm trí.

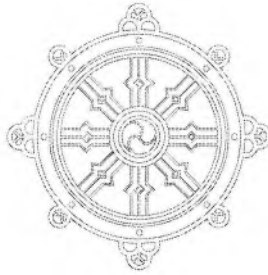
Ở bốn phân tích có một trăm pháp, một trăm ý nghĩa, hai trăm ngôn từ và bốn trăm trí. [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi: “Cho đến trí biết được khả năng người khác là đã được biết, đã được thấy, đã được hiểu, đã được tác chứng, đã được chạm đến bởi tuệ. Không có trí biết được khả năng người khác là không được chạm đến bởi tuệ.” Ở trí biết được khả năng người khác có hai mươi lăm pháp, hai mươi lăm ý nghĩa, năm mươi ngôn từ và một trăm trí.

[Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi: “Cho đến bảy thiên kiến và xu hướng ngũ ngầm... (nt)... “Cho đến trí song thông... (nt)... “Cho đến trí về sự thể nhập đại bi... (nt)... “Cho đến trí toàn giác... (nt)... “Cho đến trí không bị ngăn che là đã được biết, đã được thấy, đã được hiểu, đã được tác chứng, đã được chạm đến bởi tuệ. Không có trí không bị ngăn che là không được chạm đến bởi tuệ.” Ở trí không bị ngăn che có hai mươi lăm pháp, hai mươi lăm ý nghĩa, năm mươi ngôn từ và một trăm trí.

Ở sáu pháp của đức Phật có một trăm năm mươi pháp, một trăm năm mươi ý nghĩa, ba trăm ngôn từ và sáu trăm trí.

Ở trường hợp về phân tích có tám trăm năm mươi pháp, tám trăm năm mươi ý nghĩa, một ngàn bảy trăm ngôn từ và ba ngàn bốn trăm trí.

Phần giảng về “Sự phân tích” được đầy đủ.



VII. GIẢNG VỀ PHÁP LUÂN (*DHAMMACAKKAKATHĀ*)

Một thời, đức Thế Tôn ngự tại Bārāṇasī... (nt)... Do đó, Đại đức Koṇḍañña đã có tên là “Aññākoṇḍañña.”

[Pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Đây là chân lý cao thượng, tức là sự khổ.”

“[Pháp] nhãn đã sanh khởi” theo ý nghĩa gì? “Trí đã sanh khởi” theo ý nghĩa gì? “Tuệ đã sanh khởi” theo ý nghĩa gì? “Minh đã sanh khởi” theo ý nghĩa gì? “Ánh sáng đã sanh khởi” theo ý nghĩa gì? “[Pháp] nhãn đã sanh khởi” theo ý nghĩa nhận thức. “Trí đã sanh khởi” theo ý nghĩa đã được biết. “Tuệ đã sanh khởi” theo ý nghĩa nhận biết. “Minh đã sanh khởi” theo ý nghĩa thấu triệt. “Ánh sáng đã sanh khởi” theo ý nghĩa chiếu sáng.

[Pháp] nhãn là pháp, ý nghĩa của sự nhận thức là ý nghĩa. Trí là pháp, ý nghĩa của điều đã được biết là ý nghĩa. Tuệ là pháp, ý nghĩa của sự nhận biết là ý nghĩa. Minh là pháp, ý nghĩa của sự thấu triệt là ý nghĩa. Ánh sáng là pháp, ý nghĩa của chiếu sáng là ý nghĩa. Năm pháp này là năm ý nghĩa có khổ là nền tảng, có chân lý là nền tảng, có chân lý là đối tượng, có chân lý là hành xử, được tổng hợp lại ở chân lý, được hệ thuộc vào chân lý, được hiện khởi ở chân lý, được tồn tại ở chân lý, được thiết lập ở chân lý.

Pháp luân: Pháp luân với ý nghĩa gì? “Chuyển vận pháp và bánh xe” là Pháp luân. “Chuyển vận bánh xe và pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận theo pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận theo hành vi của pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận khi tồn tại ở pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận khi được thiết lập ở pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận trong khi thiết lập [người khác] ở pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận khi đạt được năng lực” là Pháp luân. “Chuyển vận trong khi tạo cho [người khác] đạt được năng lực ở pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận khi đạt được sự toàn hảo ở pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận trong khi tạo cho [người khác] đạt được sự toàn hảo ở pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận khi đạt được sự tự tín ở pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận trong khi tạo cho [người khác] đạt được sự tự tín ở pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận trong khi tôn vinh pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận trong khi tôn kính pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận trong khi tôn trọng pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận trong khi cúng dường pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận trong khi sùng kính pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận có pháp là ngọn cờ” là Pháp luân. “Chuyển vận có pháp là biểu

hiệu” là Pháp luân. “Chuyển vận có pháp là chủ đạo” là Pháp luân. “Hơn nữa, Pháp luân ấy là không thể bị chuyển vận nghịch lại bởi Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên nhân, Ma vương, Phạm Thiên, hoặc bất cứ ai ở trên đời” là Pháp luân.

“Tín quyền là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. “Tân quyền là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. “Niệm quyền là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. “Định quyền là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. “Tuệ quyền là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân.

“Tín lực là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. “Tân lực là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. “Niệm lực là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. “Định lực là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. “Tuệ lực là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân.

“Niệm giác chi là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. “Trạch pháp giác chi là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. “Tĩnh tấn giác chi là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. “Hỷ giác chi là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. “Tịnh giác chi là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. “Định giác chi là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. “Xả giác chi là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân.

“Chánh kiến là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. “Chánh tư duy là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. “Chánh ngữ là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. “Chánh nghiệp là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. “Chánh mạng là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. “Chánh tinh tấn là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. “Chánh niệm là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. “Chánh định là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân.

“Quyền theo ý nghĩa chủ đạo là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. “Lực theo ý nghĩa không thể bị lay chuyển là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. “Giác chi theo ý nghĩa dẫn xuất [ra khỏi luân hồi] là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. “Đạo theo ý nghĩa chủng tử là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. “Các sự thiết lập niệm theo ý nghĩa thiết lập là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. “Các chánh cần theo ý nghĩa nỗ lực là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. “Các nền tảng của thân thông theo ý nghĩa thành tựu là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. “Các chân lý theo ý nghĩa thực thể là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. “Chỉ tịnh theo ý nghĩa không tán mạn là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. “Minh sát theo ý nghĩa quán xét là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. “Chỉ tịnh và minh sát theo ý nghĩa nhất vị là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. “Sự kết hợp chung theo ý nghĩa không vượt quá là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. “Giới thanh tịnh theo ý nghĩa thu thúc là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. “Tâm thanh tịnh theo ý nghĩa không tán mạn là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. “Kiến thanh tịnh theo ý nghĩa nhận thức là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. “Trí về sự đoạn tận theo ý nghĩa đoạn trừ là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân.” Trí về sự vô sanh theo ý nghĩa tĩnh lặng là pháp, chuyển vận pháp

ấy” là Pháp luân. “Ước muốn theo ý nghĩa nguồn cội là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. “Tác ý theo ý nghĩa nguồn sanh khởi là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. “Xúc theo ý nghĩa liên kết là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. “Thọ theo ý nghĩa hội tụ là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. “Định theo ý nghĩa dẫn đầu là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. “Niệm theo ý nghĩa pháp chủ đạo là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. “Tuệ theo ý nghĩa cao thượng trong các pháp thiện là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. “Sự giải thoát theo ý nghĩa cốt lõi là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. “Niết-bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân.

[Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Đây là chân lý cao thượng, tức là sự khổ cần được biết toàn diện.” ... (nt)... đã được biết toàn diện.”

“[Pháp] nhãn đã sanh khởi” theo ý nghĩa gì? ... (nt)... “Ánh sáng đã sanh khởi” theo ý nghĩa gì? “[Pháp] nhãn đã sanh khởi” theo ý nghĩa nhận thức. ... (nt)... “Ánh sáng đã sanh khởi” theo ý nghĩa chiếu sáng.

[Pháp] nhãn là pháp, ý nghĩa của sự nhận thức là ý nghĩa. ... (nt)... Ánh sáng là pháp, ý nghĩa của chiếu sáng là ý nghĩa. Năm pháp này là năm ý nghĩa có khổ là nền tảng, có chân lý là nền tảng, có chân lý là đối tượng, có chân lý là hành xử, được tổng hợp lại ở chân lý, được hệ thuộc vào chân lý, được hiện khởi ở chân lý, được tồn tại ở chân lý, được thiết lập ở chân lý.

Pháp luân: Pháp luân (bánh xe pháp) với ý nghĩa gì? “Chuyển vận pháp và bánh xe” là Pháp luân. “Chuyển vận bánh xe và pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận với pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận với hành vi của pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận khi tồn tại ở pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận khi được thiết lập ở pháp” là Pháp luân. ... (nt)... “Niết-bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân.

[Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Đây là chân lý cao thượng, tức là nhân sanh khổ.” ... (nt)... [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Đây là chân lý cao thượng, tức là nhân sanh khổ cần được dứt bỏ.” ... (nt)... đã được dứt bỏ.” ... (nt)...

“[Pháp] nhãn đã sanh khởi” theo ý nghĩa gì? ... (nt)... “Ánh sáng đã sanh khởi” theo ý nghĩa gì? “[Pháp] nhãn đã sanh khởi” theo ý nghĩa nhận thức. ... (nt)... “Ánh sáng đã sanh khởi” theo ý nghĩa chiếu sáng.

[Pháp] nhãn là pháp, ý nghĩa của sự nhận thức là ý nghĩa. ... (nt)... Ánh sáng là pháp, ý nghĩa của chiếu sáng là ý nghĩa. Năm pháp này là năm ý nghĩa có nhân sanh là nền tảng, có chân lý là nền tảng... (nt)... có sự diệt tận là nền tảng, có chân lý là nền tảng... (nt)... có đạo là nền tảng, có chân lý là nền tảng, có chân lý là đối tượng, có chân lý là hành xử, được tổng hợp lại ở chân lý, được

hệ thuộc vào chân lý, được hiện khởi ở chân lý, được tồn tại ở chân lý, được thiết lập ở chân lý.

Pháp luân: Pháp luân (bánh xe pháp) với ý nghĩa gì? “Chuyển vận pháp và bánh xe” là Pháp luân. “Chuyển vận bánh xe và pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận với pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận với hành vi của pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận khi tồn tại ở pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận khi được thiết lập ở pháp” là Pháp luân. ... (nt)... “Niết-bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân.

Này các Tỳ-khuru, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Đây là sự quán xét thân trên thân.” Này các Tỳ-khuru, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Sự quán xét thân trên thân này đây cần được tu tập... (nt)... đã được tu tập.”

Này các Tỳ-khuru, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Đây là sự quán xét thọ trên các thọ.” ... (nt)... tâm trên tâm.” ... (nt)... pháp trên các pháp.” Này các Tỳ-khuru, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Sự quán xét pháp trên các pháp này đây cần được tu tập... (nt)... đã được tu tập.”

[Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Đây là sự quán xét thân trên thân.” ... (nt)... [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Sự quán xét thân trên thân này đây cần được tu tập... (nt)... đã được tu tập.”

“[Pháp] nhãn đã sanh khởi” theo ý nghĩa gì? ... (nt)... “Ánh sáng đã sanh khởi” theo ý nghĩa gì? “[Pháp] nhãn đã sanh khởi” theo ý nghĩa nhận thức. ... (nt)... “Ánh sáng đã sanh khởi” theo ý nghĩa chiếu sáng.

[Pháp] nhãn là pháp, ý nghĩa của sự nhận thức là ý nghĩa. ... (nt)... Ánh sáng là pháp, ý nghĩa của chiếu sáng là ý nghĩa. Năm pháp này là năm ý nghĩa có thân là nền tảng, có sự thiết lập niệm là nền tảng... (nt)... có thọ là nền tảng, có sự thiết lập niệm là nền tảng... (nt)... có tâm là nền tảng, có sự thiết lập niệm là nền tảng... (nt)... có pháp là nền tảng, có sự thiết lập niệm là nền tảng... (nt)... có sự thiết lập niệm là đối tượng, có sự thiết lập niệm là hành xử, được tổng hợp lại ở sự thiết lập niệm, được hệ thuộc vào sự thiết lập niệm, được hiện khởi ở sự thiết lập niệm, được tồn tại ở sự thiết lập niệm, được thiết lập ở sự thiết lập niệm.

Pháp luân: Pháp luân (bánh xe pháp) với ý nghĩa gì? “Chuyển vận pháp và bánh xe” là Pháp luân. “Chuyển vận bánh xe và pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận với pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận với hành vi của pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận khi tồn tại ở pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận khi được thiết lập ở pháp” là Pháp Luân. ... (nt)... “Niết-bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân.

Này các Tỳ-khuru, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Đây là nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do ước muốn và các tạo tác do nỗ lực.” Này các Tỳ-khuru, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do ước muốn và các tạo tác do nỗ lực này đây cần được tu tập... (nt)... đã được tu tập.”

Này các Tỳ-khuru, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Đây là nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do tinh tấn và các tạo tác do nỗ lực.” ... (nt)... định do tâm và các tạo tác do nỗ lực.” ... (nt)... định do thẩm xét và các tạo tác do nỗ lực.” Này các Tỳ-khuru, Ta có được [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do thẩm xét và các tạo tác do nỗ lực này đây cần được tu tập... (nt)... đã được tu tập.”

[Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Đây là nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do ước muốn và các tạo tác do nỗ lực.” [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do ước muốn và các tạo tác do nỗ lực này đây cần được tu tập... (nt)... đã được tu tập.”

“[Pháp] nhãn đã sanh khởi” theo ý nghĩa gì? ... (nt)... “Ánh sáng đã sanh khởi” theo ý nghĩa gì? “[Pháp] nhãn đã sanh khởi” theo ý nghĩa nhận thức. ... (nt)... “Ánh sáng đã sanh khởi” theo ý nghĩa chiếu sáng.

[Pháp] nhãn là pháp, ý nghĩa của sự nhận thức là ý nghĩa. ... (nt)... Ánh sáng là pháp, ý nghĩa của chiếu sáng là ý nghĩa. Năm pháp này là năm ý nghĩa có ước muốn là nền tảng, có nền tảng của thần thông là nền tảng, có nền tảng của thần thông là đối tượng, có nền tảng của thần thông là hành xứ, được tổng hợp lại ở nền tảng của thần thông, được hệ thuộc vào nền tảng của thần thông, được hiện khởi ở nền tảng của thần thông, được tồn tại ở nền tảng của thần thông, được thiết lập ở nền tảng của thần thông.

Pháp luân: Pháp luân (bánh xe pháp) với ý nghĩa gì? “Chuyển vận pháp và bánh xe” là Pháp luân. “Chuyển vận bánh xe và pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận với pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận với hành vi của pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận khi tồn tại ở pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận khi được thiết lập ở pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận trong khi thiết lập [người khác] ở pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận khi đạt được năng lực” là Pháp luân. “Chuyển vận trong khi tạo cho [người khác] đạt được năng lực ở pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận khi đạt được sự toàn hảo ở pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận trong khi tạo cho [người khác] đạt được sự toàn hảo ở pháp” là Pháp luân. ... (nt)... “Chuyển vận trong khi sùng kính pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận có pháp là ngọn cò”

là Pháp luân. “Chuyển vận có pháp là biểu hiệu” là Pháp luân. “Chuyển vận có pháp là chủ đạo” là Pháp luân. “Hơn nữa, Pháp luân ấy là không thể bị chuyển vận nghịch lại bởi Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên nhân, Ma vương, Phạm thiên, hoặc bất cứ ai ở trên đời” là Pháp luân.

“Tín quyền là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân. ... (nt)... “Niết-bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân.

[Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Đây là nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do tinh tấn và các tạo tác do nỗ lực.” [Pháp] nhãn đã sanh khởi... (nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: “Nền tảng của thần thông hội đủ [các yếu tố] định do tinh tấn và các tạo tác do nỗ lực này đây cần được tu tập... (nt)... đã được tu tập.”

“[Pháp] nhãn đã sanh khởi” theo ý nghĩa gì? ... (nt)... “Ánh sáng đã sanh khởi” theo ý nghĩa gì? “[Pháp] nhãn đã sanh khởi” theo ý nghĩa nhận thức. ... (nt)... “Ánh sáng đã sanh khởi” theo ý nghĩa chiếu sáng.

[Pháp] nhãn là pháp, ý nghĩa của sự nhận thức là ý nghĩa. ... (nt)... Ánh sáng là pháp, ý nghĩa của chiếu sáng là ý nghĩa. Năm pháp này là năm ý nghĩa có tinh tấn là nền tảng, có nền tảng của thần thông là nền tảng... (nt)... có tâm là nền tảng,... (nt)... có thẩm xét là nền tảng, có nền tảng của thần thông là nền tảng, có nền tảng của thần thông là đối tượng, có nền tảng của thần thông là hành xử, được tổng hợp lại ở nền tảng của thần thông, được hệ thuộc vào nền tảng của thần thông, được hiện khởi ở nền tảng của thần thông, được tồn tại ở nền tảng của thần thông, được thiết lập ở nền tảng của thần thông.

Pháp luân: Pháp luân với ý nghĩa gì? “Chuyển vận pháp và bánh xe” là Pháp luân. “Chuyển vận bánh xe và pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận với pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận với hành vi của pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận khi tồn tại ở pháp” là Pháp luân. “Chuyển vận khi được thiết lập ở pháp” là Pháp luân. ... (nt)... “Niết-bàn liên quan đến bất tử theo ý nghĩa kết thúc là pháp, chuyển vận pháp ấy” là Pháp luân.

Phần giảng về “Pháp luân” được đầy đủ.

VIII. GIẢNG VỀ TỐI THƯỢNG Ở THẾ GIAN (*LOKUTTARAKATHĀ*)

Các pháp tối thượng ở thế gian là gì? Bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy giác chi, Thánh đạo tám chi phần, bốn Thánh đạo, bốn quả vị Sa-môn và Niết-bàn; các pháp này là tối thượng ở thế gian.

Tối thượng ở thế gian: Tối thượng ở thế gian với ý nghĩa gì? “Chúng [các pháp ấy] vượt qua thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng vượt lên ra khỏi thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng vượt lên khỏi thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng vượt lên từ thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng vượt quá thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng hoàn toàn vượt quá thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng là trên hẳn thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng vượt quá tận cùng của thế gian” là tối thượng ở thế gian.

“Chúng xuất ly ra khỏi thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng xuất ly khỏi thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng xuất ly từ thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng được xuất ly ra khỏi thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng được xuất ly bởi thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng được xuất ly từ thế gian” là tối thượng ở thế gian.

“Chúng không trụ ở thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng không trụ tại thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng không bị nhiễm ô ở thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng không bị nhiễm ô bởi thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng không tự làm vấy bẩn ở thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng không tự làm vấy bẩn với thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng không bị vấy bẩn ở thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng không bị vấy bẩn bởi thế gian” là tối thượng ở thế gian.

“Chúng được phóng thích ở thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng được phóng thích bởi thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng được phóng thích ra khỏi thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng được phóng thích khỏi thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng được phóng thích từ thế gian” là tối thượng ở thế gian.

“Chúng được cách ly ở thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng được cách ly với thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng được cách ly ra khỏi thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng được cách ly tại thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng được cách ly khỏi thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng được cách ly từ thế gian” là tối thượng ở thế gian.

“Chúng được trong sạch ra khỏi thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng được trong sạch khỏi thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng được trong sạch từ thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng được thanh tịnh ra khỏi thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng được thanh tịnh khỏi thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng được thanh tịnh từ thế gian” là tối thượng ở thế gian.

“Chúng thoát ra khỏi thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng thoát khỏi thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng thoát ra từ thế gian” là tối thượng ở thế gian.

“Chúng ly khai ra khỏi thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng ly khai khỏi thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng ly khai từ thế gian” là tối thượng ở thế gian.

“Chúng không bám víu ở thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng không bị nắm giữ ở thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng không bị giam cầm ở thế gian” là tối thượng ở thế gian.

“Chúng đoạn trừ thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng có tính chất đã đoạn trừ thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng làm an tịnh thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng có tính chất đã làm an tịnh thế gian” là tối thượng ở thế gian.

“Chúng không là đường lối của thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng không là cảnh giới của thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng không là mục tiêu của thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng là không phổ quát đối với thế gian” là tối thượng ở thế gian.

“Chúng chối từ thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng không tiếp nhận lại thế gian [sau khi chối từ]” là tối thượng ở thế gian. “Chúng từ bỏ thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng không chấp thủ thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng lìa khỏi sự quyến luyến thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng không quyến luyến thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng nhàm chán thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Chúng không hứng thú thế gian” là tối thượng ở thế gian. “Sau khi vượt qua hẳn và chế ngự thế gian, chúng an trụ” là tối thượng ở thế gian.

Phần giảng về “Tối thượng ở thế gian” được đầy đủ.

IX. GIẢNG VỀ LỰC (BALAKATHĀ)

(Duyên khởi ở Sāvattthi)

Này các Tỳ-khuru, đây là năm lực. Năm là gì? Tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực. Này các Tỳ-khuru, đây là năm lực.

Vả lại, có sáu mươi tám lực là tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực, lực của sự hổ thẹn [tội lỗi], lực của sự ghê sợ [tội lỗi], lực của sự phân biệt rõ, lực của sự tu tập, lực của sự không sai trái, lực của sự củng cố, lực của sự nhẫn nại, lực của sự chuẩn bị, lực của sự thuyết phục, lực của sự thống lãnh, lực của sự khẳng định, lực của chỉ tịnh, lực của minh sát, mười lực của bậc Hữu học, mười lực của bậc Vô học, mười lực của bậc Lưu tận, mười lực của thần thông, mười lực của đức Như Lai.

Tín lực là gì? “Không dao động ở sự không có đức tin” là tín lực. Với ý nghĩa nâng đỡ các pháp đồng sanh là tín lực. Theo ý nghĩa chấm dứt các phiền não là tín lực. Theo ý nghĩa làm trong sạch phần đầu sự thấu triệt là tín lực. Theo ý nghĩa khẳng định của tâm là tín lực. Theo ý nghĩa thanh lọc của tâm là tín lực. Theo ý nghĩa đặc chứng pháp đặc biệt là tín lực. Theo ý nghĩa thấu triệt hướng thượng là tín lực. Theo ý nghĩa chứng ngộ chân lý là tín lực. Theo ý nghĩa thiết lập vào sự diệt tận là tín lực. Điều này là tín lực.

Tấn lực là gì? “Không dao động ở sự biếng nhác” là tấn lực. Với ý nghĩa nâng đỡ các pháp đồng sanh là tấn lực. Với ý nghĩa chấm dứt các phiền não là tấn lực. Với ý nghĩa làm trong sạch phần đầu của sự thấu triệt là tấn lực. Với ý nghĩa khẳng định của tâm là tấn lực. Với ý nghĩa thanh lọc của tâm là tấn lực. Với ý nghĩa đặc chứng pháp đặc biệt là tấn lực. Với ý nghĩa thấu triệt hướng thượng là tấn lực. Với ý nghĩa chứng ngộ chân lý là tấn lực. Với ý nghĩa thiết lập vào sự diệt tận là tấn lực. Điều này là tấn lực.

Niệm lực là gì? “Không dao động ở sự buông lung” là niệm lực. Với ý nghĩa nâng đỡ các pháp đồng sanh là niệm lực. ... (nt)... Với ý nghĩa thiết lập vào sự diệt tận là niệm lực. Điều này là niệm lực.

Định lực là gì? “Không dao động ở sự phóng dật” là định lực. Với ý nghĩa nâng đỡ các pháp đồng sanh là định lực. ... (nt)... Với ý nghĩa thiết lập vào sự diệt tận là định lực. Điều này là định lực.

Tuệ lực là gì? “Không dao động ở vô minh” là tuệ lực. Với ý nghĩa nâng đỡ các pháp đồng sanh là tuệ lực. ... (nt)... Với ý nghĩa thiết lập vào sự diệt tận là tuệ lực. Điều này là tuệ lực.

Lực của sự hồ thẹn [tội lỗi] là gì? “Do sự thoát ly, [hành giả] hồ thẹn về ước muốn trong các dục” là lực của sự hồ thẹn. “Do không sân độc, hồ thẹn về sự sân độc” là lực của sự hồ thẹn. “Do nghĩ tưởng về ánh sáng, hồ thẹn về sự lơ đãng buồn ngủ” là lực của sự hồ thẹn. “Do không tán mạn, hồ thẹn về sự phóng dật” là lực của sự hồ thẹn. “Do xác định pháp, hồ thẹn về hoài nghi” là lực của sự hồ thẹn. “Do trí, hồ thẹn về vô minh” là lực của sự hồ thẹn. “Do hân hoan, hồ thẹn về sự không hứng thú” là lực của sự hồ thẹn. “Do sơ thiền, hồ thẹn về các pháp ngăn che” là lực của sự hồ thẹn. ... (nt)... “Do đạo A-la-hán, hồ thẹn về toàn bộ phiền não” là lực của sự hồ thẹn. Điều này là lực của sự hồ thẹn.

Lực của sự ghê sợ [tội lỗi] là gì? “Do sự thoát ly, [hành giả] ghê sợ về ước muốn trong các dục” là lực của sự ghê sợ. “Do không sân độc, ghê sợ về sự sân độc” là lực của sự ghê sợ. “Do nghĩ tưởng về ánh sáng, ghê sợ về sự lơ đãng buồn ngủ” là lực của sự ghê sợ. “Do không tán mạn, ghê sợ về sự phóng dật” là lực của sự ghê sợ. “Do xác định pháp, ghê sợ về hoài nghi” là lực của sự ghê sợ. “Do trí, ghê sợ về vô minh” là lực của sự ghê sợ. “Do hân hoan, ghê sợ về sự không hứng thú” là lực của sự ghê sợ. “Do sơ thiền, ghê sợ về các pháp ngăn che” là lực của sự ghê sợ. ... (nt)... “Do đạo A-la-hán, ghê sợ về toàn bộ phiền não” là lực của sự ghê sợ. Điều này là lực của sự ghê sợ.

Lực của sự phân biệt rõ là gì? “Do sự thoát ly, [hành giả] phân biệt rõ về ước muốn trong các dục” là lực của sự phân biệt rõ. “Do không sân độc, phân biệt rõ về sự sân độc” là lực của sự phân biệt rõ. “Do nghĩ tưởng về ánh sáng, phân biệt rõ về sự lơ đãng buồn ngủ” là lực của sự phân biệt rõ. “Do không tán mạn, phân biệt rõ về sự phóng dật” là lực của sự phân biệt rõ. “Do sự xác định pháp, phân biệt rõ về hoài nghi” là lực của sự phân biệt rõ. “Do trí, phân biệt rõ về vô minh” là lực của sự phân biệt rõ. “Do hân hoan, phân biệt rõ về sự không hứng thú” là lực của sự phân biệt rõ. “Do sơ thiền, phân biệt rõ về các pháp ngăn che” là lực của sự phân biệt rõ. ... (nt)... “Do đạo A-la-hán, phân biệt rõ về toàn bộ phiền não” là lực của sự phân biệt rõ. Điều này là lực của sự phân biệt rõ.

Lực của sự tu tập là gì? “Trong khi dứt bỏ ước muốn trong các dục, [hành giả] tu tập sự thoát ly” là lực của sự tu tập. “Trong khi dứt bỏ sân độc, tu tập sự không sân độc” là lực của sự tu tập. “Trong khi dứt bỏ sự lơ đãng buồn ngủ, tu tập sự nghĩ tưởng về ánh sáng” là lực của sự tu tập. “Trong khi dứt bỏ phóng dật, tu tập sự không tán mạn” là lực của sự tu tập. “Trong khi dứt bỏ hoài nghi, tu tập sự xác định pháp” là lực của sự tu tập. “Trong khi dứt bỏ vô minh, tu tập trí” là lực của sự tu tập. “Trong khi dứt bỏ sự không hứng thú, tu tập sự hân hoan” là lực của sự tu tập. “Trong khi dứt bỏ các pháp ngăn che, tu tập sơ thiền” là lực của sự tu tập. ... (nt)... “Trong khi dứt bỏ toàn bộ phiền não, tu tập đạo A-la-hán” là lực của sự tu tập. Điều này là lực của sự tu tập.

Lực của sự không sai trái là gì? “Do trạng thái dứt bỏ ước muốn trong các dục, không có gì sai trái ở sự thoát ly” là lực của sự không sai trái. “Do trạng thái dứt bỏ sân độc, không có gì sai trái ở sự không sân độc” là lực của sự không

sai trái. “Do trạng thái dứt bỏ sự lơ đãng buồn ngủ, không có gì sai trái ở sự nghĩ tưởng về ánh sáng” là lực của sự không sai trái. “Do trạng thái dứt bỏ phóng dật, không có gì sai trái ở sự không tán mạn” là lực của sự không sai trái. “Do trạng thái dứt bỏ hoài nghi, không có gì sai trái ở sự xác định pháp” là lực của sự không sai trái. “Do trạng thái dứt bỏ vô minh, không có gì sai trái ở trí” là lực của sự không sai trái. “Do trạng thái dứt bỏ sự không hứng thú, không có gì sai trái ở sự hân hoan” là lực của sự không sai trái. “Do trạng thái dứt bỏ các pháp ngăn che, không có gì sai trái ở sơ thiên” là lực của sự không sai trái. ... (nt)... “Do trạng thái dứt bỏ toàn bộ phiền não, không có gì sai trái ở đạo A-la-hán” là lực của sự không sai trái. Điều này là lực của sự không sai trái.

Lực của sự củng cố là gì? “Trong khi dứt bỏ ước muốn trong các dục, nhờ vào tác động của sự thoát ly [hành giả] củng cố lại tâm” là lực của sự củng cố. “Trong khi dứt bỏ sân độc bằng sự không sân độc [hành giả] củng cố lại tâm” là lực của sự củng cố. “Trong khi dứt bỏ sự lơ đãng buồn ngủ bằng sự nghĩ tưởng về ánh sáng [hành giả] củng cố lại tâm” là lực của sự củng cố. ... (nt)... “Trong khi dứt bỏ toàn bộ phiền não bằng đạo A-la-hán [hành giả] củng cố lại tâm” là lực của sự củng cố. Điều này là lực của sự củng cố.

Lực của sự nhẫn nại là gì? “Do trạng thái dứt bỏ ước muốn trong các dục, [hành giả] chấp nhận sự thoát ly” là lực của sự nhẫn nại. “Do trạng thái dứt bỏ sân độc, chấp nhận sự không sân độc” là lực của sự nhẫn nại. “Do trạng thái dứt bỏ sự lơ đãng buồn ngủ, chấp nhận sự nghĩ tưởng về ánh sáng” là lực của sự nhẫn nại. “Do trạng thái dứt bỏ phóng dật, chấp nhận sự không tán mạn” là lực của sự nhẫn nại. “Do trạng thái dứt bỏ hoài nghi, chấp nhận sự xác định pháp” là lực của sự nhẫn nại. “Do trạng thái dứt bỏ vô minh, chấp nhận trí” là lực của sự nhẫn nại. “Do trạng thái dứt bỏ sự không hứng thú, chấp nhận hân hoan” là lực của sự nhẫn nại. “Do trạng thái dứt bỏ các pháp ngăn che, chấp nhận sơ thiên” là lực của sự nhẫn nại. ... (nt)... “Do trạng thái dứt bỏ toàn bộ phiền não, chấp nhận đạo A-la-hán” là lực của sự nhẫn nại. Điều này là lực của sự nhẫn nại.

Lực của sự chuẩn bị là gì? “Trong khi dứt bỏ ước muốn trong các dục, nhờ vào tác động của sự thoát ly [hành giả] chuẩn bị tâm” là lực của sự chuẩn bị. “Trong khi dứt bỏ sân độc, nhờ vào tác động của sự không sân độc [hành giả] chuẩn bị tâm” là lực của sự chuẩn bị. “Trong khi dứt bỏ sự lơ đãng buồn ngủ, nhờ vào tác động của sự nghĩ tưởng về ánh sáng [hành giả] chuẩn bị tâm” là lực của sự chuẩn bị. ... (nt)... “Trong khi dứt bỏ toàn bộ phiền não, nhờ vào tác động của đạo A-la-hán [hành giả] chuẩn bị tâm” là lực của sự chuẩn bị. Điều này là lực của sự chuẩn bị.

Lực của sự thuyết phục là gì? “Trong khi dứt bỏ ước muốn trong các dục, nhờ vào tác động của sự thoát ly [hành giả] khiến tâm được thuyết phục” là lực của sự thuyết phục. “Trong khi dứt bỏ sân độc, nhờ vào tác động của sự không sân độc [hành giả] khiến tâm được thuyết phục” là lực của sự thuyết phục. “Trong khi dứt bỏ sự lơ đãng buồn ngủ, nhờ vào tác động của sự nghĩ tưởng về

ánh sáng [hành giả] khiến tâm được thuyết phục” là lực của sự thuyết phục. ... (nt)... “Trong khi dứt bỏ toàn bộ phiền não, nhờ vào tác động của đạo A-la-hán [hành giả] khiến tâm được thuyết phục” là lực của sự thuyết phục. Điều này là lực của sự thuyết phục.

Lực của sự thống lãnh là gì? “Trong khi dứt bỏ ước muốn trong các dục, nhờ vào tác động của sự thoát ly [hành giả] chuyển tâm thành ưu thế” là lực của sự thống lãnh. “Trong khi dứt bỏ sân độc, nhờ vào tác động của sự không sân độc [hành giả] chuyển tâm thành ưu thế” là lực của sự thống lãnh. “Trong khi dứt bỏ sự lơ đãng buồn ngủ, nhờ vào tác động của sự nghĩ tưởng về ánh sáng [hành giả] chuyển tâm thành ưu thế” là lực của sự thống lãnh. ... (nt)... “Trong khi dứt bỏ toàn bộ phiền não, nhờ vào tác động của đạo A-la-hán [hành giả] chuyển tâm thành ưu thế” là lực của sự thống lãnh. Điều này là lực của sự thống lãnh.

Lực của sự khẳng định là gì? “Trong khi dứt bỏ ước muốn trong các dục, nhờ vào tác động của sự thoát ly [hành giả] khẳng định tâm” là lực của sự khẳng định. “Trong khi dứt bỏ sân độc, nhờ vào tác động của sự không sân độc [hành giả] khẳng định tâm” là lực của sự khẳng định. “Trong khi dứt bỏ sự lơ đãng buồn ngủ, nhờ vào tác động của sự nghĩ tưởng về ánh sáng [hành giả] khẳng định tâm” là lực của sự khẳng định. ... (nt)... “Trong khi dứt bỏ toàn bộ phiền não, nhờ vào tác động của đạo A-la-hán [hành giả] khẳng định tâm” là lực của sự khẳng định. Điều này là lực của sự khẳng định.

Lực của chỉ tịnh là gì? Do tác động của sự thoát ly, trạng thái chuyên nhất không tán mạn của tâm là lực của chỉ tịnh. Do tác động của sự không sân độc, trạng thái chuyên nhất không tán mạn của tâm là lực của chỉ tịnh. Do tác động của sự nghĩ tưởng về ánh sáng, trạng thái chuyên nhất không tán mạn của tâm là lực của chỉ tịnh. ... (nt)... Có sự quán xét về từ bỏ, do tác động của hơi thở vào, trạng thái chuyên nhất không tán mạn của tâm là lực của chỉ tịnh. Có sự quán xét về từ bỏ, do tác động của hơi thở ra, trạng thái chuyên nhất không tán mạn của tâm là lực của chỉ tịnh.

Lực của chỉ tịnh: Lực của chỉ tịnh với ý nghĩa gì? “Nhờ vào Sơ thiên, [hành giả] không rung động đối với các pháp ngăn che” là lực của chỉ tịnh. “Nhờ vào Nhị thiên, [hành giả] không rung động đối với tầm và tứ” là lực của chỉ tịnh. “Nhờ vào Tam thiên, [hành giả] không rung động đối với hỷ” là lực của chỉ tịnh. “Nhờ vào Tứ thiên, [hành giả] không rung động đối với lạc và khổ” là lực của chỉ tịnh.

“Nhờ vào sự chứng đạt Không vô biên xứ, [hành giả] không rung động đối với sự nghĩ tưởng về sắc, đối với sự nghĩ tưởng về bất bình, đối với sự nghĩ tưởng về sự khác biệt” là lực của chỉ tịnh. “Nhờ vào sự chứng đạt Thức vô biên xứ, [hành giả] không rung động đối với sự nghĩ tưởng về Không vô biên xứ” là lực của chỉ tịnh. “Nhờ vào sự chứng đạt Vô sở hữu xứ, [hành giả] không rung động đối với sự nghĩ tưởng về Thức vô biên xứ” là lực của chỉ tịnh. “Nhờ vào sự chứng đạt Phi tướng phi phi tướng xứ, [hành giả] không rung động đối với

sự nghĩ tưởng về Vô sở hữu xứ” là lực của chỉ tịnh. “[Hành giả] không rung động, không lay động, không chao động đối với các sự phóng dật, đối với các phiền não đi cùng với phóng dật và đối với các uẩn” là lực của chỉ tịnh. Đây là lực của chỉ tịnh.

Lực của minh sát là gì? Sự quán xét về vô thường là lực của minh sát. ... (nt)... Sự quán xét về từ bỏ là lực của minh sát. Sự quán xét về vô thường ở sắc là lực của minh sát. Sự quán xét về khổ não ở sắc là lực của minh sát. ... (nt)... Sự quán xét về từ bỏ ở sắc là lực của minh sát. Sự quán xét về vô thường ở thọ... ở tưởng... ở các hành... ở thức... ở mắt... ở lão tử là lực của minh sát. Sự quán xét về khổ não ở lão tử là lực của minh sát. ... (nt)... Sự quán xét về từ bỏ ở lão tử là lực của minh sát.

Lực của minh sát: Lực của minh sát với ý nghĩa gì? “Do quán xét về vô thường, [hành giả] không rung động đối với sự nghĩ tưởng về thường” là lực của minh sát. “Do quán xét về khổ não, không rung động đối với sự nghĩ tưởng về lạc” là lực của minh sát. “Do quán xét về vô ngã, không rung động đối với sự nghĩ tưởng về ngã” là lực của minh sát. “Do quán xét về nhàm chán, không rung động đối với sự nghĩ tưởng về vui thích” là lực của minh sát. “Do quán xét về ly tham ái, không rung động đối với sự nghĩ tưởng về tham ái” là lực của minh sát. “Do quán xét về diệt tận, không rung động đối với sự nghĩ tưởng về nhân sanh khởi” là lực của minh sát. “Do quán xét về từ bỏ, không rung động đối với sự nghĩ tưởng về nắm giữ” là lực của minh sát. “Không rung động, không chuyển động, không dao động đối với vô minh, đối với các phiền não đi cùng với vô minh và đối với các uẩn” là lực của minh sát. Đây là lực của minh sát.

Mười lực của bậc Hữu học, mười lực của bậc Vô học là gì? “[Hành giả] học tập chánh kiến” là lực của bậc Hữu học. “Do trạng thái đã học tập xong ở điều ấy” là lực của bậc Vô học. “[Hành giả] học tập chánh tư duy” là lực của bậc Hữu học. “Do trạng thái đã học tập xong ở điều ấy” là lực của bậc Vô học. “[Hành giả] học tập chánh ngữ... chánh nghiệp... chánh mạng... chánh tinh tấn... chánh niệm... chánh định... chánh trí... chánh giải thoát” là lực của bậc Hữu học. “Do trạng thái đã học tập xong ở điều ấy” là lực của bậc Vô học. Đây là mười lực của bậc Hữu học, mười lực của bậc Vô học.

Mười lực của bậc Lưu tận là gì? Ở đây, đối với vị Tỳ-khưu là bậc Lưu tận, tất cả các hành là vô thường được thấy rõ đúng theo thực thể nhờ vào sự nhận biết đúng đắn. Sự việc đối với vị Tỳ-khưu là bậc Lưu tận, tất cả các hành là vô thường được thấy rõ đúng theo thực thể nhờ vào sự nhận biết đúng đắn; điều này cũng là lực của vị Tỳ-khưu là bậc Lưu tận. Sau khi đạt đến lực ấy, vị Tỳ-khưu là bậc Lưu tận nhận biết sự đoạn tận của các lậu hoặc rằng: “Các lậu hoặc của ta đã cạn kiệt.”

Hơn nữa, đối với vị Tỳ-khưu là bậc Lưu tận, các dục tợ như hổ than cháy đỏ được thấy rõ, đúng theo thực thể nhờ vào sự nhận biết đúng đắn. Sự việc đối

với vị Tỳ-khưu là bậc Lậu tận, các dục tợ như hổ than cháy đỏ được thấy rõ, đúng theo thực thể nhờ vào sự nhận biết đúng đắn; điều này cũng là lực của vị Tỳ-khưu là bậc Lậu tận. Sau khi đạt đến lực ấy, vị Tỳ-khưu là bậc Lậu tận nhận biết sự đoạn tận của các lậu hoặc rằng: “Các lậu hoặc của ta đã cạn kiệt.”

Hơn nữa, đối với vị Tỳ-khưu là bậc Lậu tận, tâm là thuận theo sự viển ly, là xuôi theo sự viển ly, là nghiêng theo sự viển ly, là tồn tại ở sự viển ly, là hứng thú với sự thoát ly, là được hoàn toàn chấm dứt đối với các pháp đưa đến lậu hoặc. Sự việc đối với vị Tỳ-khưu là bậc Lậu tận, tâm là thuận theo sự viển ly, là xuôi theo sự viển ly, là nghiêng theo sự viển ly, là tồn tại ở sự viển ly, là hứng thú với sự thoát ly, là được hoàn toàn chấm dứt đối với các pháp đưa đến lậu hoặc; điều này cũng là lực của vị Tỳ-khưu là bậc Lậu tận. Sau khi đạt đến lực ấy, vị Tỳ-khưu là bậc Lậu tận nhận biết sự đoạn tận của các lậu hoặc rằng: “Các lậu hoặc của ta đã cạn kiệt.”

Hơn nữa, đối với vị Tỳ-khưu là bậc Lậu tận, bốn sự thiết lập niệm là đã được tu tập, là đã được tu tập tốt đẹp. Sự việc đối với vị Tỳ-khưu là bậc Lậu tận, bốn sự thiết lập niệm là đã được tu tập, là đã được tu tập tốt đẹp; điều này cũng là lực của vị Tỳ-khưu là bậc Lậu tận. Sau khi đạt đến lực ấy, vị Tỳ-khưu là bậc Lậu tận nhận biết sự đoạn tận của các lậu hoặc rằng: “Các lậu hoặc của ta đã cạn kiệt.”

Hơn nữa, đối với vị Tỳ-khưu là bậc Lậu tận, bốn chánh cần là đã được tu tập, là đã được tu tập tốt đẹp. ... (nt)... bốn nền tảng của thần thông là đã được tu tập, là đã được tu tập tốt đẹp. ... (nt)... năm quyền là đã được tu tập, là đã được tu tập tốt đẹp. ... (nt)... năm lực là đã được tu tập, là đã được tu tập tốt đẹp. ... (nt)... bảy chi phần đưa đến giác ngộ là đã được tu tập, là đã được tu tập tốt đẹp. ... (nt)... Thánh đạo tám chi phần là đã được tu tập, là đã được tu tập tốt đẹp. Sự việc đối với vị Tỳ-khưu là bậc Lậu tận, Thánh đạo tám chi phần là đã được tu tập, là đã được tu tập tốt đẹp; điều này cũng là lực của vị Tỳ-khưu là bậc Lậu tận. Sau khi đạt đến lực ấy, vị Tỳ-khưu là bậc Lậu tận nhận biết sự đoạn tận của các lậu hoặc rằng: “Các lậu hoặc của ta đã cạn kiệt.” Đây là mười lực của bậc Lậu tận.

Mười lực của thần thông là gì? Thần thông do chú nguyện, thần thông do biến hóa, thần thông do ý tạo thành, thần thông do sự can thiệp của trí, thần thông do sự can thiệp của định, thần thông thuộc về bậc Thánh, thần thông sanh lên do kết quả của nghiệp, thần thông của người có phước báu, thần thông do sự hiểu biết, thần thông với ý nghĩa thành công do duyên ứng dụng đúng đắn tùy theo trường hợp; đây là mười lực của thần thông.

Mười lực của đức Như Lai là gì? Ở đây, đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể về điều hợp lý là hợp lý và điều phi lý là phi lý. Sự việc đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể về điều hợp lý là hợp lý và điều phi lý là phi lý, điều này cũng là Như Lai lực của đức Như Lai. Sau khi đạt đến lực ấy, đức Như Lai

công bố về tư thế tối thượng, rống lên tiếng rống sư tử ở giữa hội chúng, chuyển vận pháp luân tối thượng.

Hơn nữa, đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể kết quả các sự thọ nhận về nghiệp ở thời quá khứ, hiện tại, vị lai tùy theo sự kiện, tùy theo chủng tử. Sự việc đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể kết quả các sự thọ nhận về nghiệp ở thời quá khứ, hiện tại, vị lai tùy theo sự kiện, tùy theo chủng tử, điều này cũng là Như Lai lực của đức Như Lai. Sau khi đạt đến lực ấy, đức Như Lai công bố về tư thế tối thượng, rống lên tiếng rống sư tử ở giữa hội chúng, chuyển vận pháp luân tối thượng.

Hơn nữa, đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể sự thực hành đưa đến tất cả các cõi tái sanh. Sự việc đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể sự thực hành đưa đến tất cả các cõi tái sanh, điều này cũng là Như Lai lực của đức Như Lai. Sau khi đạt đến lực ấy, đức Như Lai công bố về tư thế tối thượng, rống lên tiếng rống sư tử ở giữa hội chúng, chuyển vận pháp luân tối thượng.

Hơn nữa, đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể thể giới có vô số bản chất và có các bản chất khác biệt. Sự việc đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể thể giới có vô số bản chất và có các bản chất khác biệt, điều này cũng là Như Lai lực của đức Như Lai. ... (nt)... chuyển vận pháp luân tối thượng.

Hơn nữa, đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể về khuynh hướng khác biệt của các chúng sanh. Sự việc đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể về khuynh hướng khác biệt của các chúng sanh, điều này cũng là Như Lai lực của đức Như Lai. ... (nt)... chuyển vận pháp luân tối thượng.

Hơn nữa, đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể khả năng về các quyền của các chúng sanh khác, của các cá nhân khác. Sự việc đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể khả năng về các quyền của các chúng sanh khác, của các cá nhân khác, điều này cũng là Như Lai lực của đức Như Lai. ... (nt)... chuyển vận pháp luân tối thượng.

Hơn nữa, đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể về phiền não, sự thanh lọc, sự thoát ra của thiên, của giải thoát, của định và của sự chứng đạt. Sự việc đức Như Lai nhận biết đúng theo thực thể về phiền não, sự thanh lọc, sự thoát ra của thiên, của giải thoát, của định và của sự chứng đạt, điều này cũng là Như Lai lực của đức Như Lai. ... (nt)... chuyển vận pháp luân tối thượng.

Hơn nữa, đức Như Lai nhớ về nhiều kiếp sống trước như là một lần sanh, hai lần sanh... (nt)...; như thế Ngài nhớ lại nhiều kiếp sống trước với các nét cá biệt và đại cương. Sự việc đức Như Lai nhớ về nhiều kiếp sống trước như là một lần sanh, hai lần sanh... (nt)... điều này cũng là Như Lai lực của đức Như Lai. ... (nt)... chuyển vận pháp luân tối thượng.

Hơn nữa, đức Như Lai, bằng thiên nhãn thuần tịnh vượt trội loài người, nhìn thấy chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại... (nt)... Sự việc đức Như Lai, bằng thiên nhãn thuần tịnh vượt trội loài người, nhìn thấy chúng sanh trong khi

chết đi rồi sanh lại... (nt)... điều này cũng là Như Lai lực của đức Như Lai. ... (nt)... chuyển vận pháp luân tối thượng.

Hơn nữa, đức Như Lai, do sự đoạn tận của các lậu hoặc ngay trong kiếp hiện tại, sau khi tác chứng sự không còn lậu hoặc, sự giải thoát của ý, sự giải thoát của tuệ bằng thắng trí của tự thân, đã thể nhập và an trú. Sự việc đức Như Lai, do sự đoạn tận của các lậu hoặc ngay trong kiếp hiện tại, sau khi tác chứng sự không còn lậu hoặc, sự giải thoát của ý, sự giải thoát của tuệ bằng thắng trí của tự thân, đã thể nhập và an trú, điều này cũng là Như Lai lực của đức Như Lai. Sau khi đạt đến lực ấy, đức Như Lai công bố về tư thế tối thượng, rống lên tiếng rống sư tử ở giữa hội chúng, chuyển vận pháp luân tối thượng.

Tín lực với ý nghĩa gì? Tấn lực với ý nghĩa gì? Niệm lực với ý nghĩa gì? Định lực với ý nghĩa gì? Tuệ lực với ý nghĩa gì? Lực của sự hổ thẹn [tội lỗi] với ý nghĩa gì? Lực của sự ghê sợ [tội lỗi] với ý nghĩa gì? Lực của sự phân biệt rõ với ý nghĩa gì? ... (nt)... Lực của đức Như Lai với ý nghĩa gì?

Với ý nghĩa của sự không dao động ở sự không có đức tin là tín lực. Với ý nghĩa của sự không dao động ở sự biếng nhác là tấn lực. Với ý nghĩa của sự không dao động ở sự buông lung là niệm lực. Với ý nghĩa của sự không dao động ở sự phóng dật là định lực. Với ý nghĩa của sự không dao động ở vô minh là tuệ lực. “Hổ thẹn về các ác bất thiện pháp” là lực của sự hổ thẹn [tội lỗi]. “Ghê sợ về các ác bất thiện pháp” là lực của sự ghê sợ [tội lỗi]. “Phân biệt rõ các phiền não bằng trí” là lực của sự phân biệt rõ. “Các pháp sanh lên trong trường hợp ấy là có nhất vị” là lực của sự tu tập. “Không có gì sai trái ở điều ấy” là lực của sự không sai trái. “Do điều ấy, [hành giả] củng cố lại tâm” là lực của sự củng cố. “[Hành giả] chấp nhận điều ấy” là lực của sự nhẫn nại. “Do điều ấy, [hành giả] chuẩn bị tâm” là lực của sự chuẩn bị. “Do điều ấy, [hành giả] khiến tâm được thuyết phục” là lực của sự thuyết phục. “Do điều ấy, [hành giả] chuyển tâm thành ưu thế” là lực của sự thống lĩnh. “Do điều ấy, [hành giả] khẳng định tâm” là lực của sự khẳng định. “Do điều ấy, tâm được chuyên nhất” là lực của chỉ tịnh. “[Hành giả] quán xét các pháp sanh lên trong trường hợp ấy” là lực của minh sát. “[Hành giả] học tập ở điều ấy” là lực của bậc Hữu học. “Do trạng thái đã học tập xong ở điều ấy” là lực của bậc Vô học. “Do điều ấy, các lậu hoặc được cạn kiệt” là lực của bậc Lậu tận. “Được thành công cho vị ấy” là lực của thần thông. Với ý nghĩa vô lượng là lực của đức Như Lai.

Phản giảng về “Lực” được đầy đủ.

X. GIẢNG VỀ KHÔNG TÁNH (*SUNÑATĀKATHĀ*)

Tôi đã được nghe như vậy:

Một thời, đức Thế Tôn ngự tại Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Khi ấy, Đại đức Ānanda đã đi đến gặp đức Thế Tôn; sau khi đến, đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Ānanda đã bạch với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, được nói rằng: “Thế giới là Không, thế giới là Không.” Bạch Ngài, cho đến như thế nào được nói rằng: “Thế giới là Không”?

– Nay Ānanda, bởi vì là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã, do đó được nói rằng: “Thế giới là Không.” Và nay Ānanda, cái gì là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã? Nay Ānanda, mắt là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã. Các sắc là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã. Nhãn thức là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã. Nhãn xúc là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã. Cảm thọ nào được sanh lên do duyên nhãn xúc đầu là lạc, hoặc là khổ, hoặc là không khổ không lạc, cảm thọ ấy cũng là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã.

Tai là Không... Các thanh là Không... Mũi là Không... Các khí là Không... Lưỡi là Không... Các vị là Không... Thân là Không... Các xúc là Không... Ý là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã. Các pháp là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã. Ý thức là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã. Ý xúc là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã. Cảm thọ nào được sanh lên do duyên ý xúc đầu là lạc, hoặc là khổ, hoặc là không khổ không lạc, cảm thọ ấy cũng là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã. Nay Ānanda, bởi vì là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã, do đó được nói rằng: “Thế giới là Không.”

Không đối với Không, Không đối với các hành, Không do sự chuyển biến, Không tối thắng, Không do tướng trạng, Không do áp chế, Không đối với chi phần ấy, Không do đoạn trừ, Không do tịnh lặng, Không do xuất ly, Không đối với nội phân, Không đối với ngoại phân, Không đối với cả hai [nội và ngoại phân], Không của cùng nhóm, Không do khác nhóm, Không do tầm cầu, Không do nắm giữ, Không do thành đạt, Không do thấu triệt, Không do tính chất giống nhau, Không do tính chất khác biệt, Không do nhân nãi, Không do

khẳng định, Không do thâm nhập, sự chấm dứt vận hành của vị có sự nhận biết rõ rệt là Không theo ý nghĩa tuyệt đối của tất cả không tánh.

Cái gì là Không đối với Không? Mắt là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã, đối với vật thường còn, đối với vật vững bền, đối với vật vĩnh viễn hoặc đối với pháp không chuyển biến. Tai là Không... Mũi là Không... Lưỡi là Không... Thân là Không... Ý là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã, đối với vật thường còn, đối với vật vững bền, đối với vật vĩnh viễn hoặc đối với pháp không chuyển biến. Đây là Không đối với Không.

Cái gì là Không đối với các hành? Có ba hành: Phúc hành, phi phúc hành, bất động hành.⁷ Phúc hành là Không đối với phi phúc hành và đối với bất động hành. Phi phúc hành là Không đối với phúc hành và đối với bất động hành. Bất động hành là Không đối với phúc hành và đối với phi phúc hành. Đây là ba hành.

Còn có ba hành khác nữa: Thân hành, khẩu hành, ý hành. Thân hành là Không đối với khẩu hành và đối với ý hành. Khẩu hành là Không đối với thân hành và đối với ý hành. Ý hành là Không đối với thân hành và đối với khẩu hành. Đây là ba hành.

Còn có ba hành khác nữa: Hành thời quá khứ, hành thời vị lai, hành thời hiện tại. Hành thời quá khứ là Không đối với hành thời vị lai và thời hiện tại. Hành thời vị lai là Không đối với hành thời quá khứ và thời hiện tại. Hành thời hiện tại là Không đối với hành thời quá khứ và thời vị lai. Đây là ba hành. Đây là Không đối với các hành.

Cái gì là Không do sự chuyển biến? Sắc được sanh lên là Không do bản thể, sắc đã qua không những là đã chuyển biến mà còn là Không. Thọ được sanh lên là Không do bản thể, thọ đã qua không những là đã chuyển biến mà còn là Không. Tưởng được sanh lên... Các hành được sanh lên... Thức được sanh lên... Mắt được sanh lên... Hữu được sanh lên là Không do bản thể, hữu đã qua không những là đã chuyển biến mà còn là Không. Đây là Không do sự chuyển biến.

Cái gì là Không tối thắng? Địa vị này là tối thắng, địa vị này là hạng nhất, địa vị này là phi thường, tức là sự yên lặng của tất cả các hành, sự từ bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự đoạn tận ái, sự ly tham ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Đây là Không tối thắng.

Cái gì là Không do tướng trạng? Có hai tướng trạng: Tướng trạng của kẻ ngu và tướng trạng của người trí. Tướng trạng của kẻ ngu là Không so với tướng trạng của người trí. Tướng trạng của người trí là Không so với tướng trạng của kẻ ngu.

Có ba tướng trạng: Tướng trạng sanh lên, tướng trạng hoại diệt, tướng trạng thay đổi trong khi tồn tại. Tướng trạng sanh lên là Không đối với tướng trạng

⁷ Phúc hành (*puññābhisankhāro*) là sự tạo tác đem lại phước báu do năng lực của bố thí, trì giới, tham thiền, v.v... và sự tu tập năm thiện sắc giới; phi phúc hành (*apuññābhisankhāro*) là sự tạo tác không đem lại phước báu do hậu quả của các hành động như sát sanh, v.v...; bất động hành (*āneñjābhisankhāro*) là sự tạo tác có kết quả không thay đổi, có liên quan đến bốn thiên vô sắc (*PsA. III. 633*).

hoại diệt và đối với tướng trạng thay đổi trong khi tồn tại. Tướng trạng hoại diệt là Không đối với tướng trạng sanh lên và đối với tướng trạng thay đổi trong khi tồn tại. Tướng trạng thay đổi trong khi tồn tại là Không đối với tướng trạng sanh lên và đối với tướng trạng hoại diệt.

Đối với sắc, tướng trạng sanh lên là Không đối với tướng trạng hoại diệt và đối với tướng trạng đổi thay khi trụ lại. Đối với sắc, tướng trạng hoại diệt là Không đối với tướng trạng sanh lên và đối với tướng trạng đổi thay khi trụ lại. Đối với sắc, tướng trạng đổi thay khi trụ lại là Không đối với tướng trạng sanh lên và đối với tướng trạng hoại diệt. Đối với thọ... tưởng... các hành... thức... mắt... lão tử, tướng trạng sanh lên là Không đối với tướng trạng hoại diệt và đối với tướng trạng đổi thay khi trụ lại. Đối với lão tử, tướng trạng hoại diệt là Không đối với tướng trạng sanh lên và đối với tướng trạng đổi thay khi trụ lại. Đối với lão tử, tướng trạng đổi thay khi trụ lại là Không đối với tướng trạng sanh lên và đối với tướng trạng hoại diệt. Đây là Không do tướng trạng.

Cái gì là Không do áp chế? Do sự thoát ly, ước muốn trong các dục được áp chế và là Không. Do không sân độc, sân độc được áp chế và là Không. Do sự nghĩ tưởng về ánh sáng, sự lơ đãng buồn ngủ được áp chế và là Không. Do không tán mạn, sự phóng dật được áp chế và là Không. Do xác định pháp, hoài nghi được áp chế và là Không. Do trí, vô minh được áp chế và là Không. Do hân hoan, sự không hứng thú được áp chế và là Không. Do sơ thiền, các pháp ngăn che được áp chế và là Không. ... (nt)... Do đạo A-la-hán, toàn bộ phiền não được áp chế và là Không. Đây là Không do áp chế.

Cái gì là Không đối với chi phần ấy? Do sự thoát ly, ước muốn trong các dục là Không đối với chi phần ấy. Do không sân độc, sân độc là Không đối với chi phần ấy. Do sự nghĩ tưởng về ánh sáng, sự lơ đãng buồn ngủ là Không đối với chi phần ấy. Do không tán mạn, sự phóng dật là Không đối với chi phần ấy. Do xác định pháp, hoài nghi là Không đối với chi phần ấy. Do trí, vô minh là Không đối với chi phần ấy. Do hân hoan, sự không hứng thú là Không đối với chi phần ấy. Do sơ thiền, các pháp ngăn che là Không đối với chi phần ấy. ... (nt)... Do quán xét về ly khai, cố chấp vào sự ràng buộc là Không đối với chi phần ấy. Đây là Không đối với chi phần ấy.

Cái gì là Không do đoạn trừ? Do sự thoát ly, ước muốn trong các dục được đoạn trừ và là Không. Do không sân độc, sân độc được đoạn trừ và là Không. Do nghĩ tưởng về ánh sáng, sự lơ đãng buồn ngủ được đoạn trừ và là Không. Do không tán mạn, sự phóng dật được đoạn trừ và là Không. Do xác định pháp, hoài nghi được đoạn trừ và là Không. Do trí, vô minh được đoạn trừ và là Không. Do hân hoan, sự không hứng thú được đoạn trừ và là Không. Do sơ thiền, các pháp ngăn che được đoạn trừ và là Không. ... (nt)... Do đạo A-la-hán, toàn bộ phiền não được đoạn trừ và là Không. Đây là Không do đoạn trừ.

Cái gì là Không do tịnh lặng? Do sự thoát ly, ước muốn trong các dục được tịnh lặng và là Không. Do không sân độc, sân độc được tịnh lặng và là Không.

Do nghĩ tưởng về ánh sáng, sự lơ dờ buồn ngủ được tịnh lặng và là Không. Do không tán mạn, phóng dật được tịnh lặng và là Không. Do xác định pháp, hoài nghi được tịnh lặng và là Không. Do trí, vô minh được tịnh lặng và là Không. Do hân hoan, sự không hứng thú được tịnh lặng và là Không. Do sơ thiền, các pháp ngăn che được tịnh lặng và là Không. ... (nt)... Do đạo A-la-hán, toàn bộ phiền não được tịnh lặng và là Không. Đây là Không do tịnh lặng.

Cái gì là Không do xuất ly? Do sự thoát ly, ước muốn trong các dục được xuất ly và là Không. Do không sân độc, sân độc được xuất ly và là Không. Do sự nghĩ tưởng về ánh sáng, sự lơ dờ buồn ngủ được xuất ly và là Không. Do không tán mạn, sự phóng dật được xuất ly và là Không. Do xác định pháp, hoài nghi được xuất ly và là Không. Do trí, vô minh được xuất ly và là Không. Do hân hoan, sự không hứng thú được xuất ly và là Không. Do sơ thiền, các pháp ngăn che được xuất ly và là Không. ... (nt)... Do đạo A-la-hán, toàn bộ phiền não được xuất ly và là Không. Đây là Không do xuất ly.

Cái gì là Không đối với nội phần? Mắt thuộc nội phần là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã, đối với vật thường còn, đối với vật vững bền, đối với vật vĩnh viễn hoặc đối với pháp không chuyển biến. Tai thuộc nội phần là Không... Mũi thuộc nội phần là Không... Lưỡi thuộc nội phần là Không... Thân thuộc nội phần là Không... Ý thuộc nội phần là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã, đối với vật thường còn, đối với vật vững bền, đối với vật vĩnh viễn, hoặc đối với pháp không chuyển biến. Đây là Không đối với nội phần.

Cái gì là Không đối với ngoại phần? Các sắc thuộc ngoại phần là Không... (nt)... Các pháp thuộc ngoại phần là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã, đối với vật thường còn, đối với vật vững bền, đối với vật vĩnh viễn, hoặc đối với pháp không chuyển biến. Đây là Không đối với ngoại phần.

Cái gì là Không đối với cả hai? Mắt thuộc nội phần và các sắc thuộc ngoại phần, cả hai điều này là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã, đối với vật thường còn, đối với vật vững bền, đối với vật vĩnh viễn, hoặc đối với pháp không chuyển biến. Tai thuộc nội phần và các thanh thuộc ngoại phần... Mũi thuộc nội phần và các khí thuộc ngoại phần... Lưỡi thuộc nội phần và các vị thuộc ngoại phần... Thân thuộc nội phần và các xúc thuộc ngoại phần... Ý thuộc nội phần và các pháp thuộc ngoại phần, cả hai điều này là Không đối với tự ngã hoặc đối với vật thuộc về tự ngã, đối với vật thường còn, đối với vật vững bền, đối với vật vĩnh viễn, hoặc đối với pháp không chuyển biến. Điều này là Không đối với cả hai.

Cái gì là Không của cùng nhóm? Sáu nội xứ là cùng nhóm và là Không. Sáu ngoại xứ là cùng nhóm và là Không. Sáu nhóm của thức là cùng nhóm và là Không. Sáu nhóm của xúc là cùng nhóm và là Không. Sáu nhóm của thọ là cùng nhóm và là Không. Sáu nhóm của tưởng là cùng nhóm và là Không. Sáu nhóm của tư là cùng nhóm và là Không. Đây là Không của cùng nhóm.

Cái gì là Không do khác nhóm? Sáu nội xứ đối với sáu ngoại xứ là khác nhóm và là Không. Sáu ngoại xứ đối với sáu nhóm của thức là khác nhóm và là Không. Sáu nhóm của thức đối với sáu nhóm của xúc là khác nhóm và là Không. Sáu nhóm của xúc đối với sáu nhóm của thọ là khác nhóm và là Không. Sáu nhóm của thọ đối với sáu nhóm của tưởng là khác nhóm và là Không. Sáu nhóm của tưởng đối với sáu nhóm của tư là khác nhóm và là Không. Đây là Không do khác nhóm.

Cái gì là Không do tầm cầu? Tầm cầu sự thoát ly là Không đối với ước muốn trong các dục. Tầm cầu sự không sân độc là Không đối với sân độc. Tầm cầu sự nghĩ tưởng về ánh sáng là Không đối với sự lơ đãng buồn ngủ. Tầm cầu sự Không tán mạn là Không đối với phóng dật. Tầm cầu sự xác định pháp là Không đối với hoài nghi. Tầm cầu trí là Không đối với vô minh. Tầm cầu sự hân hoan là Không đối với sự không hứng thú. Tầm cầu sơ thiền là Không đối với các pháp ngăn che... (nt)... Tầm cầu đạo A-la-hán là Không đối với toàn bộ phiền não. Đây là Không do tầm cầu.

Cái gì là Không do nắm giữ? Nắm giữ sự thoát ly là Không đối với ước muốn trong các dục. Nắm giữ sự không sân độc là Không đối với sân độc. Nắm giữ sự nghĩ tưởng về ánh sáng là Không đối với sự lơ đãng buồn ngủ. Nắm giữ sự không tán mạn là Không đối với sự phóng dật. Nắm giữ sự xác định pháp là Không đối với hoài nghi. Nắm giữ trí là Không đối với vô minh. Nắm giữ sự hân hoan là Không đối với sự không hứng thú. Nắm giữ sơ thiền là Không đối với các pháp ngăn che... (nt)... Nắm giữ đạo A-la-hán là Không đối với toàn bộ phiền não. Đây là Không do nắm giữ.

Cái gì là Không do thành đạt? Thành đạt sự thoát ly là Không đối với ước muốn trong các dục. Thành đạt sự không sân độc là Không đối với sân độc. Thành đạt sự nghĩ tưởng về ánh sáng là Không đối với sự lơ đãng buồn ngủ. Thành đạt sự không tán mạn là Không đối với phóng dật. Thành đạt sự xác định pháp là Không đối với hoài nghi. Thành đạt trí là Không đối với vô minh. Thành đạt sự hân hoan là Không đối với sự không hứng thú. Thành đạt sơ thiền là Không đối với các pháp ngăn che. ... (nt)... Thành đạt đạo A-la-hán là Không đối với toàn bộ phiền não. Đây là Không do thành đạt.

Cái gì là Không do thấu triệt? Thấu triệt sự thoát ly là Không đối với ước muốn trong các dục. Thấu triệt sự không sân độc là Không đối với sân độc. Thấu triệt sự nghĩ tưởng về ánh sáng là Không đối với sự lơ đãng buồn ngủ. Thấu triệt sự không tán mạn là Không đối với phóng dật. Thấu triệt sự xác định pháp là Không đối với hoài nghi. Thấu triệt trí là Không đối với vô minh. Thấu triệt sự hân hoan là Không đối với sự không hứng thú. Thấu triệt sơ thiền là Không đối với các pháp ngăn che... (nt)... Thấu triệt đạo A-la-hán là Không đối với toàn bộ phiền não. Đây là Không do thấu triệt.

Cái gì là Không do tính chất giống nhau, là Không do tính chất khác biệt? Ước muốn trong các dục là có tính chất khác biệt, sự thoát ly là có tính chất

giống nhau. Vị đang suy nghĩ về tính chất giống nhau của sự thoát ly, đối với vị ấy là Không về ước muốn trong các dục. Sân độc là có tính chất khác biệt, không sân độc là có tính chất giống nhau. Vị đang suy nghĩ về tính chất giống nhau của không sân độc, đối với vị ấy là Không về sân độc. Sự lơ đãng buồn ngủ là có tính chất khác biệt, sự nghĩ tưởng về ánh sáng là có tính chất giống nhau. Vị đang suy nghĩ về tính chất giống nhau của sự nghĩ tưởng về ánh sáng, đối với vị ấy là Không về sự lơ đãng buồn ngủ. Phóng dật là có tính chất khác biệt, sự không tản mạn là có tính chất giống nhau. Vị đang suy nghĩ về tính chất giống nhau của sự không tản mạn, đối với vị ấy là Không về phóng dật. Hoài nghi là có tính chất khác biệt, sự xác định pháp là có tính chất giống nhau. Vị đang suy nghĩ về tính chất giống nhau của sự xác định pháp, đối với vị ấy là Không về hoài nghi. Vô minh là có tính chất khác biệt, trí là có tính chất giống nhau. Vị đang suy nghĩ về tính chất giống nhau của trí, đối với vị ấy là Không về vô minh. Sự không hứng thú là có tính chất khác biệt, hân hoan là có tính chất giống nhau. Vị đang suy nghĩ về tính chất giống nhau của hân hoan, đối với vị ấy là Không về sự không hứng thú. Các pháp ngăn che là có tính chất khác biệt, sơ thiền là có tính chất giống nhau. Vị đang suy nghĩ về tính chất giống nhau của sơ thiền, đối với vị ấy là Không về các pháp ngăn che... (nt)... Toàn bộ phiền não là có tính chất khác biệt, đạo A-la-hán là có tính chất giống nhau. Vị đang suy nghĩ về tính chất giống nhau của đạo A-la-hán, đối với vị ấy là Không về toàn bộ phiền não. Đây là Không do tính chất giống nhau, là Không do tính chất khác biệt.

Cái gì là Không do nhãn nại? Nhãn nại đối với sự thoát ly là Không đối với ước muốn trong các dục. Nhãn nại đối với sự không sân độc là Không đối với sân độc. Nhãn nại đối với sự nghĩ tưởng về ánh sáng là Không đối với sự lơ đãng buồn ngủ. Nhãn nại đối với sự không tản mạn là Không đối với phóng dật. Nhãn nại đối với sự xác định pháp là Không đối với hoài nghi. Nhãn nại đối với trí là Không đối với vô minh. Nhãn nại đối với sự hân hoan là Không đối với sự không hứng thú. Nhãn nại đối với sơ thiền là Không đối với các pháp ngăn che... (nt)... Nhãn nại đối với đạo A-la-hán là Không đối với toàn bộ phiền não. Đây là Không do nhãn nại.

Cái gì là Không do khắng định? Khắng định sự thoát ly là Không đối với ước muốn trong các dục. Khắng định không sân độc là Không đối với sự sân độc. Khắng định sự nghĩ tưởng về ánh sáng là Không đối với sự lơ đãng buồn ngủ. Khắng định sự không tản mạn là Không đối với sự phóng dật. Khắng định sự xác định pháp là Không đối với hoài nghi. Khắng định trí là Không đối với vô minh. Khắng định sự hân hoan là Không đối với không hứng thú. Khắng định sơ thiền là Không đối với các pháp ngăn che... (nt)... Khắng định đạo A-la-hán là Không đối với toàn bộ phiền não. Đây là Không do khắng định.

Cái gì là Không do thâm nhập? Thâm nhập sự thoát ly là Không đối với ước muốn trong các dục. Thâm nhập sự không sân độc là Không đối với sân

độc. Thâm nhập sự nghĩ tưởng về ánh sáng là Không đối với sự lơ đãng buồn ngủ. Thâm nhập sự không tán mạn là Không đối với sự phóng dật. Thâm nhập sự xác định pháp là Không đối với hoài nghi. Thâm nhập trí là Không đối với vô minh. Thâm nhập sự hân hoan là Không đối với sự không hứng thú. Thâm nhập sơ thiền là Không đối với các pháp ngăn che. ... (nt)... Thâm nhập đạo A-la-hán là Không đối với toàn bộ phiền não. Đây là Không do thâm nhập.

Sự chấm dứt vận hành gì ở vị có sự nhận biết rõ rệt là Không theo ý nghĩa tuyệt đối của tất cả không tánh? Ở đây, vị có sự nhận biết rõ rệt, chấm dứt sự vận hành của ước muốn trong các dục nhờ vào sự thoát ly, chấm dứt sự vận hành của sân độc nhờ vào không sân độc, chấm dứt sự vận hành của sự lơ đãng buồn ngủ nhờ vào sự nghĩ tưởng về ánh sáng, chấm dứt sự vận hành của phóng dật nhờ vào không tán mạn, chấm dứt sự vận hành của hoài nghi nhờ vào sự xác định pháp, chấm dứt sự vận hành của vô minh nhờ vào trí, chấm dứt sự vận hành của không hứng thú nhờ vào hân hoan, chấm dứt sự vận hành của các pháp ngăn che nhờ vào sơ thiền... (nt)... chấm dứt sự vận hành của toàn bộ phiền não nhờ vào đạo A-la-hán.

Hoặc là đối với vị có sự nhận biết rõ rệt đang Vô dư Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn không còn dư sót, sự vận hành này của mắt được chấm dứt và sự vận hành khác của mắt không sanh lên, sự vận hành này của tai... (nt)... sự vận hành này của mũi... (nt)... sự vận hành này của lưỡi... (nt)... sự vận hành này của thân... (nt)... sự vận hành này của ý được chấm dứt và sự vận hành khác của ý không sanh lên. Sự chấm dứt vận hành này ở vị có sự nhận biết rõ rệt là Không theo ý nghĩa tuyệt đối của tất cả không tánh.

Phần giảng về “Không tánh” được đầy đủ.

Phẩm “Kết hợp chung” là phần thứ nhì.

Tóm lược phẩm này:

Kết hợp chung, chân lý,	Các chi phần giác ngộ,
Tâm từ, ly tham ái,	Là phần giảng thứ năm,
[Các phương pháp] phân tích,	Bánh xe về Chánh pháp,
Tối thượng ở thế gian,	Lực và Không là mười.

Phần quý báu của các bộ kinh đã được thành lập này là phẩm thứ nhì, cao quý, tuyệt vời, không gì sánh được.